

Số: 1047/TB-CHP

Hải Phòng, ngày 22 tháng 4 năm 2026

V/v cập nhật tài liệu Đại hội đồng cổ đông
thường niên năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng
 - Mã chứng khoán: PHP
 - Địa chỉ trụ sở chính: Số 8A Trần Phú, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
 - Điện thoại: 0225.3859945 Fax: 0225.3552049
 - Email: congbothongtin@haiphongport.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố: Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng thông báo cập nhật, bổ sung nội dung tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 21/04/2026 tại đường dẫn <https://haiphongport.com.vn/vi/dai-hoi-dong-co-dong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TKCT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tường Anh



**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026**

PHẦN A

**CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025,
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025**

I. Công tác quản trị của Hội đồng quản trị

1. Các nội dung đã thảo luận của Hội đồng quản trị năm 2025

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng) đã tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị để thảo luận các nội dung sau:

STT	Ngày họp	Kết luận của HĐQT	Ngày ký	Nội dung
1	27/3/2025	63/NQ-CHP	28/3/2025	- Dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh quý I/2025, kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II/2025 - Các nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Cảng Hải Phòng - Chương trình hành động năm 2025 của Hội đồng quản trị
2	23/6/2025	110/NQ-CHP	24/6/2025	- Dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh quý II/2025, 6 tháng đầu năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III/2025 - Dự kiến kết quả thực hiện các chỉ tiêu BSC-KPI và KRI 6 tháng đầu năm 2025 - Phương án sáp nhập Cảng Hoàng Diệu và Cảng Chùa Vẽ - Chủ trương bổ nhiệm lại Phó Tổng Giám đốc Cảng Hải Phòng - Công tác nhân sự tại Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng
3	29/9/2025	160/NQ-CHP	30/9/2025	- Dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh quý III/2025, 9 tháng đầu năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV/2025 và thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác - Các định hướng chiến lược - Phương án tái cấu trúc toàn diện Cảng Hải Phòng

STT	Ngày họp	Kết luận của HĐQT	Ngày ký	Nội dung
				- Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ 6 tháng cuối năm 2025 - Công tác cán bộ biệt phái
4	25/12/2025	191/NQ-CHP	26/12/2025	- Dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, kết quả thực hiện các chỉ tiêu BSC-KPI và KRI năm 2025, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 - Phương án sử dụng lao động tại Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ - Quỹ tiền lương thực hiện năm 2025 của các đơn vị trực thuộc - Các định hướng đầu tư chiến lược

Ngoài hình thức họp trực tiếp hoặc trực tuyến, Hội đồng quản trị Cảng Hải Phòng xem xét các nội dung liên quan đến hoạt động thường nhật của Công ty, hoạt động quản trị Công ty và các nội dung khác theo đề xuất của Tổng Giám đốc, các bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị dưới hình thức xin ý kiến các thành viên bằng văn bản.

2. Tổng kết công tác ban hành Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2025

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị Cảng Hải Phòng đã ban hành 198 Nghị quyết, liên quan đến các vấn đề sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư, công tác tổ chức nhân sự và công tác đổi mới doanh nghiệp nhằm triển khai thực hiện kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao và chỉ đạo Tổng Giám đốc triển khai thực hiện các Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Danh sách Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành trong năm 2025 được Cảng Hải Phòng thống kê tại Báo cáo tình hình quản trị năm 2025, Báo cáo thường niên năm 2025 và công bố thông tin theo quy định.

3. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2025

STT	Nội dung	Kết quả
1	Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng nhiệm kỳ 2024-2029	Đã thực hiện
2	Phân phối lợi nhuận sau thuế và chi trả cổ tức năm 2024	Đã thực hiện
3	Lựa chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2025	Nhận ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY
4	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	Đã thực hiện

5	Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025	Tại mục B của Báo cáo
6	-Tiến độ triển khai “Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại Khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng” -Triển khai cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng cảng biển hình thành từ Dự án đầu tư xây dựng các Bến container số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng và một số tài sản khác của Cảng Hải Phòng	Có Báo cáo riêng
7	Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	Có Tờ trình riêng

4. Hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2025

4.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thông báo các Nghị quyết và nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc Công ty; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc, yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo định kỳ và đột xuất các kết quả đạt được cũng như các khó khăn đang gặp phải; Hội đồng quản trị tham gia các buổi họp của Ban điều hành để nắm bắt thông tin, trao đổi trực tiếp và cùng tháo gỡ khó khăn trong hoạt động điều hành sản xuất của Công ty.

Thực hiện quy định tại Điều lệ Cảng Hải Phòng, ngoài các cuộc họp tập trung, Hội đồng quản trị đã thực hiện xin ý kiến các thành viên bằng văn bản để nhanh chóng thảo luận và đưa ra các quyết định chỉ đạo đối với Ban điều hành. Các văn bản xin ý kiến và tài liệu liên quan được lưu giữ tại công ty làm cơ sở pháp lý cho công tác kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị.

4.2. Hoạt động của từng thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
Trước ngày 29/4/2025				
1	Ông Phạm Hồng Minh	01/01	100%	
2	Ông Nguyễn Tường Anh	01/01	100%	
3	Bà Trịnh Thị Ngọc Biển	01/01	100%	
4	Bà Nguyễn Thị Yên	01/01	100%	
5	Ông Lê Đông	01/01	100%	
6	Ông Vũ Đức Biên	01/01	100%	
7	Ông Đỗ Vũ Linh	01/01	100%	

Từ ngày 29/4/2025				
1	Ông Phạm Hồng Minh	03/03	100%	
2	Ông Nguyễn Tường Anh	03/03	100%	
3	Ông Lý Quang Thái	02/03	66,7%	Đi công tác
4	Bà Nguyễn Thị Yên	03/03	100%	
5	Ông Lê Đông	02/03	66,7%	Đi công tác
6	Ông Vũ Đức Biên	02/03	66,7%	Đi công tác
7	Bà Lê Thị Ngọc Dung	03/03	100%	

Ngoài các buổi họp thường kỳ/đợt xuất của Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị còn thực hiện trao đổi thông tin qua email để thảo luận, tham gia ý kiến về các nội dung theo thẩm quyền. Việc trao đổi bằng hình thức này là thường xuyên và tích cực. Ý kiến tham gia, đề xuất của các thành viên đều được bộ phận Thư ký Công ty tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị và lưu giữ tại văn phòng Hội đồng quản trị.

Các thành viên Hội đồng quản trị, trên cơ sở phân công nhiệm vụ và nhu cầu nắm bắt thông tin trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng Hải Phòng, tích cực, chủ động tham gia các buổi họp, buổi làm việc chuyên đề của Ban điều hành. Từ đó, có những ý kiến tham gia tích cực và hiệu quả đối với hoạt động quản trị, điều hành của Cảng Hải Phòng.

5. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; Thu nhập của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng năm 2025

5.1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua tại kỳ họp thường niên năm 2025, Cảng Hải Phòng đã thực hiện chi trả tiền lương, thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị công ty như sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách (chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị) được hưởng lương quỹ lương Người quản lý chuyên trách của Cảng Hải Phòng.

- Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách được hưởng thù lao: 30.000.000 đồng/tháng. Tổng quỹ thù lao Cảng Hải Phòng chi trả cho các thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách: 2.160.000.000 đồng.

Kết quả chi trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị công ty (theo Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán) như sau:

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức danh	Thù lao (VND)	Tiền lương (VND)
1	Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch Hội đồng quản trị		2.550.239.492
2	Ông Nguyễn Tường Anh	Thành viên Hội đồng quản trị	360.000.000	
		Tổng Giám đốc		2.464.409.255

3	Ông Lý Quang Thái	Thành viên Hội đồng quản trị	240.000.000	
4	Bà Nguyễn Thị Yên	Thành viên Hội đồng quản trị	360.000.000	
5	Ông Lê Đông	Thành viên Hội đồng quản trị	360.000.000	
6	Ông Vũ Đức Biên	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	360.000.000	
7	Bà Lê Thị Ngọc Dung	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	240.000.000	
8	Bà Trịnh Thị Ngọc Biển	Nguyên Thành viên Hội đồng quản trị	120.000.000	
9	Ông Đỗ Vũ Linh	Nguyên Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	120.000.000	

Ngoài khoản thu nhập từ tiền lương, các thành viên Hội đồng quản trị còn được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của Cảng Hải Phòng.

5.2. Mức lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng được hưởng lương quỹ lương Người quản lý chuyên trách của Cảng Hải Phòng (theo Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán), cụ thể như sau:

STT	Chức danh	Số lượng	Tổng mức tiền lương năm 2025 (đồng)	Ghi chú
1	Tổng Giám đốc	01	2.464.409.255	
2	Phó Tổng Giám đốc	03	3.740.237.998	01 Phó TGD chuyển sang HTIT từ 10/01/2025
3	Kế toán trưởng	01	1.691.156.955	

6. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc Công ty và những người điều hành của Công ty năm 2025

Hội đồng quản trị Cảng Hải Phòng đã giao nhiệm vụ và thường xuyên giám sát hoạt động điều hành công ty của Tổng Giám đốc, cụ thể như sau:

- Các hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác, mở rộng thị trường tiếp tục được duy trì, các dự án đầu tư cấp thiết được ưu tiên triển khai trước để đảm bảo sản xuất kinh doanh, các dự án đầu tư tiềm năng trong tương lai được nghiên cứu, thảo luận và tham vấn ý kiến chuyên môn để đảm bảo đầu tư hiệu quả trên cơ sở cơ cấu lại nguồn vốn.

- Giám sát chặt chẽ quy trình đầu tư các dự án, đảm bảo việc đầu tư được thực hiện theo đúng định hướng phát triển của công ty và quy định của pháp luật, đặc biệt là đẩy nhanh tiến độ hoàn thành dự án đầu tư hai cầu cảng tại khu vực Lạch Huyện.

- Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thu, chi; có biện pháp tiết kiệm, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; đầu tư theo hướng hiện đại hóa các thiết bị, tạo sự phát triển ổn định lâu dài, mở rộng các dịch vụ để tăng năng lực khai thác cảng và nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Chỉ đạo mở rộng các dịch vụ để tăng năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu khách hàng; đổi mới công nghệ xếp dỡ, tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp.

- Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ ứng dụng công nghệ số trong khai thác và chăm sóc khách hàng.

- Chỉ đạo Tổng Giám đốc nhanh chóng triển khai các kế hoạch hợp tác với khách hàng trong việc khai thác các dịch vụ hậu cần logistics nhằm tăng cường mối liên kết giữa công ty với khách hàng, đồng thời tạo thêm nguồn thu tài chính cho công ty.

- Chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của công ty theo đúng quy định.

- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề Hội đồng quản trị giao cho Tổng Giám đốc, yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo định kỳ và đột xuất các kết quả đạt được cũng như các khó khăn đang gặp phải.

- Theo quy định của công ty và đề nghị của Ban điều hành, Hội đồng quản trị tham gia các buổi họp của Ban điều hành để nắm bắt thông tin, trao đổi trực tiếp và cùng tháo gỡ khó khăn trong hoạt động điều hành sản xuất của công ty.

7. Hoạt động của tiểu ban hỗ trợ năm 2025

Hiện nay, Hội đồng quản trị Công ty có một Tiểu ban giúp việc là Tiểu ban nghiên cứu phát triển Cảng Hải Phòng (Tiểu ban). Trong năm 2025, Tiểu ban đã hỗ trợ Hội đồng quản trị trong công tác chỉ đạo thực hiện đầu tư dự án bến 3, 4 Lạch Huyện và đề án di dời Cảng Hoàng Diệu đảm bảo tiến độ theo yêu cầu.

8. Các giao dịch giữa Cảng Hải Phòng, công ty con, công ty do Cảng Hải Phòng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Cảng Hải Phòng với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch năm 2025

Cảng Hải Phòng đã công bố thông tin các giao dịch này tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025 theo quy định về quản trị công ty đại chúng. Báo cáo này được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Cảng Hải Phòng vào ngày 29/01/2026 và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định.

9. Các kế hoạch tương lai

9.1. Mục tiêu phát triển chung của Công ty

- Cảng Hải Phòng đã xây dựng một chiến lược phát triển giai đoạn 2025-2030 bao gồm các phương án kinh doanh trên cơ sở phân tích đánh giá trên và tình hình diễn biến thị trường, tình hình dự báo mức tăng trưởng nền kinh tế, phát triển kinh tế khu vực, chiến lược phát triển của ngành, Công ty mẹ là Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP và nội lực thế mạnh của Cảng Hải Phòng.

- Tiếp tục triển khai thực hiện công tác Tái cơ cấu đảm bảo tinh gọn, hiệu quả.

- Đẩy mạnh nghiên cứu đầu tư hợp tác tại Khu CN Bạch Đằng, Lạch Huyện, Nam Đồ Sơn nhằm mở rộng phạm vi hoạt động; đặc biệt quan tâm phát triển các lĩnh vực hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh chính do các đơn vị thành viên thực hiện để tạo thành chuỗi liên kết giá trị trong hệ sinh thái của Cảng Hải Phòng nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh.

9.2. Giải pháp trọng tâm

Để giữ vững vị trí, thương hiệu là cảng chủ đạo trong khu vực, thực hiện được các mục tiêu đề ra, Cảng Hải Phòng tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp trong tất cả các mặt hoạt động của công ty, trong đó tập trung vào ba nhóm giải pháp trọng tâm sau:

- Nắm bắt thông tin về quy hoạch phát triển cảng trong khu vực, các định hướng của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, qua đó đề ra các giải pháp và chiến lược kinh doanh phát triển Cảng lâu dài. Tiếp tục nghiên cứu khả năng hợp tác, liên doanh liên kết với các khách hàng lớn để đảm bảo khai thác hiệu quả các hạ tầng cơ sở sẵn có của Cảng Hải Phòng.

- Khai thác có hiệu quả năng lực nội tại của Cảng Hải Phòng nhằm gia tăng chất lượng dịch vụ, quản lý hiệu quả chi phí để tăng tính cạnh tranh trong cung cấp dịch vụ.

- Tiếp tục đầu tư chiều sâu đồng thời tận dụng mọi lợi thế và cơ hội để đầu tư mở rộng phát triển Cảng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và năng lực sản xuất kinh doanh.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025 VÀ BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đặc điểm tình hình thị trường

Năm 2025 tiếp tục là một năm đầy thách thức đối với thị trường logistics và thương mại quốc tế. Mặc dù thương mại thế giới phục hồi sau dịch bệnh, bối cảnh kinh tế vẫn chịu nhiều bất định do tăng trưởng kinh tế chậm ở một số nền kinh tế lớn, áp lực lạm phát và rủi ro địa chính trị kéo dài. Trong phần lớn năm 2025, nhu cầu vận tải biển và logistics phản ánh xu hướng cầu chậm lại ở tuyến đường chính như Bắc Mỹ – châu Âu, nhưng vẫn duy trì mức cao ở các tuyến châu Á. Các thỏa thuận thương mại và nỗ lực ổn định thuế quan, đặc biệt các điều chỉnh tạm hoãn thuế giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc, đã góp phần giảm bớt áp lực thuế quan trong một số giai đoạn, qua đó kích cầu cung ứng hàng hóa toàn cầu và thúc đẩy hoạt động logistics. Tuy nhiên, nhu cầu vẫn biến động

theo diễn biến kinh tế khu vực, gây áp lực lên việc lập kế hoạch của các hãng tàu toàn cầu. Giá cước vận tải biển nhiều thời điểm trong năm có xu hướng điều chỉnh theo cung cầu, đặt ra yêu cầu linh hoạt về chiến lược dịch vụ và mạng tuyến của hãng tàu trong bối cảnh cạnh tranh gia tăng.

Trong bối cảnh đó, Hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2025 đạt những kết quả rất tích cực, với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt khoảng 930,05 tỷ USD, mức cao nhất từ trước đến nay và tăng trưởng vượt bậc so với năm trước. Xuất khẩu tăng khoảng 17% còn nhập khẩu tăng gần 19,4%. Điều này phản ánh sự phục hồi mạnh mẽ của thương mại trong nước và năng lực cạnh tranh ngày càng gia tăng của doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường quốc tế, đặc biệt trong nhóm hàng công nghiệp chế biến, điện tử và công nghệ cao. Cán cân thương mại năm 2025 tiếp tục ở trạng thái xuất siêu, đóng góp vào việc ổn định kinh tế vĩ mô, củng cố dự trữ ngoại hối quốc gia và nâng cao vị thế của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Tại khu vực Hải Phòng, hệ thống cảng biển tiếp tục giữ vai trò cửa ngõ hàng hải quốc tế của miền Bắc với sản lượng thông qua đạt 115,27 triệu tấn, trong đó khu vực cảng nước sâu Lạch Huyện nổi lên là trung tâm tăng trưởng chính. Việc đưa vào khai thác các bến container mới trong năm 2025 (Cảng HTIT và HHIT đi vào hoạt động từ tháng 4/2025) đã giúp sản lượng container thông qua khu vực Lạch Huyện đạt trên 2,3 triệu TEU, đồng thời thu hút thêm các tuyến dịch vụ tàu mẹ trực tiếp đi châu Âu, châu Mỹ. Tuy nhiên, công suất tăng nhanh đã khiến cạnh tranh nội vùng trở nên gay gắt, giá dịch vụ cảng chịu áp lực giảm, ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác và biên lợi nhuận, đòi hỏi các doanh nghiệp cảng phải tập trung vào tối ưu vận hành, nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng cường liên kết chuỗi để phát triển bền vững trong giai đoạn tới.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2025, Cảng Hải Phòng đã triển khai công tác tái cơ cấu bộ máy quản lý và vận hành, hướng tới mục tiêu tinh gọn, hiệu quả và tối ưu hóa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Tháng 3/2025, triển khai tái cơ cấu Công ty TNHH MTV Đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ thành Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng. Theo phương án này, Công ty TNHH MTV Đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ tiếp nhận Trung tâm sửa chữa cùng toàn bộ lực lượng lao động bốc xếp tại Cảng Chùa Vẽ và Tân Vũ, từ 01/7 tiếp nhận lực lượng bốc xếp tại Cảng Hoàng Diệu), hình thành đơn vị mới chuyên cung cấp các dịch vụ: sửa chữa phương tiện thiết bị, thường trực sửa chữa, vệ sinh giám định container, bốc xếp thủ công và đào tạo nhân lực cho các đơn vị trong hệ sinh thái Cảng Hải Phòng.

- Tháng 7/2025 (ngày 15/7), triển khai sáp nhập hai đơn vị Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu và Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ hoạt động với tên gọi mới là Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ. Đơn vị mới sáp nhập hoạt động trên cả 3 khu vực Cảng Hoàng Diệu, Cảng Chùa Vẽ và khu vực chuyên tải, tiếp tục duy trì khai thác mặt hàng container nội địa và mặt hàng ngoài container. Trong đó, trọng tâm được xác định là phát triển khai thác các mặt hàng ngoài container có đơn giá bốc xếp cao, nhằm tối ưu hóa doanh thu và lợi nhuận.

- Tháng 4/2025 đưa vào khai thác Cảng nước sâu tại Lạch Huyện với mô hình Liên doanh với hãng tàu MSC (Hãng tàu lớn nhất thế giới hiện nay) đã tạo cú hích về tăng trưởng sản lượng Container qua đó Cảng Hải Phòng giữ vững vị trí số 1 tại khu vực Miền Bắc, là hệ thống Cảng đầu tiên tại khu vực Miền Bắc đạt mốc 2 triệu TEU/năm.

2.1. Các chỉ tiêu SXKD hợp nhất Cảng Hải Phòng

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	TH 2024	KH 2025	TH 2025	So sánh (%)	
					TH2025/ TH2024	TH2025/ KH2025
TỔNG SẢN LƯỢNG	1000 T	39.902	49.500	42.672	106,9%	86,21%
<i>Trong đó container</i>	<i>1.000 Teus</i>	<i>1.846,30</i>	<i>2.393,00</i>	<i>2.072,72</i>	<i>112,36%</i>	<i>86,62%</i>
TỔNG DOANH THU	Tr.đồng	2.997.979	3.650.000	2.942.930	98,2%	80,60%
LỢI NHUẬN	Tr.đồng	1.199.845	1.353.000	1.257.174	104,8%	92,9%

- **Sản lượng:** Sản lượng thực hiện tăng 6,9% so với cùng kỳ năm 2024, trong đó sản lượng container tăng 12,3% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, so với kế hoạch năm 2025, sản lượng thực hiện chỉ đạt 86,21%, trong đó sản lượng container thực hiện đạt 86,6%. Nguyên nhân chủ yếu do: Sụt giảm sản lượng hàng ngoài container tại khu vực Cảng Hoàng Diệu vì không tiếp nhận được tàu lớn, sản lượng container tại Cảng Đình Vũ sụt giảm mạnh đã tác động không nhỏ đến sản lượng thực hiện chung của toàn cảng.

- **Doanh thu:** Trong năm 2025, doanh thu Hợp nhất Cảng Hải Phòng thực hiện bằng 98,2% so với cùng kỳ năm 2024 và bằng 80,6% kế hoạch cả năm 2025.

Việc doanh thu giảm so với cùng kỳ là do trong năm 2024, Cảng Hải Phòng ghi nhận khoản doanh thu 22,35 tỷ đồng từ việc thoái vốn của Cảng Hải Phòng tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam. Bên cạnh đó, doanh thu sản xuất chính của 02 đơn vị Cảng Hoàng Diệu và Cảng Đình Vũ sụt giảm mạnh so với cùng kỳ do ảnh hưởng sụt giảm sản lượng.

So với kế hoạch, doanh thu thực hiện trong năm 2025 chỉ bằng 80,62%, nguyên nhân là do khi xây dựng kế hoạch SXKD năm 2025, việc hạch toán doanh thu của cảng HTIT vào doanh thu Hợp nhất được Cảng Hải Phòng xây dựng và được VIMC chấp thuận phê duyệt. Tuy nhiên, kết quả thực tế khi hạch toán theo Báo cáo tài chính năm 2025 thì kết quả SXKD của Cảng HTIT chỉ được ghi nhận là khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết.

- **Lợi nhuận:** Trong năm 2025, lợi nhuận hợp nhất thực hiện tăng 4,8% so với cùng kỳ năm 2024 và bằng 92,9% kế hoạch năm 2025. So với kế hoạch năm 2025, Lợi nhuận Hợp nhất không đạt là do giảm doanh thu như các nguyên nhân chính đã phân tích ở trên.

2.2. Các chỉ tiêu SXKD của Công ty mẹ

2.2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD:

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2024	KH 2025	TH 2025	So sánh (%)	
					TH2025/ TH2024	TH2025/ KH2025
Tổng sản lượng	Tr.tấn	23.567	27.920	23.290	98,82%	83,42%
<i>Trong đó Container</i>	<i>1000Teus</i>	<i>1.273,2</i>	<i>1.446,0</i>	<i>1.240,7</i>	<i>97,45%</i>	<i>85,80%</i>
Tổng Doanh thu	Tr.đồng	1.729.862	2.269.000	2.315.334	133,8%	102,0%
Lợi nhuận TT	Tr.đồng	738.077	967.500	1.173.235	159,0%	121,3%

- **Sản lượng:** Trong năm 2025, sản lượng Công ty mẹ thực hiện bằng 98,8% so với cùng kỳ năm 2024 và đạt 83,4% so với kế hoạch năm 2025, trong đó sản lượng container thực hiện bằng 97,4% so với cùng kỳ và đạt 85,8% so với kế hoạch. Sản lượng container thực hiện giảm 2,6% so với cùng kỳ nguyên nhân là do từ ngày 15/7/2025, Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ chính thức chấm dứt hoạt động để tiến hành sáp nhập với Cảng Hoàng Diệu thành lập Công ty TNHH MTV, do vậy sản lượng container nửa cuối tháng 7 đến hết năm 2025 (khoảng 164,0 nghìn TEU) không được tính cho Công ty mẹ. Nếu tính số lượng container này như theo kế hoạch thì sản lượng container thực hiện tại Công ty mẹ ước đạt 1.386 nghìn TEU, tăng 8,9% so với cùng kỳ.

- **Doanh thu:** Trong năm 2025, doanh thu Công ty mẹ thực hiện tăng 33,8% so với cùng kỳ năm 2024. So với kế hoạch năm 2025, doanh thu Công ty mẹ thực hiện tăng 2,0%. Kết quả tăng trưởng tích cực này chủ yếu đến từ sự gia tăng sản lượng hàng ngoài container tại các khu vực Cảng Tân Vũ và Chùa Vẽ, cùng với việc điều chỉnh giá cước bốc xếp. Năm 2025 Công ty mẹ ghi nhận một số khoản doanh thu lớn từ việc cho thuê cầu 3, 4 Lạch Huyện; định giá lại tài sản góp vốn Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ và Công ty liên doanh khai thác bến số 3, 4 Lạch Huyện.

- **Lợi nhuận:** Trong năm 2025, lợi nhuận Công ty mẹ tăng 59,0% so với cùng kỳ năm 2024 và tăng 21,3% so với kế hoạch. Trong đó, lợi nhuận từ hoạt động khai thác đạt trên 657,96 tỷ đồng, tăng 62,3% so với cùng kỳ và đạt 107,0% so với kế hoạch năm 2025 (614,92 tỷ đồng) và vượt 8,7% so với kế hoạch VIMC giao (605,3 tỷ đồng). Kết quả này không chỉ đến từ tăng trưởng mạnh về doanh thu, mà còn nhờ việc triển khai hiệu quả các giải pháp tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả quản trị và kiểm soát chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

(Chi tiết kết quả SXKD theo biểu số 01)

2.2.2. Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư

Cảng Hải Phòng tập trung hoàn thiện các dự án trọng điểm để đáp ứng yêu cầu kịp thời phục vụ sản xuất, cụ thể:

- Thực hiện các dự án đầu tư chiều sâu nâng cao năng lực khai thác: Bám sát theo kế hoạch đã được duyệt. (Mua sắm khung cầu dự phòng cho cần trục; Dự án mua sắm

cần trực giàn QC; Dự án mua sắm xe ô tô 5-7 chỗ ngồi; Dự án mua sắm xe ô tô đầu kéo; Đầu tư hệ thống điện mặt trời tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ).

- Dự án đầu tư xây dựng bến 3, 4 tại Lạch Huyện: Hoàn thành bàn giao giai đoạn 1 trong tháng 4/2025. Hoàn thành bàn giao giai đoạn 2 trong tháng 9/2025. Dự kiến bàn giao toàn bộ trong tháng 04/2026.

- Dự án nâng cấp cải tạo luồng Đình Vũ đến -8.5m: Đã ký kết hợp đồng và triển khai thực hiện tuy nhiên do tuyến luồng của Viconship thực hiện chậm đã làm ảnh hưởng đến việc hoàn thành tuyến luồng của Cảng Hải Phòng.

- Công nghệ thông tin: Thực hiện các Dự án Mua sắm bổ sung module nhận dạng số chì; Dự án Xây dựng Phần mềm quản lý Bãi Ô Tô (RoRo); Dự án Mua sắm thiết bị và xây dựng phần mềm giám định, sửa chữa container (M & R); Dự án trang bị máy cấp chì tự động tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ; Dự án Xây dựng Mobile App dịch vụ Cảng điện tử; Dự án Mua sắm thiết bị lưu trữ dữ liệu tập trung; Đầu tư nâng cấp phần mềm quản lý khai thác cảng tổng hợp. Đồng thời hoàn thành các dự án đầu tư tại khu vực Lạch Huyện và bàn giao theo đúng tiến độ.

* Khối lượng thực hiện các dự án đầu tư của Công ty mẹ trong năm 2025 đạt 2.332,227 tỷ đồng, đạt 70,82% kế hoạch năm 2025, cụ thể:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Dự án đầu tư	Kế hoạch đầu tư năm 2025	Thực hiện năm 2025	Thực hiện/ Kế hoạch (%)
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng	110.401	43.619	39,51%
2	Đầu tư mua sắm thiết bị	128.990	27.581	21,38%
3	Công nghệ thông tin	8.017	4.808	59,97%
4	Các dự án đầu tư mở rộng cảng	3.045.451	2.256.219	74,08%
	Tổng cộng	3.292.859	2.332.227	70,82%

(Chi tiết thực hiện kết quả thực hiện đầu tư theo Biểu số 02)

2.2.3. Các công việc trọng tâm khác

- Nâng cấp các bến container số 3,4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng tiếp nhận tàu trọng tải tới 165.000 DWT: Đã được cơ quan chức năng cấp phép trong tháng 8/2025.

- Rà soát, điều chỉnh và ban hành lại các văn bản quy phạm nội bộ của Cảng Hải Phòng nhằm đáp ứng công tác quản lý và quy định của pháp luật.

- Cơ cấu, sắp xếp lại lao động tinh gọn, sử dụng nhân sự hiệu quả:

+ Rà soát, đánh giá lao động toàn Cảng: Cảng Hải Phòng hoàn thành đánh giá chất lượng lao động đối với Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ và Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu từ ngày 01/4/2025 đến ngày 22/4/2025; Trong tháng 7/2025, hoàn thành triển khai đánh giá chất lượng lao động tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ và Khối Văn phòng.

- + Sắp xếp tinh gọn lao động toàn Cảng: giảm 412 lao động.
- Công tác Chuyển đổi số
- + Hoàn thành đưa dữ liệu khách hàng lên CRM, kết nối CRM với phần mềm khai thác.
- + Triển khai ký hợp đồng thực hiện phần mềm hàng tổng hợp, số hóa các nghiệp vụ tại khu vực cảng Chùa Vẽ - Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ.
- Thúc đẩy ĐMST và CDS bằng công cụ Kaizen: Trong năm 2025 ghi nhận được 315 sáng kiến/kaizen.
- Phát triển văn hóa doanh nghiệp "Lấy khách hàng làm trung tâm: Thực hiện khảo sát và đánh giá chỉ số NPS hàng tháng, chỉ số NPS năm của 5 yếu tố (an toàn hàng hoá, giá thành dịch vụ, chất lượng dịch vụ, thái độ dịch vụ, và sẵn sàng giới thiệu dịch vụ) với các chỉ số NPS trung bình đạt trên 90,0% và chỉ số NPS thành phần trên 80%.

2.2.4. Việc sử dụng Quỹ hỗ trợ Người Lao động nghỉ hưu

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng thông qua về việc sử dụng Quỹ hỗ trợ người lao động về hưu là 24.581.000.000 đồng và ban hành Quy chế số 2197/QC-CHP ngày 31/07/2017, Quy chế 3997/QC-CHP ngày 25/12/2017, Quy chế số 2844/QC-CHP ngày 30/8/2023, Quy chế 1884/QC-CHP ngày 14/06/2024 về việc hỗ trợ cán bộ công nhân viên nghỉ hưu trước và chấm dứt hợp đồng lao động tại Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2024 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng đã thông qua quỹ hỗ trợ người lao động là 5.000.000.000 đồng. Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 quỹ hỗ trợ tiếp tục được bổ sung thêm 15.000.000.000 đồng.

Năm 2025 Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng đã sửa đổi ban hành Quy chế 2036/QC-CHP ngày 21/05/2025 về việc hỗ trợ cán bộ công nhân viên nghỉ hưu trước và chấm dứt hợp đồng lao động tại Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng.

Kết quả thực hiện năm 2025: số lượng cán bộ công nhân viên nghỉ hưu trước tuổi và chấm dứt hợp đồng lao động theo Quy chế là 72 người và số tiền đã chi trả là 14.781.142.250 đồng

- Số tiền còn lại tại thời điểm 31/12/2025 là: 8.698.796.500 đồng

2.2.5. Công tác quản lý người lao động

a. Tình hình lao động và thu nhập

Chi tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
Số lao động bình quân	Người	1.407	993
Tổng quỹ lương được chi	Đồng	381.036.000.000	400.000.000.000
Thu nhập bình quân người/tháng	Đồng/người/tháng	25.340.000	36.901.000
Tiền lương bình quân người/tháng	Đồng/người/tháng	22.568.000	33.568.000

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, và phúc lợi của người lao động

- Thực hiện các quy định về An toàn lao động, quy trình công nghệ xếp dỡ, thực hiện đầy đủ công tác trang bị bảo hộ lao động đúng quy trình, tiêu chuẩn theo quy định, tạo điều kiện làm việc hợp lý và hiệu quả cho người lao động.

- Bố trí và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật, toàn bộ lao động được Cảng Hải Phòng ký hợp đồng lao động, đảm bảo các chế độ, quyền lợi theo quy định: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Người lao động được khám sức khỏe định kỳ theo quy định, được thực hiện đầy đủ chế độ liên quan về bảo hiểm như: phép, ốm đau, thai sản, tử tuất, tăng cường công tác tuyên truyền, huấn luyện về công tác an toàn vệ sinh lao động, nâng cao nhận thức cho người lao động để người lao động có ý thức tự bảo vệ mình, phòng tránh tai nạn lao động.

- Triển khai kế hoạch hưởng ứng Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) năm 2025 với chủ đề “Tăng cường đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc và trong chuỗi cung ứng” hiệu quả.

- Tổ chức các hoạt động thăm hỏi, hỗ trợ động viên kinh tế và các hoạt động văn hóa, văn nghệ cho người lao động.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

Năm 2025, Cảng Hải Phòng triển khai đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên để nâng cao chất lượng nguồn lực lao động đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, như sau:

STT	Khóa đào tạo	Số lớp	Số lượt người đào tạo
1	Học trực tuyến E-learning do VIMC tổ chức	02	313
2	Bồi dưỡng lý luận chính trị, tập huấn quân sự, BV	03	46
3	Khóa học bồi dưỡng về quản lý, CMNV gồm:		
	- Khối gián tiếp các lĩnh vực SXKD	22	1.964

	- Đào tạo nước ngoài (Apec- Bỉ, Đức).	01	01
5	Đào tạo nội bộ các lĩnh vực SXKD	24	881
6	Đào tạo nâng bậc nghề hàng năm	7	60
7	Đào tạo khối CNXD trực tiếp (lái giàn QC, RTG, GN)	18	1.219
8	Hợp tác công tác nước ngoài, cử đoàn ra nước ngoài	15	37
Cộng		92	4.521

2.2.6. Chi trả cổ tức:

Cảng Hải Phòng dự kiến chi trả cổ tức năm 2025 là 6% vốn điều lệ.

2.3. Di dời Cảng Hoàng Diệu

Thực hiện các công việc của công tác di dời Cảng Hoàng Diệu, trong năm 2025 sau khi nhận chi phí đền bù bao gồm chi phí GPMB +di chuyển thiết bị, Cảng Hải Phòng, Cảng Hoàng Diệu đã phối hợp bàn giao toàn bộ cơ sở hạ tầng của Cảng Hoàng Diệu cho UBND phường Ngô Quyền, đồng thời tiến hành thanh lý, di dời một phần phương tiện thiết bị, trong đó di chuyển có 04 Tukan trên bến xuống Cảng Chùa Vẽ (02 chiếc) và Cảng Lạch Huyện (02 chiếc). Thực hiện rà soát thanh lý và cho thuê các PTTB không còn sử dụng. Hiện nay, một số hạng mục được mượn lại để khai thác bao gồm các cầu cảng từ 4-9, bãi chứa hàng phía sau và Nhà văn phòng điều hành.

2.4. Tiến độ hoàn thiện phương án quản lý khai thác cầu cảng số 4, số 5, bãi container Cảng Chùa Vẽ và Phân chi phí khác phân bổ cho gói thiết bị

Căn cứ nội dung đã được trình bày tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Hội đồng quản trị báo cáo cập nhật tiến độ các công việc, cụ thể như sau:

Ngày 04/4/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 84/2025/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải. Theo đó, Khoản 7 Điều 18 Nghị định 84/2025/NĐ-CP (quy định Hình thức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải) có ghi “Hình thức xử lý khác theo quy định của pháp luật hoặc theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ”.

Cảng Hải Phòng đã báo cáo và được Bộ Xây dựng thống nhất phương án áp dụng Khoản 7 Nghị định 84/2025/NĐ-CP để báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận giao tài sản bến số 5 cho Cảng Hải Phòng quản lý khai thác giống như hình thức giao tài sản bến số 4, Cảng Hải Phòng hạch toán tăng giá trị tài sản bến số 5 Cảng Chùa Vẽ tại doanh nghiệp.

Hiện tại, Bộ Xây dựng vẫn đang trong quá trình triển khai thủ tục nội bộ và xin ý kiến các Bộ ngành liên quan trước khi chính thức báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục chỉ đạo các bộ phận liên quan báo cáo các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để sớm được phê duyệt phương án quản lý khai thác cầu cảng số 4, số 5, bãi container Cảng Chùa Vẽ và phân chi phí khác phân bổ cho gói thiết bị,

sớm quyết toán vốn Nhà nước tại Cảng Hải Phòng; đồng thời báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện để cổ đông biết và giám sát quá trình thực hiện.

2.5. Tái cơ cấu các đơn vị thành viên

Trong năm 2025, Cảng Hải Phòng đã triển khai công tác tái cơ cấu bộ máy quản lý và vận hành, hướng tới mục tiêu tinh gọn, hiệu quả và tối ưu hóa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Tháng 3/2025, triển khai tái cơ cấu Công ty TNHH MTV Đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ thành Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng. Theo phương án này, Công ty TNHH MTV Đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ tiếp nhận Trung tâm sửa chữa cùng toàn bộ lực lượng lao động bốc xếp tại Cảng Chùa Vẽ và Tân Vũ, từ 01/7 tiếp nhận lực lượng bốc xếp tại Cảng Hoàng Diệu), hình thành đơn vị mới chuyên cung cấp các dịch vụ: sửa chữa phương tiện thiết bị, thường trực sửa chữa, vệ sinh giám định container, bốc xếp thủ công và đào tạo nhân lực cho các đơn vị trong hệ sinh thái Cảng Hải Phòng.

- Ngày 15/7/2026, sáp nhập hai đơn vị Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu và Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ hoạt động với tên gọi mới là Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ. Đơn vị mới sáp nhập hoạt động trên cả 3 khu vực Cảng Hoàng Diệu, Cảng Chùa Vẽ và khu vực chuyển tải, tiếp tục duy trì khai thác mặt hàng container nội địa và mặt hàng ngoài container.

- Liên doanh với hãng tàu MSC (Hãng tàu lớn nhất thế giới hiện nay) chính thức vận hành Cảng nước sâu tại Lạch Huyện từ tháng 4/2025 đã tạo cú hích về tăng trưởng sản lượng Container của Cảng Hải Phòng, là hệ thống Cảng đầu tiên tại khu vực Miền Bắc đạt mốc 2 triệu TEU/năm.

2.6. Đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp

Năm 2025, Cảng Hải Phòng thực hiện góp vốn bổ sung tại các doanh nghiệp, cụ thể:

STT	Tên công ty	Số tiền (đồng)
1	Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Cảng Hải Phòng	990.093.997.089
2	Công ty TNHH Smart Logistics Service (Hải Phòng)	51.141.200.000
3	Công ty CP Lai dắt và vận tải Cảng Hải Phòng	16.200.000.000
4	Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng	31.500.000.000
5	Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	209.638.000.000

Hầu hết các công ty có vốn góp của Cảng Hải Phòng năm 2025 đều có lãi và dự kiến chi trả cổ tức theo kế hoạch. 02 công ty có vốn góp là Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng và Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại hàng hải Hải Phòng trong năm 2025 đã có lãi và giảm lỗ lũy kế, giảm phần trích lập dự phòng tại Cảng Hải Phòng.

PHẦN B

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2026

I. Đặc điểm tình hình thị trường

1. Tình hình chung

Đầu năm 2026, bức tranh thương mại và vận tải biển toàn cầu tiếp tục đối mặt với những biến động phức tạp dưới tác động kép của địa chính trị và làn sóng bảo hộ thương mại. Tâm điểm của sự bất ổn nằm ở khu vực Trung Đông, nơi các cuộc đụng độ trực tiếp giữa Israel và Iran đã đẩy căng thẳng tại eo biển Hormuz lên mức báo động. Với vai trò là huyết mạch vận chuyên dầu mỏ chiếm 20% nguồn cung toàn cầu, sự bất ổn tại Hormuz không chỉ khiến giá dầu thô và chi phí bảo hiểm tăng vọt, mà còn buộc các hãng tàu phải thay đổi lộ trình qua Mũi Hảo Vọng. Việc chuyển hướng này làm kéo dài thời gian hành trình và đội chi phí logistics đáng kể trên tuyến Á – Âu, trực tiếp gây áp lực lên hệ thống tài chính quốc tế trước nguy cơ đứt gãy nguồn cung năng lượng. Cùng với căng thẳng địa chính trị là sự thay đổi mang tính bước ngoặt trong chính sách thương mại của Mỹ.

Việc dỡ bỏ mức thuế đối ứng và áp dụng Mục 122 của Đạo luật Thương mại 1974 để đánh thuế bổ sung 10% lên hàng hóa nhập khẩu - một đặc quyền của Tổng thống không cần thông qua Quốc hội - đã tạo ra những phản ứng mạnh mẽ. Đáng chú ý, việc bãi bỏ các dòng thuế đối ứng cũ kết hợp với mức thuế mới này vô tình tạo ra lợi thế tương đối cho các doanh nghiệp Trung Quốc, giúp họ giảm bớt gánh nặng so với giai đoạn trước. Ngược lại, Việt Nam cùng các đối tác như EU, Anh và Nhật Bản lại đánh mất lợi thế khi các thỏa thuận ưu đãi đã từng dày công đàm phán bị lu mờ bởi mức thuế bổ sung mới. Sự thay đổi đột ngột này không chỉ làm mất lòng tin thương mại mà còn buộc các quốc gia phải nỗ lực yêu cầu giữ nguyên các cam kết trước đó trong một môi trường nhiều biến động bất định.

Tại Việt Nam, nền kinh tế dự kiến tiếp tục tăng trưởng ổn định trong năm 2026, nhờ vào các chính sách kích thích kinh tế và sự phục hồi dần dần của ngành xuất khẩu. Tuy nhiên, Việt Nam cũng phải đối mặt với nhiều thách thức từ môi trường kinh tế toàn cầu không ổn định. Tất cả yếu tố này có thể làm giảm tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam.

Tại khu vực Hải Phòng, sự cạnh tranh giữa các cảng trong khu vực ngày càng gay gắt hơn. Cảng Nam Đình Vũ đã hoàn tất đầu tư vào cơ sở hạ tầng với dự án xây dựng giai đoạn 3 nâng cao khả năng tiếp nhận tàu lên tới 2 triệu TEU với 07 cầu tàu được đầu tư đồng bộ và đang xin cấp phép để được nâng cấp luồng lên -9,5m. Tuy Viconship và Cảng Hải Phòng đã nhận được quyết định nâng cấp luồng xuống độ sâu -8,5m nhưng việc Viconship triển khai chậm đã ảnh hưởng đến tiến độ của Cảng Hải Phòng và dự kiến sẽ hoàn thành trong quý I năm 2026. Các cảng nước sâu bến số 3-4 và 5-6 tại Lạch Huyện đã được đưa vào khai thác toàn bộ cũng sẽ ảnh hưởng đến các tuyến dịch vụ hiện hữu

đang khai thác tại khu Đình Vũ, khiến cho san sẻ một phần thị phần ra khu vực cảng nước sâu.

2. Cảng Hải Phòng

2.1. Các yếu tố thuận lợi

- Năm 2026, là năm mở đầu giai đoạn tăng tốc và đột phá Kinh tế Việt Nam, bước vào kỷ nguyên mới để hiện thực hóa khát vọng trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026, xác định rõ mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2026 phấn đấu từ 10% trở lên, đồng thời xây dựng kịch bản tăng trưởng theo từng quý và chỉ tiêu cụ thể cho từng ngành, lĩnh vực. Trong hai tháng đầu năm 2026, khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của khu vực này đạt khoảng 117,1 tỷ USD, tăng 35,9% so với cùng kỳ năm 2025, cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ của các chuỗi sản xuất toàn cầu đặt tại Việt Nam. Trong cơ cấu xuất khẩu, doanh nghiệp FDI đóng góp khoảng 78,8% tổng kim ngạch, chủ yếu đến từ các tập đoàn sản xuất điện tử, công nghệ và thiết bị như Samsung, LG, Foxconn và nhiều doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng linh kiện điện tử. Ở chiều nhập khẩu, khu vực này cũng chiếm khoảng 71,7% tổng kim ngạch, với các mặt hàng chủ yếu là linh kiện điện tử, máy móc thiết bị và nguyên vật liệu phục vụ sản xuất. Tỷ trọng lớn của khu vực FDI trong hoạt động thương mại cho thấy Việt Nam vẫn là trung tâm sản xuất và lắp ráp trong chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt trong các ngành điện tử, thiết bị công nghệ và sản phẩm công nghiệp.

- Với việc mức thuế bổ sung mới được áp dụng và bỏ đi mức thuế đối ứng cũng giúp giảm áp lực chi phí khi tiếp cận thị trường Mỹ, từ đó cải thiện biên lợi nhuận và tăng khả năng cạnh tranh về giá trong ngắn hạn.

- Cảng Hải Phòng với bề dày lịch sử và đội ngũ cán bộ quản lý, lực lượng lao động lành nghề có kinh nghiệm chuyên môn cao trong công tác quản trị, điều hành, tổ chức khai thác cảng; trang thiết bị, hạ tầng cơ sở, công nghệ thông tin đồng bộ hiện đại đã giúp Cảng Hải Phòng có lợi thế hơn so với các cảng khác trong khu vực.

- Việc hoàn thành và đưa bến 3, 4 Lạch Huyện vào khai thác trong năm 2025, xin cấp phép để nâng khả năng tiếp nhận được các tàu có tải trọng đến 200.000 DWT cũng như nâng khả năng tiếp nhận tạo Cảng Đình Vũ – Tân Vũ lên 55.000 DWT sẽ tạo cho Cảng Hải Phòng lợi thế trong việc tiếp nhận các tàu lớn theo yêu cầu của Hãng tàu.

2.2. Một số yếu tố khó khăn

- Căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông và khu vực Biển Đỏ tác động mạnh mẽ đến thị trường vận tải biển toàn cầu. Việc xung đột khiến hơn 10% đội tàu container toàn cầu kẹt ở eo biển Hormuz, nhiều tàu dầu hư hại và các hãng từ chối bảo hiểm cho phương tiện qua đây. Điều này gây tắc nghẽn tuyến do khu vực eo biển Hormuz – tuyến vận chuyển hơn 20% sản lượng dầu toàn cầu. Điều này có thể làm xáo trộn lịch trình khai thác tàu trên phạm vi toàn cầu, về lâu dài dẫn đến tình trạng chậm chuyển hoặc thay đổi lịch tàu. Ngoài ra, việc gia tăng rủi ro vận tải và chi phí bảo hiểm tại khu vực Trung Đông cũng có thể làm tăng chi phí vận tải biển toàn cầu, gián tiếp tác động đến chi phí logistics

của hàng hóa xuất nhập khẩu qua hệ thống cảng biển Việt Nam.

- Dự kiến khu vực Hoàng Diệu sẽ bị thu hồi hoàn toàn vào cuối quý 2/2026 khiến năng lực khai thác của Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ bị thu hẹp, sản lượng hàng hóa thông qua cảng sụt giảm. Đặc biệt ảnh hưởng của Nghị định 34/2025/NĐ-CP gây khó khăn cho việc tiếp nhận tàu lớn tại Cảng Chùa Vẽ.

- Phương án xử lý tài sản cầu 4, 5 Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ chưa được phê duyệt cũng gây khó khăn cho Cảng Hải Phòng trong việc sửa chữa, nâng cấp, kiểm định để đón được tàu lớn vào Chùa Vẽ.

- Với tình hình cạnh tranh quyết liệt tại khu vực Hải Phòng, xu hướng giảm giá cước sẽ tiếp tục diễn ra trong khi chi phí nguyên nhiên liệu tăng cao do chiến tranh làm ảnh hưởng tới doanh thu của Cảng từ hoạt động khai thác. Bên cạnh đó, doanh thu hoạt động tài chính cũng chịu tác động từ: (1) Việc giải ngân vốn đầu tư bến 3, 4 Lạch Huyện sẽ làm giảm mạnh nguồn thu từ lãi tiền gửi ngân hàng. (2) Từ năm 2026 Cảng Hải Phòng phải chịu thêm chi phí trả lãi vay toàn bộ dự án.

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

1. Kế hoạch SXKD hợp nhất

1.1. Sản lượng: 57,34 triệu tấn, trong đó container 2.960.000 teu

1.2. Doanh thu: 3.495,0 tỷ đồng

1.3. Lợi nhuận trước thuế: 1.520,0 tỷ đồng

2. Kế hoạch SXKD của Công ty mẹ

2.1. Sản lượng: 23,77 triệu tấn, trong đó container 1.280.000 teu

2.2. Doanh thu: 2.425,0 tỷ đồng

2.3. Lợi nhuận trước thuế: 1.300,0 tỷ đồng

3. Kế hoạch đầu tư năm 2026 của Cảng Hải Phòng (Công ty mẹ)

3.1. Kế hoạch đầu tư mua sắm, xây dựng cơ bản

Cảng Hải Phòng tiếp tục tập trung hoàn thiện các dự án trọng điểm, đồng thời đầu tư mới một số dự án để nâng cao hơn nữa năng lực khai thác, đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất, cụ thể:

3.1.1. Phương tiện thiết bị và Cơ sở hạ tầng

3.1.1.1. Đối với công tác đầu tư chiều sâu

+ Nâng cấp luồng đến -8.5m và cải tạo vũng quay trước bến lên 320m tại khu Đình Vũ. Kiểm định, nâng cấp khả năng tiếp nhận tàu trọng tải lớn tại Khu vực Tân Vũ, Đình Vũ lên 55.000 DWT, Chùa Vẽ lên 30.000 DWT giảm tải.

+ Nghiên cứu đầu tư tàu nạo vét để thường xuyên thực hiện duy tu hàng năm nhằm giữ cốt luồng ổn định và tiếp thị thêm được các hãng tàu/nâng size tàu tại Tân Vũ, Đình Vũ, Chùa Vẽ.

+ Tiếp nhận và đưa vào khai thác 10 xe ô tô đầu kéo chuyên dụng tại Cảng Tân Vũ. Tiếp tục đầu tư bổ sung thêm 02 cần trục giàn QC tại Cảng Tân Vũ; đầu tư 02 xe

nâng hàng RS để thay thế các xe cũ để nâng cao năng lực khai thác tại Cảng Tân Vũ; đầu tư xe ô tô điện tại Cảng Tân Vũ và xe ô tô 7-18 chỗ ngồi tại văn phòng.

3.1.1.2. Đối với công tác đầu tư mở rộng:

+ Nghiên cứu, đề xuất xây dựng và kinh doanh bến cảng tổng hợp/container và dịch vụ logistics, kho, bãi, hậu cần cảng tại Khu công nghiệp Bạch Đằng.

+ Khảo sát lập phương án đầu tư khu Depot khoảng 20ha tại Xuân Cầu – Lạch Huyện.

+ Nghiên cứu, đề xuất xây dựng bến cảng tổng hợp Đình Vũ 2 (Cảng tổng hợp Cát Bà)

+ Phối hợp với Công ty cổ phần tư vấn xây dựng công trình Hàng hải nghiên cứu và triển khai đầu tư khu bến số 13, 14 Lạch Huyện và khu vực Nam Đồ Sơn

- Dự án đầu tư xây dựng bến 3, 4 tại Lạch Huyện: Hoàn thiện các thủ tục để bàn giao toàn bộ dự án cho đối tác liên doanh

3.1.2. Công nghệ thông tin

- Hoàn thành Dự án mua sắm thiết bị lưu trữ dữ liệu tập trung.

- Triển khai đầu tư các dự án: Đầu tư nâng cấp phần mềm quản lý khai thác cảng tổng hợp tại CN Cảng Chùa Vẽ (Bổ sung cho năm 2025); Đầu tư máy chủ và phần mềm quản lý nhân sự, tiền lương (Bổ sung cho năm 2025); Đầu tư nâng cấp phần mềm quản lý khai thác container tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ; Đầu tư cập máy chủ tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ; Đầu tư hệ thống Big Data và trực tích hợp dữ liệu tại Cảng Hải Phòng; Đầu tư hệ thống kết nối IoT với thiết bị tại hiện trường sản xuất Chi nhánh Cảng Tân Vũ; Đầu tư hệ thống giám sát môi trường và thiết bị phòng máy chủ tại Cảng Hải Phòng.

* Dự kiến khối lượng thực hiện các dự án đầu tư của Công ty mẹ trong năm 2026 đạt 724,829 tỷ đồng, cụ thể:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Dự án đầu tư	Kế hoạch đầu tư năm 2026
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng	151.746
2	Đầu tư mua sắm thiết bị	350.922
3	Công nghệ thông tin	109.632
4	Các dự án đầu tư mở rộng cảng	112.529
	Tổng cộng	724.829

(Số liệu chi tiết kế hoạch đầu tư tại Biểu số 02)

3.2. Kế hoạch đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp

3.2.1. Kế hoạch góp vốn đầu tư

Stt	Nội dung	Số tiền (tỷ đồng)	Tương đương (USD)	Ghi chú
1	Góp vốn tại Công ty TNHH Smart Logistics Service (Hải Phòng)	15,7	600.000	Quý 2/2026
2	Góp vốn tại Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Cảng Hải Phòng	242		Quý 1/2026
				Quý 4/2026: Điều chỉnh giá trị tài sản góp vốn sau khi Quyết toán dự án hoàn thành
3	Góp vốn lần 1 thành lập pháp nhân khai thác Cảng tại Khu công nghiệp Bạch Đằng	640		Quý 3/2026: (Dự kiến TMĐT 4200 tỷ; Tỷ lệ góp vốn của CHP: 51%; Vốn tự có: 40%; Góp vốn thành nhiều giai đoạn).

3.2.2. Kế hoạch giảm vốn đầu tư

- Giảm tỷ lệ sở hữu của Cảng Hải Phòng tại Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng xuống tối thiểu 51%

- Thoái vốn 100% phần vốn góp tại Công ty cổ phần VIMC Logistics và Công ty cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn

4. Một số chỉ tiêu khác

- Dự kiến cổ tức năm 2026: 6%.

- Triển khai phương án thoái vốn tại các doanh nghiệp hoạt động ngoài ngành sản xuất kinh doanh chính của công ty, hoạt động không hiệu quả đã được Hội đồng quản trị chấp thuận chủ trương và tiếp tục rà soát, xây dựng kế hoạch thoái vốn tại các doanh nghiệp kinh doanh không hiệu quả.

5. Các nội dung phát sinh ngoài kế hoạch

Giao cho Hội đồng quản trị quyết định đầu tư dự án, mua sắm, sửa chữa, duy tu nạo vét và các khoản chi đột xuất cấp bách phục vụ sản xuất kinh doanh phát sinh ngoài kế hoạch hàng năm của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6. Giải pháp trọng tâm

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng cường tích lũy phục vụ công tác đầu tư phát triển cảng, Công ty tiếp tục đổi mới và triển khai một số giải pháp chủ yếu như sau:

6.1. Công tác kinh doanh, khai thác

6.1.1 Công tác kinh doanh

- Tập trung “Lấy khách hàng làm trung tâm”; đảm bảo ổn định và không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm thực hiện mục tiêu giữ toàn bộ các khách hàng hiện hữu, phát triển thêm khách hàng mới trong năm 2026.

- Thu hút thêm khách hàng; nguồn hàng; dịch vụ mới tăng sản lượng hàng hóa thông qua cảng thông qua các giải pháp cụ thể: Triển khai các giải pháp Marketing và chăm sóc khách hàng; Ứng dụng CRM trong quản trị khách hàng; Áp dụng hệ thống quản trị pipeline khách hàng để theo dõi và chăm sóc;

- Tăng cường truyền thông, quảng bá thương hiệu của Cảng Hải Phòng góp phần thúc đẩy các hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường trong lĩnh vực cảng biển.

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch và triển khai tiếp thị dịch vụ chuỗi phù hợp với yêu cầu riêng của khách hàng, phát triển dịch vụ logistics nhằm tăng doanh thu ngoài xếp dỡ.

- Thực hiện và triển khai chiến lược marketing tập trung của VIMC nhằm cung cấp cho khách hàng những giải pháp tổng thể chuỗi cung ứng, nâng cao chất lượng dịch vụ và tận dụng lợi thế sẵn có của VIMC.

6.1.2. Công tác khai thác

- Nghiên cứu xây dựng Trung tâm điều hành khai thác tập trung (Integrated Operation Center) để tối ưu hóa hiệu suất sử dụng cầu bến, phương tiện và quản lý tiêu chuẩn dịch vụ đồng bộ giữa các cảng trong toàn hệ thống.

- Xây dựng chiến lược mở rộng bãi và depot vệ tinh nhằm tăng công suất khai thác container của hệ thống.

- Đẩy nhanh quá trình xử lý hàng hóa tồn đọng nhằm giải phóng mặt bằng bãi, nâng cao hiệu quả sử dụng hạ tầng khai thác.

- Quy hoạch bố trí sắp xếp kho bãi phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả trong sản xuất, tiết kiệm chi phí cũng đem lại hiệu quả lớn góp phần vào việc hoàn thành chỉ tiêu của các đơn vị.

- Đưa vào áp dụng các chỉ số KPI về vận hành khai thác Cảng nhằm tăng NSXD tại tất cả các đơn vị khai thác trong toàn bộ Hệ sinh thái của Cảng Hải Phòng.

- Rà soát cải tiến ban hành các Quy trình vận hành khai thác chuẩn cho toàn bộ hệ thống.

- Tận dụng lợi thế về số lượng cầu bến để các Cảng có thể phối hợp chia sẻ lịch tàu đồng thời phối hợp trong công tác tiếp nhận tàu của các Hãng đặc biệt đối với những hàng hóa ngoài container.

6.2. Công tác quản lý kỹ thuật và đầu tư

- Tập trung tiến hành kiểm tra, đánh giá tình trạng kỹ thuật của các PTTB và CSHT để lập kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng phù hợp với kế hoạch SXKD.

- Bám sát các định mức kỹ thuật và tình trạng vật tư. Chủ động sửa chữa theo hạng mục và nâng cao công tác đánh giá, nhận định kỹ thuật để bố trí phương tiện sửa chữa kịp thời, tránh bị động và phát sinh những hư hỏng khác làm tăng chi phí và ảnh hưởng tới sản xuất.

- Về công nghệ thông tin: Tập trung hoàn thành các hạng mục, dự án đầu tư CNTT trọng điểm đặc biệt là gói CNTT thuộc Dự án đầu tư xây dựng bến container số 3, 4 tại Lạch Huyện. Nâng cao hiệu quả khai thác/sử dụng các Dự án CNTT đã đầu tư. Cải tiến quy trình, ứng dụng CNTT nâng cao chất lượng dịch vụ, chất lượng phục vụ khách hàng.

6.3. Công tác quản trị

- Tập trung nghiên cứu phương án tái cấu trúc bộ máy của Văn phòng Công ty và Chi nhánh Cảng Tân Vũ, tổ chức sắp xếp lại hệ thống kinh doanh, chăm sóc khách hàng, đáp ứng yêu cầu tăng cường tính hiệu lực, hiệu quả và tinh gọn của bộ máy tổ chức quản lý của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng, đáp ứng các yêu cầu trong định hướng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Triển khai rà soát, kiện toàn công tác cán bộ trong toàn Công ty theo chiến lược tái cơ cấu; bảo đảm chất lượng, cơ cấu, tính kế thừa và phát triển của đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển mới của Công ty.

- Đổi mới công tác thi tuyển, tuyển dụng để có nguồn nhân lực lao động chất lượng đáp ứng mô hình hoạt động SXKD của Công ty.

- Rà soát, cập nhật, ban hành lại Hệ thống văn bản quy phạm nội bộ của Cảng phù hợp với mô hình mới.

- Tiếp tục làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để sớm có Quyết định cuối cùng về phương án quản lý khai thác cầu 4, 5 Cảng Chùa Vẽ.

- Hoạt động đổi mới sáng tạo: tiếp tục triển khai vận động và áp dụng hiệu quả Lean, Kaizen trong công tác khai thác và quản trị.

- Tiếp tục nghiên cứu thực hiện thoái vốn tại một số doanh nghiệp có vốn góp hoạt động không hiệu quả. (Sài Gòn Log, VIMC Log).

6.4. Năng suất lao động và quản lý chi phí hiệu quả

- Tổ chức sản xuất hợp lý, tăng năng suất lao động. Đẩy mạnh quản lý chi phí hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực, trong đó trọng tâm là phát huy sáng kiến, áp dụng công nghệ mới, hợp lý hóa sản xuất, quy hoạch xếp dỡ hàng hóa khoa học, nghiên cứu điều chỉnh các định mức kỹ thuật, nhiên liệu đã ban hành, tiết giảm vốn trong công tác đầu tư cơ sở hạ tầng, đầu tư phương tiện thiết bị, mua sắm vật tư thông qua đấu thầu, tiết kiệm chi phí văn phòng phẩm, điện nước sinh hoạt,...

- Đẩy mạnh công tác kiểm soát rủi ro trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

- Tận dụng tối đa các dịch vụ, nguồn lực trong hệ sinh thái Cảng Hải Phòng; Chỉ sử dụng thuê ngoài nếu các doanh nghiệp trong hệ sinh thái Cảng Hải Phòng không đủ năng lực cung cấp hoặc cung cấp dịch vụ có giá cao hơn so với thị trường.

6.5. Hợp tác với các cơ quan quản lý Nhà nước và các doanh nghiệp

- Tăng cường hợp tác với các cơ quan quản lý Nhà nước để hỗ trợ Cảng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng phát triển cảng.

- Mở rộng hợp tác giữa Cảng Hải Phòng với các đơn vị thành viên của Tổng công

ty Hàng hải Việt Nam. Tìm kiếm cơ hội đầu tư hợp tác khai thác các Bến Cảng - Depot mới tại các khu vực khác phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty. Phối hợp triển khai các dịch vụ logistics nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và gia tăng Doanh thu.

- Hợp tác liên doanh liên kết với các hãng tàu, với các doanh nghiệp cảng/kho bãi/vận tải thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam để tăng sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Hải Phòng theo hướng hài hòa lợi ích của các bên và từng bước thực hiện giải pháp/phương án hợp tác kinh doanh với các doanh nghiệp của VIMC khi đi đời Cảng Hoàng Diệu.

6.6. Đáp ứng điều kiện công ty đại chúng

Trong quý 1/2026, Cảng Hải Phòng đã báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Cổ đông lớn là Tổng công ty Hàng hải Việt Nam-CTCP và các Cổ đông của công ty về việc Cảng Hải Phòng chưa đáp ứng điều kiện công ty đại chúng (*điều kiện về cơ cấu cổ đông*) theo quy định của Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán. Đây là nội dung dung phát sinh do sự thay đổi của quy định pháp luật. Cảng Hải Phòng sẽ tiếp tục phối hợp với Cổ đông lớn để sớm có giải pháp phù hợp, bảo đảm quyền lợi của tất cả Cổ đông cũng như không để ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, định hướng phát triển của công ty.

Kính thưa các quý vị cổ đông, các vị khách quý!

Tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên CTCP Cảng Hải Phòng sẽ tiếp tục nỗ lực, đoàn kết và tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh để đáp ứng tối đa kỳ vọng của các cổ đông. Chúng tôi sẽ triển khai các sáng kiến đổi mới trong công tác quản trị, điều hành và khai thác, đồng thời tăng cường sự minh bạch, cải tiến quy trình làm việc và tối ưu hóa nguồn lực để đảm bảo sự phát triển bền vững của công ty. Chúng tôi tin tưởng rằng, với sự đồng lòng và quyết tâm, công ty sẽ đạt được những thành tựu vượt bậc trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

Trân trọng báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: Tky Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Phạm Hồng Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025 & DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 2026

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN 2024	NĂM 2025		KẾ HOẠCH 2026	SO SÁNH (%)		
				KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN		TH-2025/ KH-2025	TH-2025/ TH-2024	KH-2026/ TH-2025
	* CÔNG TY MẸ								
I.	TỔNG SẢN LƯỢNG	1000T	23.566	27.920	23.290	23.770	83,4	98,8	102,1
1	Xuất khẩu	"	8.460	10.160	8.464	10.670	83,3	100,0	126,1
2	Nhập khẩu	"	8.810	12.110	10.215	10.540	84,4	115,9	103,2
3	Nội địa	"	6.296	5.650	4.611	2.560	81,6	73,2	55,5
*)	Các mặt hàng chủ yếu:								
	+ Hàng container	1000T	22.450	25.420	22.132	22.770	87,1	98,6	102,9
	+ Hàng container	1000TEU	1.273,2	1.446,0	1.240,667	1.280,0	85,8	97,4	103,2
	+ Máy móc, thiết bị	1000T	22	45	79	15	175,6	365,7	19,0
	+ Sắt thép, sắt phế liệu	"	627	600	662	285	110,3	105,6	43,1
	+ Phân bón	"			8				
	+ Ô tô	Chiếc	73.883	75.595	70.393	75.000	93,1	95,3	106,5
	+ Các mặt hàng khác	1000T	464	1.035	417	700	40,3	89,8	167,9
	Hàng ngoài container	1000T	1.113	1.680	1.158	1.000	68,9	104,1	86,4
II	TỔNG DOANH THU	Tr.đ	1.729.862	2.269.000	2.315.334	2.425.000	102,0	133,8	104,7
1	- Doanh thu KDCB	"	1.373.821	1.856.720	1.732.726	2.212.130	93,3	126,1	127,7
	+ Bốc xếp hàng hóa	"	1.160.337	1.389.610	1.339.567	1.384.580	96,4	115,4	103,4
	+ Lưu kho, bãi	"	73.030	84.590	95.746	69.450	113,2	131,1	72,5
	+ Buộc còi dây	"	1.030	1.410	986	420	69,9	95,7	42,6
	+/- Cân hàng	"	2.816	3.620	2.372	1.110	65,5	84,2	46,8
	+ Cầu bến	"	23.000	29.180	25.437	23.610	87,2	110,6	92,8
	+ Dịch vụ khác	"	113.608	141.590	66.816	56.830	47,2	58,8	85,1
	+ Thu cho thuê CSHT & PTTB	"		206.720	201.802	676.130	97,6		335,0
2	- Doanh thu HĐTC	"	346.884	181.000	245.104	174.870	135,4	70,7	71,3
	+ Chênh lệch tỷ giá	"	29.381		16.416			55,9	
	+ Lãi tiền gửi ngân hàng	"	32.690	3.000	20.114	15.000	670,5	61,5	74,6
	+ Lãi cổ tức	"	262.460	178.000	208.437	159.870	117,1	79,4	76,7
	+ Lãi bán các loại chứng khoán	"	22.353						
	+ Khác	"			137				
3	- Thu nhập khác	"	9.157	231.280	337.504	38.000	145,9	3.685,7	11,3
	+ Thu bán tài sản thanh lý	"			93				
	+ Thu tiền điện cho thuê	"	1.322		4.125			312,0	
	+ Bồi thường	"	77						
	+ Thi hành án	"	3.998		218				
	+ Phạt chậm hợp đồng	"	265						

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN 2024	NĂM 2025		KẾ HOẠCH 2026	SO SÁNH (%)		
				KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN		TH-2025/ KH-2025	TH-2025/ TH-2024	KH-2026/ TH-2025
	+ Khác	"	3.495	231.280	333.068	38.000	144,0		
III	TỔNG CHI PHÍ	Tr.đ	991.785	1.301.500	1.142.099	1.125.000	87,8	115,2	98,5
1	Chi phí SXKD	"	968.369	1.241.800	1.074.933	1.035.000	86,6	111,0	96,3
	+ Lương trực tiếp	"	381.070	385.440	399.997	310.000	103,8	105,0	77,5
	+ BHXH, KPCĐ, BHTN, BHYT	"	35.842	35.742	26.752	23.728	74,8	74,6	88,7
	+ Nhiên liệu	"	41.943	56.415	41.765	38.390	74,0	99,6	91,9
	+ Vật liệu	"	97.629	105.000	79.097	47.000	75,3	81,0	59,4
	+ Sửa chữa Máy móc thiết bị	"	28.324	41.206	39.286	30.780	95,3	138,7	78,3
	+ Sửa chữa CSHT	"	25.134	71.079	29.188	57.904	41,1	116,1	198,4
	+ Sửa chữa hệ thống điện	"	1.157	5.000	492	2.000	9,8	42,5	406,5
	+ Sửa chữa thiết bị CNTT	"	457	1.200	273	1.100	22,8	59,7	402,9
	+ Điện	"	23.579	29.354	23.576	30.010	80,3	100,0	127,3
	+ Nước	"	1.364	1.580	1.271	935	80,4	93,2	73,6
	+ Khấu hao	"	155.101	231.625	196.171	246.000	84,7	126,5	125,4
	+ Khác	"	176.769	278.159	237.065	247.153	85,2	134,1	104,3
2	Chi phí hoạt động tài chính	"	21.952	59.700	39.687	90.000	66,5	180,8	226,8
	+ Chênh lệch tỷ giá	"	12.356	20.000	18.033		90,2	145,9	
	+ Lãi vay NH	"		33.200	17.493	85.000	52,7		485,9
	+ Lãi vay ODA	"	7.105	6.500	6.326	4.000	97,3	89,0	63,2
	+ Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	"	2.491		(2.165)	1.000			
3	Chi phí khác	"	1.464		27.479			1.877,0	
	+ Tiền phạt	"	393					-	
	+ Khác	"	1.071		27.479				
IV	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tr.đ	738.077	967.500	1.173.235	1.300.000	121,3	159,0	110,8
	<i>Trong đó:- Lợi nhuận SXKD</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>405.452</i>	<i>614.920</i>	<i>657.793</i>	<i>1.177.130</i>	<i>107,0</i>	<i>162,2</i>	<i>179,0</i>

**BÁO CÁO THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG,
PHƯƠNG TIỆN THIẾT BỊ, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, ĐẦU TƯ MỞ RỘNG NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2026**

(Đơn vị: triệu đồng)

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Kết quả năm 2025			Kế hoạch đầu tư năm 2026	
			Kế hoạch đầu tư năm 2025	Giá trị thực hiện	Giá trị giải ngân	Giá trị thực hiện	Giá trị giải ngân
	CẢNG HẢI PHÒNG - CÔNG TY MẸ		3.292.859	2.332.227	2.952.780	724.829	1.001.235
A	Dự án chuyển tiếp từ năm trước					380.459	656.865
I	Dự án đầu tư XDCB		110.401	43.619	19.055	49.246	51.726
1	Cải tạo hệ thống thoát nước chi nhánh Cảng Tân Vũ	14.474	14.500				
2	Cải tạo bãi chứa hàng chi nhánh Cảng Tân Vũ	14.851	14.851	12.902	13.001		
3	Đầu tư Nhà văn phòng tại lô 15 đường Lê Hồng Phong (Đảng Lâm, Hải An, Hải Phòng)	6.354	1.500	1.545	2.843		2.134
4	Dự án đầu tư xây dựng “Đường chạy RTG block CF, DF - Chi nhánh Cảng Tân Vũ”	4.860	250	0	231		
5	Cải tạo nâng cấp luồng tàu đến - 8,5 m	60.000	60.000	22.094	0	36.212	36.212
7	Cải tạo đường, bãi tiền phương sau cầu 3 (ô AE và AF) chi nhánh Cảng Tân Vũ (Đường giao thông nội bộ)	9.500	9.500	346	0	9.154	9.500
6	Cải tạo bãi giáp công 2, nhà đội cơ giới và bãi hậu phương sau cầu 3 chi nhánh Cảng Tân Vũ (Bãi kiểm hoá)	9.688	9.800	5.808	2.056	3.880	3.880

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Kết quả năm 2025			Kế hoạch đầu tư năm 2026	
			Kế hoạch đầu tư năm 2025	Giá trị thực hiện	Giá trị giải ngân	Giá trị thực hiện	Giá trị giải ngân
8	Đầu tư hệ thống điện mặt trời phục vụ cung cấp điện sinh hoạt cho văn phòng, nhà xưởng tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ (Bổ sung năm 2025)			924	924		
II	Dự án mua sắm thiết bị	543.709	128.990	27.581	24.339	203.192	214.980
1	Ô tô đầu kéo và sơ mi rơ moóc tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ (05 chiếc)	14.200			8.538		
2	Ô tô cứu hỏa tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ (01 chiếc)	3.309		22	22		
3	Khung cầu cửa cần trục QC (02 chiếc)		10.200	9.623	1.925	66	8.005
4	Khung cầu dự phòng cửa cần trục Tukan (01 chiếc)		6.500	5.112	1.022	-	3.849
5	Ô tô đầu kéo diesel và sơ mi rơ moóc tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ (10 chiếc)	28.000	8.400	7.722	7.730	18.126	18.126
6	Cần trục giàn QC tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ (02 chiếc)	493.000	98.600	8	8	185.000	185.000
7	Ô tô 5-7 chỗ ngồi tại Văn phòng Công ty	5.200	5.200	5.094	5.094		
8	Máy fotocopy		90				
III	Dự án công nghệ thông tin		8.017	4.808	4.670	15.492	15.630
1	Trang bị hệ thống tự động kiểm tra container nhập xuất qua cổng tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ	10.000		46	46		
2	Nâng cấp, thay thế thiết bị mạng wifi và máy tính công nghiệp lắp trên phương tiện nâng hạ tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ	5.800		24	24		
3	Xây dựng bổ sung chức năng ứng dụng công nghệ thông tin số hóa thủ tục mua sắm thiết bị, công cụ dụng cụ trên phần mềm quản lý kỹ thuật vật tư và bảo trì bảo dưỡng tại Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	491		3	3		
4	Trang bị hệ thống camera IP lắp đặt tại khu vực văn phòng Công ty	800		4	4		

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Kết quả năm 2025			Kế hoạch đầu tư năm 2026	
			Kế hoạch đầu tư năm 2025	Giá trị thực hiện	Giá trị giải ngân	Giá trị thực hiện	Giá trị giải ngân
5	Mua sắm lắp đặt màn hình hiển thị thông tin phục vụ điều hành sản xuất tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ	112		112	112		
6	Xây dựng Mobile App dịch vụ Cảng điện tử (eport) tại Cảng Hải Phòng	2.561	2.375	1.208	1.208	25	25
7	Mua sắm thiết bị và xây dựng phần mềm giám định, sửa chữa container tại Cty CP Cảng Hải Phòng	2.500	19	1.761	1.761		
8	Xây dựng phần mềm quản lý khai thác bãi xe ô tô	850	6	581	581		
9	Trang bị Máy cấp chì tự động tại Chi nhánh Tân Vũ	1.090	7	670	670		
10	Trang bị bổ sung thiết bị, phần mềm để tăng cường khả năng dự phòng, ứng phó sự cố hệ thống phần mềm tại công ty	1.225	7	7	7		
11	Mua sắm module kết nối thanh toán trực tuyến QRCode động		2	2	2		
12	Mua sắm bổ sung module nhận dạng số chì trên hệ thống tự động kiểm tra container nhập xuất qua cổng tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ	112	1	120	120		
13	Mua sắm thiết bị lưu trữ dữ liệu tập trung	5.600	5.600	132	132	5.467	5.467
14	Đầu tư nâng cấp phần mềm quản lý khai thác cảng tổng hợp tại CN Cảng Chùa Vẽ (Bổ sung cho năm 2025)	10.000				10.000	10.000
15	Bổ sung chức năng Webapp phục vụ khảo sát thông tin khách hàng trên website Cảng Hải Phòng dùng cho màn hình chạm (Bổ sung cho năm 2025)	138		138			138
IV	Các dự án đầu tư mở rộng	6.946.087	3.045.451	2.256.219	2.904.715	112.529	374.529
1	Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại Khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng (CSHT+PTTB)	6.946.087	2.934.978	2.190.000	2.838.496	70.000	332.000

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Kết quả năm 2025			Kế hoạch đầu tư năm 2026	
			Kế hoạch đầu tư năm 2025	Giá trị thực hiện	Giá trị giải ngân	Giá trị thực hiện	Giá trị giải ngân
2	Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại Khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng (CNTT)		110.473	66.219	66.219	42.529	42.529
B	Dự án khởi công năm 2026					344.370	344.370
I	Dự án đầu tư XDCB					102.500	102.500
1	Cải tạo đường, bãi sau cầu 3 (ô AA, AB, AC, AD) chi nhánh Cảng Tân Vũ	20.000				20.000	20.000
2	Cải tạo bãi sau cầu 4 (ô BM, BN) chi nhánh Cảng Tân Vũ	10.000				10.000	10.000
3	Cải tạo bãi sau cầu 6 chi nhánh Cảng Tân Vũ	30.000				20.000	20.000
4	Đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời Văn Phòng 8A Trần Phú, Ngô Quyền, Hải Phòng.	1.000				1.000	1.000
5	Cung cấp lắp đặt hệ thống điện bờ tại Chi nhánh cảng Tân Vũ	80.000				23.000	23.000
6	Dự án mở rộng bãi giữa Nhà đội cơ giới và Nhà đội cần trục chi nhánh Cảng Tân Vũ	9.000				9.000	9.000
7	Dự án mở rộng bãi chứa hàng sau cầu 7 chi nhánh Cảng Tân Vũ	19.500				19.500	19.500
II	Dự án mua sắm thiết bị					147.730	147.730
1	Xe nâng hàng Reachstacker 45 tấn (02 chiếc)	34.000				34.000	34.000
2	Xe ô tô 18 chỗ Transit Premium (tại VPCT)	1.200				1.200	1.200
3	Xe ô tô 7 chỗ Toyota Fortuner tại Văn phòng Công ty và CN Cảng Tân Vũ (02 chiếc)	2.700				2.700	2.700
4	Xe ô tô điện phục vụ đưa đón khách tại CNC Tân Vũ (02 chiếc)	630				630	630
5	Máy ảnh Canon (tại VPCT)	100				100	100

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Kết quả năm 2025			Kế hoạch đầu tư năm 2026	
			Kế hoạch đầu tư năm 2025	Giá trị thực hiện	Giá trị giải ngân	Giá trị thực hiện	Giá trị giải ngân
6	Hệ thống chữa cháy bằng nước (tại Trụ sở 8A)	500				500	500
7	Cần trục giàn QC tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ (02 chiếc)	493.000				98.600	98.600
8	Nâng cấp cải tạo cần trục RTG	10.000				10.000	10.000
III	Dự án công nghệ thông tin					94.140	94.140
1	Đầu tư máy chủ và phần mềm quản lý nhân sự, tiền lương	7.000				7.000	7.000
2	Đầu tư nâng cấp phần mềm quản lý khai thác container tại Cảng Hải Phòng	170.000				51.000	51.000
3	Đầu tư cặp máy chủ tại CN Cảng Tân Vũ	4.500				4.500	4.500
4	Đầu tư hệ thống Big Data và trực tích hợp dữ liệu tại Cảng Hải Phòng	25.000				25.000	25.000
5	Đầu tư hệ thống kết nối IoT với thiết bị tại hiện trường sản xuất Chi nhánh Cảng Tân Vũ	6000				6.000	6.000
6	Đầu tư hệ thống giám sát môi trường và thiết bị phòng máy chủ tại Cảng Hải Phòng	500				500	500
7	Lắp đặt bổ sung 04 cột lắp camera PTZ cho 04 điểm kiểm tra tình trạng container (Checking Point) số 1,2,3,4 tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ (Bổ sung năm 2026)	140				140	140

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM 2026

(Đơn vị: Tỷ đồng)

TT	Tên dự án	Kết quả năm 2025			Kế hoạch thực hiện năm 2026		Ghi chú (Tình hình thực hiện dự án/ Giải trình Sự cần thiết của đầu tư dự án)
		Kế hoạch đầu tư năm 2025	Giá trị thực hiện	So sánh Thực hiện/Kế hoạch (%)	Kế hoạch đầu tư năm 2026	Tiến độ kế hoạch	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Tổng cộng	1.509,20	1.298,57		897,70		
1	Góp vốn tại Công ty TNHH Smart Logistics Service (Hải Phòng)	65,60	51,14	77,96%	15,70	Quý 2/2026	Thực hiện theo tiến độ dự án
2	Góp vốn tại Công ty TNHH Cảng Quốc Tế TIL Cảng Hải Phòng	1.213,40	990,09	81,60%	242,00	Quý 1/2026	Thực hiện theo tiến độ bàn giao với đối tác
3	Góp vốn tại Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng	4,00	31,50	787,50%			Điều chỉnh vốn Điều lệ cho phù hợp với quy mô của đơn vị
4	Tăng vốn điều lệ tại Công ty cổ phần lai dất và vận tải Cảng Hải Phòng	16,20	16,20	100,00%			
5	Tăng vốn Cảng Hoàng Diệu (sáp nhập Cảng Hoàng Diệu – Cảng Chùa Vẽ)	210,00	209,64	99,83%			
6	Góp vốn thành lập pháp nhân khai thác Cảng tại Khu CN Bạch Đằng				640,00	Quý 3/2026	Dự kiến Tổng mức đầu tư 4.200 tỷ. Cảng Hải Phòng góp 51%; Vốn tự có: 40%. Góp vốn thành nhiều giai đoạn theo thực tế



BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1940/QĐ-CHP ngày 13/5/2025 về việc phân công nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị;

Tôi, Vũ Đức Biên – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông tình hình hoạt động cá nhân và đánh giá hoạt động của HDQT Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng năm 2025 như sau:

I. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Trong năm 2025, HDQT Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng có 02 thành viên độc lập HDQT theo các giai đoạn bao gồm:

- Giai đoạn 01/01/2025 – 29/4/2025: Ông Vũ Đức Biên và Ông Đỗ Vũ Linh.
- Giai đoạn 29/4/2025 – 31/12/2025: Ông Vũ Đức Biên và Bà Lê Thị Ngọc Dung.

Trong năm 2025, với vai trò là thành viên độc lập, tôi đã tích cực, chủ động trao đổi thông tin với HDQT và Ban điều hành để đưa ra những khuyến nghị, đề xuất hợp lý, hiệu quả. Hoạt động cụ thể được thực hiện như sau:

1. Tham gia đầy đủ các buổi họp, nghiên cứu kỹ lưỡng các nội dung xin ý kiến bằng văn bản của HDQT để nắm bắt thông tin, đóng góp ý kiến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và giám sát sự tuân thủ của Ban điều hành.

2. Chủ động tổ chức các buổi thảo luận, trao đổi với Tổng Giám đốc, các thành viên Ban điều hành, các phòng chuyên môn. Đặc biệt, căn cứ theo sự phân công nhiệm vụ của HDQT, tôi đã tập trung theo dõi, giám sát và đề xuất phương án xử lý để tăng cường chỉ đạo trong các nhóm lĩnh vực sau:

- Chiến lược đầu tư phát triển mở rộng, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

- Phương thức kết nối và duy trì liên kết doanh nghiệp và khách hàng hiệu quả, chuyên nghiệp.

- Công tác đầu tư, góp vốn của Cảng Hải Phòng và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp có vốn góp của Cảng Hải Phòng.

- Phát triển mô hình quản trị tiên tiến; phát triển bền vững.

- Xây dựng thương hiệu và văn hóa doanh nghiệp.

II. Đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị

Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh và công tác quản trị của HĐQT, tôi có một số đánh giá về hoạt động của HĐQT Cảng Hải Phòng trong năm 2025 như sau:

- Về các nội dung đã thảo luận của HĐQT: Là một hoạt động thường xuyên, cơ bản trên cơ sở quyền hạn và trách nhiệm quy định tại Điều lệ công ty, các Quy chế nội bộ và pháp luật hiện hành.

- Về việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT: Việc thông qua các nội dung tuân thủ chặt chẽ nguyên tắc đa số. Biên bản họp được lập đầy đủ làm cơ sở ban hành các văn bản chỉ đạo kịp thời, đúng pháp luật và được thông báo minh bạch tới Ban kiểm soát, Ban điều hành.

- Về việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: HĐQT đã chỉ đạo và giám sát sát sao việc triển khai của Ban điều hành thông qua giao kế hoạch, kiểm tra, đánh giá. Các chỉ đạo bám sát kế hoạch ĐHCĐ đã thông qua.

- Về hoạt động của HĐQT và các thành viên: Không có hành vi vượt quyền, lạm quyền. Sự phân công nhiệm vụ được thực hiện rõ ràng, giúp mỗi thành viên phát huy thế mạnh quản trị trong từng lĩnh vực.

- Về thù lao, chi phí và lợi ích: Thù lao của HĐQT và thu nhập của Ban điều hành được thực hiện minh bạch, nghiêm túc, tuân thủ các Quy chế quản lý tài chính, tiền lương và được phản ánh trung thực trên Báo cáo tài chính.

- Về hoạt động giám sát đối với Ban điều hành: Được thực hiện toàn diện thông qua các báo cáo định kỳ/đột xuất, đúng thẩm quyền và mang lại hiệu quả thực tiễn cao.

- Về hoạt động của các Tiểu ban hỗ trợ: Đã thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn được giao trong công tác tham mưu cho HĐQT.

Trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: TKCT.

**THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(Đã ký)

Vũ Đức Biên



BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1940/QĐ-CHP ngày 13/5/2025 về việc phân công nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị;

Tôi, Lê Thị Ngọc Dung - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông tình hình hoạt động cá nhân và đánh giá hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng năm 2025 như sau:

I. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Trong năm 2025, HĐQT Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng có 02 thành viên độc lập HĐQT theo các giai đoạn bao gồm:

- Giai đoạn 01/01/2025 - 29/4/2025: Ông Vũ Đức Biên và Ông Đỗ Vũ Linh.
- Giai đoạn 29/4/2025 - 31/12/2025: Ông Vũ Đức Biên và Bà Lê Thị Ngọc Dung.

Kể từ khi được bầu làm Thành viên độc lập HĐQT (giai đoạn từ 29/4/2025), tôi đã tích cực, chủ động phối hợp cùng HĐQT và Ban điều hành để đưa ra những khuyến nghị, đề xuất hợp lý, hiệu quả. Cụ thể:

1. Tham gia đầy đủ các buổi họp HĐQT, nghiên cứu các nội dung xin ý kiến bằng văn bản để bám sát tình hình công ty, đưa ra các phản biện và ý kiến độc lập nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và giám sát hoạt động của Ban điều hành.

2. Chủ động làm việc với Ban điều hành và các phòng ban liên quan. Căn cứ theo mảng công việc được phân công, tôi đã tập trung theo dõi, giám sát và đề xuất phương án xử lý nhằm tăng cường hiệu quả trong các lĩnh vực:

- Công tác phát triển thị trường, marketing, hoạt động chăm sóc khách hàng.
- Marketing chung trên cơ sở tận dụng hệ sinh thái của VIMC.
- Công tác truyền thông cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính (có gắn với công tác đầu tư mở rộng tại khu vực Lạch Huyện).

- Phát triển dịch vụ, doanh thu ngoài bóc xếp, các hoạt động logistics.

II. Đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị

Căn cứ vào quá trình tham gia quản trị và giám sát từ tháng 4/2025 đến hết năm, tôi có một số đánh giá về hoạt động của HĐQT Cảng Hải Phòng trong năm 2025 như sau:

- Về các nội dung đã thảo luận của HĐQT: Hoạt động thảo luận được duy trì thường xuyên, cởi mở, bám sát các quyền hạn và trách nhiệm quy định tại Điều lệ và pháp luật.

- Về việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT: Hình thức biểu quyết (trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản) được thực hiện dân chủ, tuân thủ nguyên tắc đa số. Các văn bản chỉ đạo của HĐQT được ban hành kịp thời, lưu trữ cẩn thận và thông báo đầy đủ tới Ban điều hành, Ban kiểm soát để phối hợp thực hiện.

- Về việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: HĐQT đã hoàn thành tốt vai trò chỉ đạo, giao kế hoạch và kiểm tra, đánh giá thường xuyên Ban điều hành, đảm bảo các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đề ra được triển khai đúng định hướng.

- Về hoạt động của HĐQT và các thành viên: Các thành viên HĐQT đều tuân thủ đúng Điều lệ và pháp luật, không lạm quyền, vượt quyền. Việc phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên đã phát huy tối đa thế mạnh chuyên môn của mỗi cá nhân, đóng góp vào sự phát triển chung của Cảng.

- Về thù lao, chi phí và lợi ích: Chi phí hoạt động, thù lao của HĐQT và thu nhập của Ban điều hành được thực hiện đúng quy chế, minh bạch và thể hiện rõ ràng trên Báo cáo tài chính.

- Về hoạt động giám sát đối với Ban điều hành: HĐQT thực hiện việc giám sát một cách toàn diện, thường xuyên yêu cầu Ban điều hành báo cáo tiến độ, đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh đi đúng quỹ đạo an toàn, hiệu quả.

- Về hoạt động của các Tiểu ban hỗ trợ: Các Tiểu ban đã hoàn thành tốt vai trò tham mưu chuyên sâu, hỗ trợ đắc lực cho các quyết định của HĐQT.

Trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: TKCT.

**THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(Đã ký)

Lê Thị Ngọc Dung



BÁO CÁO

Về việc triển khai “Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại Khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng” năm 2025 và kế hoạch thực hiện các công việc năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng

Căn cứ Quyết định số 1215/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng về việc phê duyệt “Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại Khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng”;

Căn cứ Quyết định số 1875/QĐ-CHP ngày 01/7/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng về việc phê duyệt ủy quyền quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông trong quá trình triển khai Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại Khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc triển khai “Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại Khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng” năm 2025 và kế hoạch thực hiện các công việc năm 2026 như sau:

A. CÁC CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN

I. Các công việc Hội đồng quản trị thực hiện theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện Quyết định số 1875/QĐ-CHP ngày 01/7/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng về việc phê duyệt ủy quyền quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông trong quá trình triển khai Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại Khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng trong đó ủy quyền cho Hội đồng quản trị Cảng Hải Phòng xem xét, quyết định các vấn đề liên quan đến Dự án thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông trong giai đoạn thực hiện Dự án và giai đoạn kết thúc xây dựng của Dự án, không bao gồm phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng, đảm bảo phù hợp với Điều lệ Công ty và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị đã thực hiện các công việc theo ủy quyền như sau:

1. Phê duyệt các kế hoạch thực hiện:

- Kế hoạch thực hiện Thuê container làm văn phòng, kho để phục vụ việc thực hiện giám sát và vận hành thử nghiệm dự án Bến 3, 4 Lạch Huyện (Quyết định số 552/QĐ-CHP ngày 20/02/2025).

- Kế hoạch thực hiện Gói thầu: Công trình bảo vệ môi trường phục vụ khai thác giai đoạn 1 tại dự án Bến 3, 4 Lạch Huyện (Quyết định số 836/QĐ-CHP ngày 14/3/2025).

- Kế hoạch thực hiện Bảo hiểm phương tiện, thiết bị (Quyết định số 861/QĐ-CHP ngày 17/3/2025).
- Kế hoạch thực hiện Thẩm định giá vật liệu cát đen sau thi công (Quyết định số 2313/QĐ-CHP ngày 12/6/2025).
- Kế hoạch thực hiện Cung cấp, lắp đặt thiết bị quan trắc tàu cập cảng (Quyết định số 2674/QĐ-CHP ngày 07/7/2025).
- Kế hoạch thực hiện Gia công, lắp đặt thanh giằng chống bão cho các cần trục RTG tại Bến số 3, 4 cảng Lạch Huyện (Quyết định số 2732/QĐ-CHP ngày 08/7/2025).
- Dự toán gói thầu và Giá gói thầu Thi công xây dựng hệ thống cấp điện giai đoạn 2 (Quyết định số 3132/QĐ-CHP ngày 17/7/2025).
- Dự toán gói thầu, giá gói thầu: Trang bị 02 xe cứu hỏa chữa cháy chuyên dụng (Quyết định số 3260/QĐ-CHP ngày 28/7/2025).
- Kế hoạch thực hiện Lập hồ sơ cấp giấy phép môi trường - Giai đoạn 2 (Quyết định số 3390/QĐ-CHP ngày 04/8/2025).
- Kế hoạch thực hiện Gói thầu XL04: Thi công tấm ốp Aluminum công chính (Quyết định số 4588/QĐ-CHP ngày 17/11/2025).
- Kế hoạch thực hiện Hạng mục: Các công trình phụ trợ thuộc bãi kiểm hóa (Quyết định số 5075/QĐ-CHP ngày 19/12/2025).

2. Thực hiện phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán các hạng mục:

- Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán Hạng mục: Các công trình phụ trợ khu vực Bãi kiểm hóa (Quyết định số 4660/QĐ-CHP ngày 25/11/2025).

II. Thực hiện các công việc theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã thực hiện các công việc theo thẩm quyền như sau:

1. Thực hiện lựa chọn nhà thầu các gói thầu:

- Gói thầu PTV06: Thuê container làm văn phòng, kho để phục vụ việc thực hiện giám sát và vận hành thử nghiệm dự án Bến 3, 4 Lạch Huyện.
- Gói thầu: Công trình bảo vệ môi trường phục vụ khai thác giai đoạn 1 tại dự án Bến 3, 4 Lạch Huyện.
 - Trang bị 02 xe cứu hỏa chữa cháy chuyên dụng.
- Gói thầu PTV07: Bảo hiểm phương tiện, thiết bị tại dự án Bến 3, 4 Lạch Huyện.
- Gói thầu TV47: Thẩm định giá vật liệu cát đen sau thi công.
- Gói thầu TV48: Lập hồ sơ cấp giấy phép môi trường - giai đoạn 2.
- Gói thầu XL03: Thi công xây dựng hệ thống cấp điện giai đoạn 2.
- Gói thầu TB05 "Gia công, lắp đặt thanh giằng chống bão cho các cần trục RTG tại bến số 3, 4 cảng Lạch Huyện".
- Gói thầu TB07: cung cấp, lắp đặt thiết bị quan trắc tàu cập cảng dự án đầu tư bến số 3, số 4 Cảng Lạch Huyện.
 - Tổ chức đấu giá vật liệu cát đen sau thi công.

- Gói thầu XL04: Thi công tấm ốp Aluminum công chính.
- Gói thầu XL05: Thi công các công trình phụ trợ khu vực bãi kiểm hóa.

2. Thông tin khái quát các gói thầu có giá trị trên 35% tổng tài sản của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng.

2.1. Gói thầu EC: Khảo sát toàn bộ dự án; thiết kế và thi công xây dựng cầu cảng, nạo vét, kè sau cầu, san lấp, đường bãi thuộc bước 1

- Giá gói thầu: 3.108.286.377.000 đồng.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn hai túi hồ sơ.
- Các hạng mục thuộc gói thầu:

TT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Quy mô, khối lượng thực hiện
1	Cầu cảng (750x50m)	m2	37.500
2	Bến tàu, sà lan 160Teus	m2	6.000
3	Bến công vụ	m2	4003
4	Nạo vét khu nước đậu tàu	m3	855.191
-	<i>Khu nước đậu tàu 100.000DWT</i>		
-	<i>Khu nước đậu sà lan</i>		
5	Kè sau cầu	md	708
6	Khu bãi hàng (thuộc Bước 1)		165.860
-	<i>Bãi container có hàng</i>	<i>m2</i>	<i>144.562</i>
-	<i>Bãi container lạnh</i>	<i>m2</i>	<i>8.820</i>
-	<i>Bãi hàng + bãi chất rút</i>	<i>m2</i>	<i>9.620</i>
-	<i>Bãi kiểm hóa</i>	<i>m2</i>	<i>2.858</i>
7	Hệ thống thoát nước mặt (<i>chỉ tính khối lượng Bước 1</i>)	<i>Ctr</i>	<i>1</i>
8	Đường nội bộ (thuộc Bước 1)	m2	54.830
9	Đường khu vực công (thuộc Bước 1)	m2	2.400
10	San lấp, kè bảo vệ bãi		
-	<i>Đê bao phục vụ san lấp</i>	<i>Ctr</i>	<i>1</i>
-	<i>San lấp</i>	<i>m3</i>	<i>1.682.808</i>
-	<i>Đường công vụ</i>	<i>Ctr</i>	<i>1</i>
-	<i>Kè bảo vệ bãi</i>	<i>md</i>	<i>360</i>
11	Xử lý nền (thuộc Bước 1)	m2	236.462

- Nhà thầu trúng thầu: Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân - Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình thủy.

- Số hợp đồng: 116/2022/HĐ-TK&TC ngày 12/01/2022, các Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 30/12/2022, số 02 ngày 15/3/2023, số 03 ngày 16/10/2023, số 04 ngày 03/10/2024, số 05 ngày 28/11/2024, số 06 ngày 10/01/2025, số 07 ngày 21/01/2025, số 08 ngày 19/2/2025, số 09 ngày 29/7/2025, số 10 ngày 03/9/2025.

- Giá hợp đồng/phụ lục hợp đồng: 3.032.510.685.784 đồng.

- Thời gian thực hiện hợp đồng theo hợp đồng và các phụ lục: 28 tháng, không bao gồm thời gian thẩm tra, thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và ngày nghỉ lễ, tết (trong đó: Thời gian khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và lập dự toán: 03 tháng; Thời gian thi công xây dựng công trình: hoàn thành ngày 25/5/2025).

- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá kết hợp (Hợp đồng trọn gói đối với phần thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán; Hợp đồng theo đơn giá cố định đối với phần khảo sát và thi công xây dựng).

2.2. Gói thầu TB01 “Trang bị, lắp đặt 06 Cầu bốc xếp container trên bến chính (STS) và 24 cầu bánh lốp RTG”

- Giá gói thầu: 2.237.141.264.000 đồng.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi quốc tế, không sơ tuyển.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn hai túi hồ sơ.

- Các hạng mục thuộc gói thầu:

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị	Khối lượng mời thầu
1	Cần trục bờ di động STS	Chiếc	06
2	Cần trục giàn bánh lốp RTG	Chiếc	24
3	Khung chụp dự phòng cho cần trục bờ di động STS	Chiếc	01
4	Khung chụp dự phòng cho cần trục giàn bánh lốp RTG	Chiếc	01

- Nhà thầu trúng thầu: Công ty TNHH Mitsui E&S Machinery.

- Số hợp đồng: 2366/CHP-MES ngày 02/6/2023. Các phụ lục hợp đồng ngày 22/7/2023, 06/11/2023, 08/01/2025, 31/10/2025.

- Giá hợp đồng: Tổng cộng 13.061.554.132 JPY và 54.152.046.842 VND.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 28 tháng, kể từ ngày ký kết Hợp đồng và Bên bán nhận được khoản tạm ứng Hợp đồng.

- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

- Thời điểm bàn giao: 12/2/2025 (3STS); 15/2/2025 (08 RTG); 20/6/2025 (8RTG); 30/6/2025 (3STS); 8/12/2025 (8RTG+khung cầu).

3. Tình hình và tiến độ thực hiện các công việc chính:

Tình hình thực hiện các gói thầu chính đến ngày 15/4/2026 như sau:

* **Gói thầu EC: Khảo sát toàn bộ dự án; thiết kế và thi công xây dựng cầu cảng, nạo vét, kè sau cầu, san lấp, đường bãi thuộc bước 1:** Thi công hoàn thành toàn bộ gói thầu ngày 25/5/2025.

* **Gói thầu TB01: “Trang bị, lắp đặt 06 Cầu bốc xếp container trên bến chính (STS) và 24 cầu bánh lốp RTG”:** Hoàn thành chế tạo toàn bộ thiết bị theo hợp đồng, bàn giao các đợt như sau: Đợt 01 - 12/2/2025 (3STS); Đợt 02 - 15/2/2025 (08 RTG); Đợt 03 - 20/6/2025 (8RTG); Đợt 04 - 30/6/2025 (3STS); Đợt 05 - 8/12/2025 (8RTG+khung cầu).

* **Hệ thống Công nghệ thông tin:**

- **Gói thầu TB06:** “Mua sắm phần mềm và ứng dụng quản lý, khai thác container (TOS)”: Hoàn thành nghiệm thu tổng thể và đưa vào sử dụng ngày 23/12/2025.

- **Gói thầu PC:** “Mua sắm hàng hóa, thiết bị, phần mềm nội bộ cơ sở dữ liệu và thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin”: Bàn giao giai đoạn 1 ngày 30/4/2025; Bàn giao giai đoạn 2 ngày 01/9/2025; Hoàn thành toàn bộ các hạng mục công việc ngày 30/12/2025.

* **Gói thầu XL01: Thi công xây dựng hệ thống cáp điện:** Hoàn thành toàn bộ các hạng mục theo hợp đồng ngày 30/11/2025, hiện nay nhà thầu đang thi công bổ sung các hạng mục theo yêu cầu của bên thuê.

* **Gói thầu XL02: Thi công, xây lắp các hạng mục công trình đường bãi nội bộ, nhà điều hành, nhà nghỉ công nhân, nhà xưởng và cầu trục xưởng, cổng tường rào, hệ thống PCCC và các hạng mục hạ tầng, phụ trợ:** Hoàn thành toàn bộ các hạng mục theo hợp đồng ngày 29/12/2025, hiện nay nhà thầu đang thi công bổ sung các hạng mục theo yêu cầu của bên thuê.

* **Gói thầu TB02 - Cung cấp 02 xe nâng RSD và 01 xe nâng hàng rỗng:** Hoàn thành lựa chọn nhà thầu, bàn giao toàn bộ các thiết bị trong tháng 02/2025:

* **Gói thầu TB03 - Trang bị 50 xe đầu kéo và sơ mi rơ moóc:** Hoàn thành lựa chọn nhà thầu, bàn giao 30 xe đầu kéo và sơ mi rơ moóc trong tháng 4/2025.

4. Tổng giá trị đã giải ngân:

- Tổng giá trị đã giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025:

5.841.922.390.153 đồng (Vay: 2.407.601.758.458 đồng).

- Năm 2025: 2.904.715.133.213 đồng (Vay: 2.407.601.758.458 đồng).

5. Bàn giao cơ sở hạ tầng cho đơn vị thuê

Thực hiện hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng với Công ty TNHH Cảng quốc tế TIL Cảng Hải Phòng, trong năm 2025 đã thực hiện bàn giao cho đơn vị thuê 02 đợt vào ngày 30/4/2025 và 01/9/2025.

B. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CÁC CÔNG VIỆC TIẾP THEO TRONG NĂM 2026.

- Hoàn thành bàn giao cơ sở hạ tầng cho thuê đợt 03.

- Dự kiến giá trị giải ngân năm 2026 khoảng 332 tỷ đồng.

Trên đây là báo cáo các công việc đã triển khai Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại Khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng năm 2025 và kế hoạch năm 2026.

Trân trọng báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung đã triển khai thực hiện và kế hoạch triển khai tiếp theo được nêu tại Báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: TKCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(signed)

Phạm Hồng Minh



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG HẢI PHÒNG**

Số: 04.2026/TTr-CHP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày 14 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2025;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022; Luật sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng,

Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng xin kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (*Báo cáo tài chính đã đăng tải công khai trên trang Website của Công ty*)

Để nội dung báo cáo phù hợp với các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội thường niên năm 2025 đã thông qua, nội dung Tờ trình bao gồm:

- Mục A: Báo cáo tóm tắt chỉ tiêu tài chính riêng của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng
- Mục B: Báo cáo tóm tắt chỉ tiêu tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: TKCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Phạm Hồng Minh

MỤC A
BÁO CÁO TÓM TẮT CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH RIÊNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

I. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	31/12/2025
I	Tài sản ngắn hạn	1.490.836.367.850
II	Tài sản dài hạn	7.425.806.018.755
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	8.916.642.386.605
IV	Nợ phải trả	2.758.910.793.088
V	Vốn chủ sở hữu	6.157.731.593.517
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	8.916.642.386.605

II. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025
1	Tổng doanh thu	2.315.334.602.308
2	Tổng chi phí	1.142.099.419.449
3	Lợi nhuận trước thuế	1.173.235.182.859
4	Lợi nhuận sau thuế	979.629.760.627

II. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025
1	Cơ cấu tài sản	
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	0,17
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	0,83
2	Cơ cấu nguồn vốn	
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	0,31
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	0,69
3	Khả năng thanh toán	
	- Khả năng thanh toán nhanh	1,36
	- Khả năng thanh toán ngắn hạn	1,43
4	Tỷ suất lợi nhuận	
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,11
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,57
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	0,16

MỤC B
BÁO CÁO TÓM TẮT CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

I. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	31/12/2025
I	Tài sản ngắn hạn	3.069.783.422.453
II	Tài sản dài hạn	6.844.008.559.952
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	9.913.791.982.405
IV	Nợ phải trả	3.096.910.334.460
V	Vốn chủ sở hữu	6.816.881.647.945
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	9.913.791.982.405

II. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025
1	Tổng doanh thu	3.050.932.076.923
2	Tổng chi phí	1.793.757.490.158
3	Lợi nhuận trước thuế	1.257.174.586.765
4	Lợi nhuận sau thuế	984.474.495.619

III. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025
1	Cơ cấu tài sản	
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	0,31
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	0,69
2	Cơ cấu nguồn vốn	
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	0,31
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	0,69
3	Khả năng thanh toán	
	- Khả năng thanh toán nhanh	2,35
	- Khả năng thanh toán ngắn hạn	2,45
4	Tỷ suất lợi nhuận	
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,10
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,36
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	0,14

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 55

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Căng Hải Phòng (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Tường Anh	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên HĐQT
Bà Trịnh Thị Ngọc Biển	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Lê Đông	Thành viên HĐQT
Ông Đỗ Vũ Linh	Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Lý Quang Thái	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Vũ Đức Biên	Thành viên HĐQT độc lập
Bà Lê Thị Ngọc Dung	Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm ngày 29/4/2025)

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thanh Hải	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên
Ông Đồng Xuân Khanh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/4/2025)

Ban Kiểm toán nội bộ

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Trưởng Ban phụ trách
Ông Phan Anh Tuấn	Phó Trưởng Ban
Ông Vũ Văn Hợi	Thành viên
Ông Lương Anh Hoàng	Thành viên (Thôi từ ngày 01/10/2025)
Bà Vũ Thị Lan Anh	Thành viên
Bà Hoàng Thị Hà	Thành viên (Từ ngày 01/07/2025)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Tường Anh	Tổng Giám đốc
Ông Hà Vũ Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là bà Đào Thị Thu Hà.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024, Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025. Công ty tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Số: 104/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 24 tháng 02 năm 2026, từ trang 06 đến trang 55 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

1. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 36.1 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đang ghi nhận tại chỉ tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán riêng đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 133,81 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ.

Ngày 4/4/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 84/2025/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải. Theo đó, Bộ Xây dựng đã ban hành Văn bản số 12000/BXD-KHTC ngày 21/10/2025 đề nghị Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP (VIMC) nghiên cứu, rà soát các phương thức khai thác, xử lý tài sản cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ bảo đảm phù hợp với thực trạng tài sản, điều kiện quản lý, khai thác các cầu cảng và tuân thủ quy định pháp luật. Đồng thời, Bộ Xây dựng yêu cầu Ban Quản lý dự án cảng Hải Phòng nghiên cứu ý kiến của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại Văn bản số 3878/CHP-TCKT ngày 19/9/2025 về phân bổ chi phí cho gói thiết bị.

Theo đó, VIMC đã chỉ đạo Người đại diện phần vốn của VIMC tại Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng nghiên cứu, rà soát xây dựng phương án khai thác, xử lý tài sản cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ. Trên cơ sở ý kiến của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, đánh giá ưu, nhược điểm của từng phương án, VIMC đã có Văn bản số 1753/HHVN-TCKT ngày 06/11/2025 báo cáo Bộ Xây dựng và Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam về các phương án quản lý khai thác tài sản bến số 4, số 5 Cảng Chùa Vẽ.

Căn cứ nội dung buổi làm việc ngày 29/12/2025 giữa Bộ Xây dựng, VIMC và Cảng Hải Phòng, trên cơ sở đề xuất của Cảng Hải Phòng tại Văn bản số 5222/CHP-TCKT ngày 31/12/2025 về phương án xử lý tài sản bến số 4, bến số 5 Cảng Chùa Vẽ, VIMC đã có Văn bản số 16/HHVN-TCKT ngày 08/01/2026 trình Bộ Xây dựng và Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam cập nhật nội dung liên quan đến phương án xử lý các tài sản nêu trên.

Đến thời điểm lập báo cáo kiểm toán này, chưa có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng. Căn cứ theo Điều 55 Luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 về việc văn bản pháp luật không được quy định hiệu lực trở về trước, việc ghi nhận chính thức tài sản và chi phí của cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ sẽ được thực hiện vào thời điểm cơ quan quản lý nhà nước quyết định hình thức quản lý đối với các tài sản này.

2. Bên cạnh đó, như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Cơ quan Quản lý về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính riêng này.

Ý kiến Kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Bùi Minh Đức
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5586-2026-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.490.836.367.850	1.439.190.419.743
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	254.478.551.405	338.882.421.807
Tiền	111		90.878.551.405	48.882.421.807
Các khoản tương đương tiền	112		163.600.000.000	290.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		300.030.000.000	70.436.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	300.030.000.000	70.436.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		530.098.781.490	778.213.497.663
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	129.992.393.085	149.998.039.608
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	83.143.086.584	348.149.904.360
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	344.494.295.166	307.286.575.417
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(27.530.993.345)	(27.221.021.722)
Hàng tồn kho	140	10	77.297.875.505	92.338.403.581
Hàng tồn kho	141		77.297.875.505	92.338.403.581
Tài sản ngắn hạn khác	150		328.931.159.450	159.320.096.692
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	20.769.281.027	19.129.712.253
Thuế GTGT được khấu trừ	152		306.506.472.443	140.190.384.439
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	1.655.405.980	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.425.806.018.755	5.876.861.305.208
Tài sản cố định	220		1.228.968.741.704	1.591.265.868.337
Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.220.117.784.212	1.584.888.711.353
- Nguyên giá	222		4.121.195.463.465	4.992.818.338.094
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.901.077.679.253)	(3.407.929.626.741)
Tài sản cố định vô hình	227	14	8.850.957.492	6.377.156.984
- Nguyên giá	228		41.536.137.866	37.799.350.954
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.685.180.374)	(31.422.193.970)
Bất động sản đầu tư	230	15	2.581.950.157.136	-
- Nguyên giá	231		2.777.074.580.908	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(195.124.423.772)	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.199.724.382.560	3.159.225.541.207
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.199.724.382.560	3.159.225.541.207
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	2.360.950.493.819	1.061.211.063.096
Đầu tư vào công ty con	251		1.202.201.691.109	945.863.691.109
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên	252		1.172.441.234.553	131.206.037.464
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		2.181.131.012	2.181.131.012
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(15.873.562.855)	(18.039.796.489)
Tài sản dài hạn khác	260		54.212.243.536	65.158.832.568
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	38.379.126.140	50.125.382.879
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	33	15.833.117.396	15.033.449.689
TỔNG TÀI SẢN	270		8.916.642.386.605	7.316.051.724.951

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.758.910.793.088	1.870.246.892.061
Nợ ngắn hạn	310		1.041.837.340.868	1.388.931.418.118
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	330.679.560.102	834.922.544.499
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	3.186.142.398	14.247.375.611
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	208.169.572.317	58.981.033.756
Phải trả người lao động	314		127.775.298.580	97.802.583.524
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	237.605.148.059	225.263.830.200
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.730.857.220	5.353.167.082
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	84.644.984.345	107.464.502.225
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	24.562.190.653	23.523.799.299
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		22.483.587.194	21.372.581.922
Nợ dài hạn	330		1.717.073.452.220	481.315.473.943
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	1.717.073.452.220	481.315.473.943
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.157.731.593.517	5.445.804.832.890
Vốn chủ sở hữu	410	22	6.157.731.593.517	5.445.804.832.890
Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.819.342.644.034	1.520.310.342.937
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.068.788.949.483	655.894.489.953
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		89.159.188.856	13.467.439.606
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		979.629.760.627	642.427.050.347
TỔNG NGUỒN VỐN	440		8.916.642.386.605	7.316.051.724.951

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Hà

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	1.732.726.458.836	1.373.821.942.986
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.732.726.458.836	1.373.821.942.986
Giá vốn hàng bán	11	25	915.746.440.261	857.976.308.145
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		816.980.018.575	515.845.634.841
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	245.104.126.016	346.884.112.157
Chi phí tài chính	22	27	39.687.175.011	21.952.124.544
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		23.031.999.143	7.105.158.670
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	159.186.176.573	110.392.995.854
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		863.210.793.007	730.384.626.600
Thu nhập khác	31	29	337.504.017.456	9.156.837.205
Chi phí khác	32	30	27.479.627.604	1.463.756.734
Lợi nhuận khác	40		310.024.389.852	7.693.080.471
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.173.235.182.859	738.077.707.071
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	194.405.089.939	96.450.324.431
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	(799.667.707)	(799.667.707)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		979.629.760.627	642.427.050.347

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Hà

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	1.173.235.182.859	738.077.707.071
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	196.171.430.055	155.100.246.754
Các khoản dự phòng	03	(1.856.262.011)	2.968.321.839
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.093.640.698	(11.124.340.500)
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05	(535.022.997.892)	(316.399.067.139)
Chi phí lãi vay	06	23.031.999.143	7.105.158.670
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	859.652.992.852	575.728.026.695
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	78.779.762.074	(267.026.524.582)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	15.040.528.076	(14.763.513.624)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(499.547.770.058)	808.914.841.075
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	10.106.687.965	(15.336.975.247)
Tiền lãi vay đã trả	14	(14.499.372.550)	(1.574.349.916)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(51.450.342.431)	(102.805.672.517)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	113.940.000	41.220.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(70.480.733.560)	(48.926.910.322)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	327.715.692.368	934.250.141.562
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.497.980.128.577)	(1.609.277.267.922)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(300.000.000.000)	(377.581.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	70.406.000.000	1.073.243.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(99.730.963.731)	(35.534.800.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	354.344.566	61.450.306.146
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	228.734.734.541	365.611.666.006
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.598.216.013.201)	(522.088.095.770)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND	
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33	2.407.601.758.458	-	
Tiền trả nợ gốc vay	34	(25.531.565.060)	(24.388.079.717)	
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(196.130.818.000)	(130.768.401.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.185.939.375.398	(155.156.480.717)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(84.560.945.435)	257.005.565.075	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	338.882.421.807	80.830.437.874
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	157.075.033	1.046.418.858	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	254.478.551.405	338.882.421.807

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Hà

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025

CÔNG TY T.

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 58

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Tường Anh	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên HĐQT
Bà Trịnh Thị Ngọc Biển	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Lê Đông	Thành viên HĐQT
Ông Đỗ Vũ Linh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Lý Quang Thái	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Vũ Đức Biên	Thành viên HĐQT độc lập
Bà Lê Thị Ngọc Dung	Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm ngày 29/4/2025)

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thanh Hải	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên
Ông Đồng Xuân Khanh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/4/2025)

Ban Kiểm toán nội bộ

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Trưởng Ban phụ trách
Ông Phan Anh Tuấn	Phó Trưởng Ban
Ông Vũ Văn Hợi	Thành viên
Ông Lương Anh Hoàng	Thành viên (Thôi từ ngày 01/10/2025)
Bà Vũ Thị Lan Anh	Thành viên
Bà Hoàng Thị Hà	Thành viên (Từ ngày 01/07/2025)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Tường Anh	Tổng Giám đốc
Ông Hà Vũ Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là bà Đào Thị Thu Hà.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024, Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025. Công ty tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Số: 105/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 24 tháng 02 năm 2026, từ trang 06 đến trang 58 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

1. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 37.1 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đang ghi nhận tại chi tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 133,81 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chi tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ.

Ngày 4/4/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 84/2025/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải. Theo đó, Bộ Xây dựng đã ban hành Văn bản số 12000/BXD-KHTC ngày 21/10/2025 đề nghị Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP (VIMC) nghiên cứu, rà soát các phương thức khai thác, xử lý tài sản cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ bảo đảm phù hợp với thực trạng tài sản, điều kiện quản lý, khai thác các cầu cảng và tuân thủ quy định pháp luật. Đồng thời, Bộ Xây dựng yêu cầu Ban Quản lý dự án cảng Hải Phòng nghiên cứu ý kiến của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại Văn bản số 3878/CHP-TCKT ngày 19/09/2025 về phân bổ chi phí cho gói thiết bị.

Theo đó, VIMC đã chỉ đạo Người đại diện phần vốn của VIMC tại Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng nghiên cứu, rà soát xây dựng phương án khai thác, xử lý tài sản cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ. Trên cơ sở ý kiến của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, đánh giá ưu, nhược điểm của từng phương án, VIMC đã có Văn bản số 1753/HHVN-TCKT ngày 06/11/2025 báo cáo Bộ Xây dựng và Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam về các phương án quản lý khai thác tài sản bến số 4, số 5 Cảng Chùa Vẽ.

Căn cứ nội dung buổi làm việc ngày 29/12/2025 giữa Bộ Xây dựng, VIMC và Cảng Hải Phòng, trên cơ sở đề xuất của Cảng Hải Phòng tại Văn bản số 5222/CHP-TCKT ngày 31/12/2025 về phương án xử lý tài sản bến số 4, bến số 5 Cảng Chùa Vẽ, VIMC đã có văn bản số 16/HHVN-TCKT ngày 08/01/2026 trình Bộ Xây dựng và Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam cập nhật nội dung liên quan đến phương án xử lý các tài sản nêu trên.

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chưa có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng. Căn cứ theo Điều 55 Luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 về việc văn bản pháp luật không được quy định hiệu lực trở về trước, việc ghi nhận chính thức tài sản và chi phí của cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ sẽ được thực hiện vào thời điểm cơ quan quản lý nhà nước quyết định hình thức quản lý đối với các tài sản này.

2. Bên cạnh đó, như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Cơ quan Quản lý về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Bùi Minh Đức
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5586-2026-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.069.783.422.453	3.094.005.768.117
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	390.290.204.796	493.962.154.581
Tiền	111		188.190.204.796	109.962.154.581
Các khoản tương đương tiền	112		202.100.000.000	384.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	1.551.332.737.502	1.345.188.737.502
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.551.332.737.502	1.345.188.737.502
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		653.455.461.273	973.070.421.967
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	260.234.096.808	295.747.062.611
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	81.010.186.734	391.899.673.934
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	351.351.157.443	322.791.576.255
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(39.139.979.712)	(37.367.890.833)
Hàng tồn kho	140	10	127.433.056.745	115.825.333.653
Hàng tồn kho	141		127.433.056.745	115.825.333.653
Tài sản ngắn hạn khác	150		347.271.962.137	165.959.120.414
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	29.299.441.994	25.766.249.347
Thuế GTGT được khấu trừ	152		313.421.280.121	140.190.384.439
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	4.551.240.022	2.486.628
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.844.008.559.952	5.399.633.701.205
Các khoản phải thu dài hạn	210		51.986.000	92.986.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	51.986.000	92.986.000
Tài sản cố định	220		1.517.726.002.056	1.826.395.212.994
Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.507.523.132.370	1.819.211.644.715
- Nguyên giá	222		6.491.986.052.064	6.796.553.866.808
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.984.462.919.694)	(4.977.342.222.093)
Tài sản cố định vô hình	227	15	10.202.869.686	7.183.568.279
- Nguyên giá	228		50.553.800.051	45.334.455.654
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40.350.930.365)	(38.150.887.375)
Bất động sản đầu tư	230	14	2.581.950.157.136	-
- Nguyên giá	231		2.777.074.580.908	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(195.124.423.772)	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.292.106.498.642	3.161.207.713.345
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	1.292.106.498.642	3.161.207.713.345
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	1.362.557.417.618	315.131.724.800
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.360.877.417.618	313.091.724.800
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		2.181.131.012	2.181.131.012
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(501.131.012)	(141.131.012)
Tài sản dài hạn khác	260		89.616.498.500	96.806.064.066
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	75.467.302.834	81.772.614.377
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		14.149.195.666	15.033.449.689
TỔNG TÀI SẢN	270		9.913.791.982.405	8.493.639.469.322

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		3.096.910.334.460	2.132.846.126.218
Nợ ngắn hạn	310		1.251.334.656.191	1.638.304.670.115
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	355.409.941.830	852.622.637.505
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	8.601.618.474	19.395.117.699
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	245.661.996.946	99.559.447.235
Phải trả người lao động	314		223.040.036.504	225.795.893.120
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	245.681.607.927	226.889.277.936
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	2.730.857.220	5.353.167.082
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	101.660.159.743	126.260.245.580
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	24.562.190.653	23.523.799.299
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	18.100.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		43.986.246.894	40.805.084.659
Nợ dài hạn	330		1.845.575.678.269	494.541.456.103
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	22	95.307.634.428	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	1.747.193.557.470	484.949.450.424
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		3.074.486.371	9.592.005.679
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	23	6.816.881.647.945	6.360.793.343.104
Vốn chủ sở hữu	410		6.816.881.647.945	6.360.793.343.104
Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(166.066.396)	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		52.543.979.727	52.543.979.727
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(613.301.691.109)	(613.301.691.109)
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.104.600.026.656	1.803.205.604.913
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.212.061.506.690	1.043.583.234.828
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		391.368.736.042	236.177.300.266
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		820.692.770.648	807.405.934.562
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		791.543.892.377	805.162.214.745
TỔNG NGUỒN VỐN	440		9.913.791.982.405	8.493.639.469.322

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu



Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng



Đào Thị Thu Hà



Nguyễn Tường Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	2.730.324.694.363	2.595.479.044.228
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.730.324.694.363	2.595.479.044.228
Giá vốn hàng bán	11	26	1.453.617.740.198	1.605.445.106.833
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.276.706.954.165	990.033.937.395
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	102.588.579.165	150.762.844.242
Chi phí tài chính	22	28	42.762.995.259	18.528.090.537
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		23.031.999.143	7.105.158.670
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		108.002.312.297	80.885.841.099
Chi phí bán hàng	25	29	461.552.000	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	293.733.072.351	253.198.425.586
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.150.340.226.017	949.956.106.613
Thu nhập khác	31	30	110.016.491.098	251.739.121.632
Chi phí khác	32	31	3.182.130.350	1.849.656.513
Lợi nhuận khác	40		106.834.360.748	249.889.465.119
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.257.174.586.765	1.199.845.571.732
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	278.341.283.848	225.185.200.635
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(5.641.192.702)	(456.823.555)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		984.474.495.619	975.117.194.652
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		823.192.770.648	807.405.934.562
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		161.281.724.971	167.711.260.090
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	2.518	2.469
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	35	2.518	2.469

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Hà

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.257.174.586.765	1.199.845.571.732
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		255.221.271.543	224.211.152.960
Các khoản dự phòng	03		(15.967.911.121)	2.779.460.790
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		4.319.625.665	(11.767.864.016)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(196.389.532.620)	(206.107.237.161)
Chi phí lãi vay	06		23.031.999.143	7.105.158.670
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.327.390.039.375	1.216.066.242.975
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		128.076.572.304	(234.787.822.043)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(11.607.723.092)	(12.167.458.814)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(532.277.815.311)	844.627.906.470
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.772.118.896	(17.322.988.020)
Tiền lãi vay đã trả	14		(14.499.372.550)	(3.282.703.684)
Thuế thụ nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(139.481.234.642)	(213.685.729.183)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		113.940.000	39.220.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(164.046.850.189)	(123.723.654.562)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		596.439.674.791	1.455.763.013.139
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.607.092.685.457)	(1.625.263.413.442)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		7.329.574.041	24.728.810.111
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.446.850.000.000)	(2.692.833.737.502)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.240.706.000.000	3.311.643.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(52.456.129.805)	(35.534.800.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	62.611.206.146
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		89.396.610.098	82.539.329.386
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.768.966.631.123)	(872.109.605.301)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		13.775.290.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		2.434.087.887.227	3.633.976.481
Tiền trả nợ gốc vay	34		(25.531.565.060)	(24.388.079.717)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(353.504.894.700)	(268.600.803.170)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.068.826.717.467	(289.354.906.406)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(103.700.238.865)	294.298.501.432
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	493.962.154.581	198.481.615.722
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		28.289.080	1.182.037.427
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	390.290.204.796	493.962.154.581

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Hà

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 55

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Căng Hải Phòng (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Tường Anh	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên HĐQT
Bà Trịnh Thị Ngọc Biển	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Lê Đông	Thành viên HĐQT
Ông Đỗ Vũ Linh	Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Lý Quang Thái	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Vũ Đức Biên	Thành viên HĐQT độc lập
Bà Lê Thị Ngọc Dung	Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm ngày 29/4/2025)

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thanh Hải	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên
Ông Đồng Xuân Khanh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/4/2025)

Ban Kiểm toán nội bộ

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Trưởng Ban phụ trách
Ông Phan Anh Tuấn	Phó Trưởng Ban
Ông Vũ Văn Hợi	Thành viên
Ông Lương Anh Hoàng	Thành viên (Thôi từ ngày 01/10/2025)
Bà Vũ Thị Lan Anh	Thành viên
Bà Hoàng Thị Hà	Thành viên (Từ ngày 01/07/2025)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Tường Anh	Tổng Giám đốc
Ông Hà Vũ Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là bà Đào Thị Thu Hà.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024, Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025. Công ty tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Số: 104/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 24 tháng 02 năm 2026, từ trang 06 đến trang 55 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

1. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 36.1 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đang ghi nhận tại chỉ tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán riêng đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 133,81 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ.

Ngày 4/4/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 84/2025/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải. Theo đó, Bộ Xây dựng đã ban hành Văn bản số 12000/BXD-KHTC ngày 21/10/2025 đề nghị Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP (VIMC) nghiên cứu, rà soát các phương thức khai thác, xử lý tài sản cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ bảo đảm phù hợp với thực trạng tài sản, điều kiện quản lý, khai thác các cầu cảng và tuân thủ quy định pháp luật. Đồng thời, Bộ Xây dựng yêu cầu Ban Quản lý dự án cảng Hải Phòng nghiên cứu ý kiến của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại Văn bản số 3878/CHP-TCKT ngày 19/9/2025 về phân bổ chi phí cho gói thiết bị.

Theo đó, VIMC đã chỉ đạo Người đại diện phần vốn của VIMC tại Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng nghiên cứu, rà soát xây dựng phương án khai thác, xử lý tài sản cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ. Trên cơ sở ý kiến của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, đánh giá ưu, nhược điểm của từng phương án, VIMC đã có Văn bản số 1753/HHVN-TCKT ngày 06/11/2025 báo cáo Bộ Xây dựng và Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam về các phương án quản lý khai thác tài sản bến số 4, số 5 Cảng Chùa Vẽ.

Căn cứ nội dung buổi làm việc ngày 29/12/2025 giữa Bộ Xây dựng, VIMC và Cảng Hải Phòng, trên cơ sở đề xuất của Cảng Hải Phòng tại Văn bản số 5222/CHP-TCKT ngày 31/12/2025 về phương án xử lý tài sản bến số 4, bến số 5 Cảng Chùa Vẽ, VIMC đã có Văn bản số 16/HHVN-TCKT ngày 08/01/2026 trình Bộ Xây dựng và Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam cập nhật nội dung liên quan đến phương án xử lý các tài sản nêu trên.

Đến thời điểm lập báo cáo kiểm toán này, chưa có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng. Căn cứ theo Điều 55 Luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 về việc văn bản pháp luật không được quy định hiệu lực trở về trước, việc ghi nhận chính thức tài sản và chi phí của cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ sẽ được thực hiện vào thời điểm cơ quan quản lý nhà nước quyết định hình thức quản lý đối với các tài sản này.

2. Bên cạnh đó, như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Cơ quan Quản lý về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính riêng này.

Ý kiến Kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Bùi Minh Đức
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5586-2026-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.490.836.367.850	1.439.190.419.743
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	254.478.551.405	338.882.421.807
Tiền	111		90.878.551.405	48.882.421.807
Các khoản tương đương tiền	112		163.600.000.000	290.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		300.030.000.000	70.436.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	300.030.000.000	70.436.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		530.098.781.490	778.213.497.663
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	129.992.393.085	149.998.039.608
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	83.143.086.584	348.149.904.360
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	344.494.295.166	307.286.575.417
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(27.530.993.345)	(27.221.021.722)
Hàng tồn kho	140	10	77.297.875.505	92.338.403.581
Hàng tồn kho	141		77.297.875.505	92.338.403.581
Tài sản ngắn hạn khác	150		328.931.159.450	159.320.096.692
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	20.769.281.027	19.129.712.253
Thuế GTGT được khấu trừ	152		306.506.472.443	140.190.384.439
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	1.655.405.980	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.425.806.018.755	5.876.861.305.208
Tài sản cố định	220		1.228.968.741.704	1.591.265.868.337
Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.220.117.784.212	1.584.888.711.353
- Nguyên giá	222		4.121.195.463.465	4.992.818.338.094
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.901.077.679.253)	(3.407.929.626.741)
Tài sản cố định vô hình	227	14	8.850.957.492	6.377.156.984
- Nguyên giá	228		41.536.137.866	37.799.350.954
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.685.180.374)	(31.422.193.970)
Bất động sản đầu tư	230	15	2.581.950.157.136	-
- Nguyên giá	231		2.777.074.580.908	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(195.124.423.772)	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.199.724.382.560	3.159.225.541.207
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.199.724.382.560	3.159.225.541.207
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	2.360.950.493.819	1.061.211.063.096
Đầu tư vào công ty con	251		1.202.201.691.109	945.863.691.109
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên	252		1.172.441.234.553	131.206.037.464
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		2.181.131.012	2.181.131.012
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(15.873.562.855)	(18.039.796.489)
Tài sản dài hạn khác	260		54.212.243.536	65.158.832.568
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	38.379.126.140	50.125.382.879
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	33	15.833.117.396	15.033.449.689
TỔNG TÀI SẢN	270		8.916.642.386.605	7.316.051.724.951

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.758.910.793.088	1.870.246.892.061
Nợ ngắn hạn	310		1.041.837.340.868	1.388.931.418.118
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	330.679.560.102	834.922.544.499
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	3.186.142.398	14.247.375.611
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	208.169.572.317	58.981.033.756
Phải trả người lao động	314		127.775.298.580	97.802.583.524
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	237.605.148.059	225.263.830.200
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.730.857.220	5.353.167.082
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	84.644.984.345	107.464.502.225
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	24.562.190.653	23.523.799.299
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		22.483.587.194	21.372.581.922
Nợ dài hạn	330		1.717.073.452.220	481.315.473.943
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	1.717.073.452.220	481.315.473.943
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.157.731.593.517	5.445.804.832.890
Vốn chủ sở hữu	410	22	6.157.731.593.517	5.445.804.832.890
Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.819.342.644.034	1.520.310.342.937
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.068.788.949.483	655.894.489.953
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		89.159.188.856	13.467.439.606
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		979.629.760.627	642.427.050.347
TỔNG NGUỒN VỐN	440		8.916.642.386.605	7.316.051.724.951

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu



Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng



Đào Thị Thu Hà

Tổng Giám đốc




Nguyễn Tường Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	1.732.726.458.836	1.373.821.942.986
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.732.726.458.836	1.373.821.942.986
Giá vốn hàng bán	11	25	915.746.440.261	857.976.308.145
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		816.980.018.575	515.845.634.841
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	245.104.126.016	346.884.112.157
Chi phí tài chính	22	27	39.687.175.011	21.952.124.544
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		23.031.999.143	7.105.158.670
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	159.186.176.573	110.392.995.854
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		863.210.793.007	730.384.626.600
Thu nhập khác	31	29	337.504.017.456	9.156.837.205
Chi phí khác	32	30	27.479.627.604	1.463.756.734
Lợi nhuận khác	40		310.024.389.852	7.693.080.471
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.173.235.182.859	738.077.707.071
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	194.405.089.939	96.450.324.431
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	(799.667.707)	(799.667.707)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		979.629.760.627	642.427.050.347

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Hà

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	1.173.235.182.859	738.077.707.071
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	196.171.430.055	155.100.246.754
Các khoản dự phòng	03	(1.856.262.011)	2.968.321.839
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.093.640.698	(11.124.340.500)
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05	(535.022.997.892)	(316.399.067.139)
Chi phí lãi vay	06	23.031.999.143	7.105.158.670
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	859.652.992.852	575.728.026.695
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	78.779.762.074	(267.026.524.582)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	15.040.528.076	(14.763.513.624)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(499.547.770.058)	808.914.841.075
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	10.106.687.965	(15.336.975.247)
Tiền lãi vay đã trả	14	(14.499.372.550)	(1.574.349.916)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(51.450.342.431)	(102.805.672.517)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	113.940.000	41.220.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(70.480.733.560)	(48.926.910.322)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	327.715.692.368	934.250.141.562
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.497.980.128.577)	(1.609.277.267.922)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(300.000.000.000)	(377.581.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	70.406.000.000	1.073.243.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(99.730.963.731)	(35.534.800.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	354.344.566	61.450.306.146
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	228.734.734.541	365.611.666.006
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.598.216.013.201)	(522.088.095.770)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND	
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33	2.407.601.758.458	-	
Tiền trả nợ gốc vay	34	(25.531.565.060)	(24.388.079.717)	
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(196.130.818.000)	(130.768.401.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.185.939.375.398	(155.156.480.717)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(84.560.945.435)	257.005.565.075	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	338.882.421.807	80.830.437.874
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	157.075.033	1.046.418.858	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	254.478.551.405	338.882.421.807

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Hà

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty được cổ phần hóa và hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Luật doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200236845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng (nay là Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng) cấp ngày 01 tháng 7 năm 2014, thay đổi lần thứ 13 ngày 28 tháng 7 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại số 8A Trần Phú, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2025 là 3.269.600.000.000 VND (bằng chữ: Ba nghìn hai trăm sáu mươi chín tỷ sáu trăm triệu đồng), tương đương 326.960.000 cổ phần mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại sàn giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) từ ngày 14 tháng 09 năm 2022 với mã chứng khoán PHP.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH CHÍNH

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khai thác cảng, dịch vụ kho bãi, logistics và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bốc xếp, giao nhận, bảo quản hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi, văn phòng;
- Môi giới thuê tàu biển, dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, dịch vụ giao nhận, nâng hạ hàng hóa, dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Sửa chữa container và dịch vụ vệ sinh container;
- Lai dắt và hỗ trợ tàu biển.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 NHÂN VIÊN

Tại ngày 31/12/2025 Công ty có 739 nhân viên đang làm việc (số tại ngày 01/01/2025 là 1.410 nhân viên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	51,00%	51,00%	Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; Kinh doanh kho bãi; Vận tải; Dịch vụ hàng hải và kinh doanh kho vận.
Công ty Cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	Lô 15, đường Lê Hồng Phong, phường Hải An, Thành phố Hải Phòng	60,28%	60,28%	Hỗ trợ tàu biển, bốc xếp, bảo quản giao nhận vận tải hàng hóa; Hoạt động lai dắt, trục vớt, cứu hộ và đại lý vận tải hàng hóa.
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	Số 03 đường Lê Thánh Tông, phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	100,00%	100,00%	Dịch vụ xếp dỡ giao nhận hàng hóa; Kinh doanh kho bãi; Trung chuyển và lưu trữ hàng hóa; Dịch vụ vận tải và các hoạt động hỗ trợ liên quan đến vận tải.
Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	Số 23, đường Lương Khánh Thiện, phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng	100,00%	100,00%	Khám chữa bệnh, khám sức khỏe và cấp giấy chứng nhận sức khỏe; cung cấp dịch vụ vệ sinh, y tế dự phòng.
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng	Số 05 Cù Chính Lan, phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng	90,00%	90,00%	Giáo dục nghề nghiệp các nghề giao nhận, vận hành các thiết bị xếp dỡ phục vụ khai thác cảng.

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	Số 03 đường Lê Thánh Tông, phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	30,52%	30,52%	Hoạt động kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	13 đường Nguyễn Trãi, phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	27,61%	27,61%	Xây dựng công trình và vận tải đường bộ
Công ty Cổ Phần HPH Logistics	Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	38,81%	38,81%	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết (tiếp):

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng (1)	Số 4 đường Hoàng Diệu, phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng	32,24%	32,24%	Vận tải hàng hóa đường bộ, đường biển, kho bãi, bốc xếp hàng hóa, đại lý tàu biển, vận tải biển
Công ty CP Vinalines Đông Bắc (2)	Số 1 đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh	25,00%	25,00%	Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	Số 79 Đoàn Như Hải, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh	20,00%	20,00%	Kho bãi, lưu giữ và vận tải hàng hóa
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ (3)	Khu Công nghiệp Đình Vũ, phường Hải An, Thành phố Hải Phòng	24,99%	50,00%	Hoạt động lai dắt, dịch vụ kho bãi, bốc xếp hàng hóa
Công ty TNHH KM Cargo Services Hải Phòng	Lô đất KB2.3 và KB 3.3, Khu Công nghiệp MP Đình Vũ, phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	36,00%	36,00%	Logistics và vận tải hàng hóa, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
Công ty TNHH Smart Logistics Service (Hải Phòng)	Lô CN2A Khu công nghiệp Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, Đặc khu Cát Hải, Thành phố Hải Phòng	28,75%	37,50%	Kho bãi, lưu giữ và vận tải hàng hóa
Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Hải Phòng	Khu phố Đôn Lương, Đặc khu Cát Hải, Thành phố Hải Phòng	51,00%	50,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy

(1) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2018.

(2) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2014 nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

(3) Công ty nắm giữ gián tiếp các khoản đầu tư này qua Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ - Công ty con.

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Cảng Tân Vũ - KCN Đình Vũ, phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng.	Bốc xếp, giao nhận, vận chuyển, sửa chữa container

(*) Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ - Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng đã chấm dứt hoạt động từ 15/07/2025 theo Nghị quyết số 116/NQ-CHP của Hội đồng quản trị ngày 01/07/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (đồng) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ đồng.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.3. NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng ký hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

3.4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Góp vốn liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
- Máy móc, thiết bị	05 - 20
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 20
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 13

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các phần mềm máy vi tính.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 08 năm.

3.10 GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Bất động sản đầu tư của Công ty được sử dụng để cho thuê và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 10 đến 40 năm..

3.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là dự án 02 bến container số 3, 4 cảng của ngõ Lạch Huyện và các công trình khác, bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 - 03 năm.

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Chi phí trả trước khác bao gồm Phí bảo hiểm được phân bổ theo hợp đồng bảo hiểm và chi phí sửa chữa tài sản, chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

3.13 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, Công ty đã đánh giá lại số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

3.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông và được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, danh sách cổ đông được chốt chính thức và được Ủy ban Chứng khoán chấp thuận.

3.17 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ dịch vụ bốc xếp, lưu kho bãi, lai dắt, hỗ trợ, kiểm đếm, giao nhận, cân hàng và dịch vụ khác.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

3.18 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.20 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, các giao dịch và số dư bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	183.141.500	47.380.500
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	90.695.409.905	48.835.041.307
- Các khoản tương đương tiền (*)	163.600.000.000	290.000.000.000
Cộng	254.478.551.405	338.882.421.807

(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất 4,75%/năm.

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	20.769.281.027	19.129.712.253
- Phí bảo hiểm	3.398.832.829	1.603.723.954
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.779.792.245	7.111.609.208
- Chi phí sửa chữa, nạo vét	6.327.278.466	6.691.616.665
- Các khoản khác	3.263.377.487	3.722.762.426
b) Dài hạn	38.379.126.140	50.125.382.879
- Chi phí sửa chữa	25.988.534.061	37.602.845.936
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	11.711.258.747	12.245.670.298
- Các khoản khác	679.333.332	276.866.645
Cộng	59.148.407.167	69.255.095.132

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	300.030.000.000	300.030.000.000	70.436.000.000	70.436.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	300.030.000.000	300.030.000.000	70.436.000.000	70.436.000.000
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	300.030.000.000	300.030.000.000	70.436.000.000	70.436.000.000

(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng có giá trị 300.030.000.000 đồng được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,5%/năm đến 7,6%/năm.

6.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	1.202.201.691.109	(1.422.211.971)	(*)	945.863.691.109	(1.675.876.855)	(*)
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	816.000.000.000	-	(*)	816.000.000.000	-	(*)
- Công ty CP Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	33.701.691.109	-	(*)	17.501.691.109	-	(*)
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	306.000.000.000	-	(*)	96.362.000.000	-	(*)
- Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng	15.000.000.000	(1.422.211.971)	(*)	15.000.000.000	(1.675.876.855)	(*)
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng	31.500.000.000	-	(*)	1.000.000.000	-	(*)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

6.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC (TIẾP)

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	<i>1.172.441.234.553</i>	<i>(13.950.219.872)</i>	<i>(*)</i>	<i>131.206.037.464</i>	<i>(16.222.788.622)</i>	<i>(*)</i>
- Công ty CP Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng (1)	6.300.000.000	(6.300.000.000)	(*)	6.300.000.000	(6.300.000.000)	(*)
- Công ty CP Logistics Cảng Sài	3.000.000.000	(571.954.779)	(*)	3.000.000.000	(219.434.089)	(*)
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	25.289.203.035	-	(*)	25.289.203.035	(4.145.683.028)	(*)
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	31.440.000.000	-	(*)	31.440.000.000	-	(*)
- Công ty CP Vinalines Đông Bắc (2)	5.518.034.429	(5.518.034.429)	(*)	5.518.034.429	(5.518.034.429)	(*)
- Công ty Cổ phần HPH Logistics	11.596.000.000	-	(*)	11.596.000.000	-	(*)
- Công ty TNHH KM Cargo Services Hải Phòng	12.528.000.000	-	(*)	12.528.000.000	-	(*)
- Công ty TNHH Smart Logistics Service (Hải Phòng) (3)	86.676.000.000	(1.560.230.664)	(*)	35.534.800.000	(39.637.076)	(*)
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Hải Phòng (4)	990.093.997.089	-	(*)	-	-	-
<i>Đầu tư vào đơn vị khác</i>	<i>2.181.131.012</i>	<i>(501.131.012)</i>	<i>(*)</i>	<i>2.181.131.012</i>	<i>(141.131.012)</i>	<i>(*)</i>
- Công ty CP VIMC Logistics	2.181.131.012	(501.131.012)	(*)	2.181.131.012	(141.131.012)	(*)
Cộng	<u>2.376.824.056.674</u>	<u>(15.873.562.855)</u>		<u>1.079.250.859.585</u>	<u>(18.039.796.489)</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

6.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC (TIẾP)

- (1) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2018.
 - (2) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2014 nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.
 - (3) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác liên doanh số 01/HĐHTKD với SITC (HK) Limited và Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Smart Logistics Service (Hải Phòng) chuyên kinh doanh kho bãi và các dịch vụ hậu cần tại huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng (nay là đặc khu Cát Hải, thành phố Hải Phòng) với tổng mức đầu tư 20.000.000 USD (Hai mươi triệu đô la Mỹ), trong đó Công ty góp 4.000.000 USD (Bốn triệu đô la Mỹ), tương ứng 20% vốn Điều lệ. Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đã thực hiện 03 lần góp vốn với tổng số tiền 3.400.000 USD (Ba triệu bốn trăm nghìn đô la Mỹ).
 - (4) Khoản đầu tư theo Thỏa thuận thành viên ngày 02/05/2024 giữa Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng và Công ty Global Terminal Limited Sarl về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Hải Phòng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty là 51%, hai bên có quyền tương đương nhau trong việc quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Hải Phòng. Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đã thực hiện góp là 990.093.997.089 đồng, trong đó góp bằng tiền là 1.314.929.805 đồng.
- (*) Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	83.143.086.584	(278.291.766)	348.149.904.360	(103.603.500)
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>7.018.412.680</i>	-	-	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng	7.000.000.000	-	-	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình hàng hải tại Hải Phòng	18.412.680	-	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>76.124.673.904</i>	<i>(278.291.766)</i>	<i>348.149.904.360</i>	<i>(103.603.500)</i>
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây lắp Bình Minh	47.121.457.607	-	7.215.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	11.703.000.000	-	99.860.088.449	-
- Công ty Cổ phần MIFU	-	-	32.187.500.000	-
- Các nhà cung cấp khác	17.300.216.297	(278.291.766)	208.887.315.911	(103.603.500)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	83.143.086.584	(278.291.766)	348.149.904.360	(103.603.500)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

8. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	129.992.393.085	(27.252.701.579)	149.998.039.608	(27.117.418.222)
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>27.284.957.790</i>	<i>(4.163.331.474)</i>	<i>20.522.102.136</i>	<i>(4.054.540.370)</i>
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	515.639.749	-	1.895.368.676	-
- Công ty CP Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	1.587.259.523	-	1.480.368.586	-
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	15.106.383.528	-	754.954.033	-
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng	1.267.024.399	-	242.359.933	-
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	-	-	5.303.015.973	-
- Công ty CP HPH Logistics	52.734.332	-	4.543.659.314	-
- Công ty CP Vận tải Container Đông Đô Cảng Hải Phòng	3.713.511.896	(3.713.511.896)	3.608.326.813	(3.608.326.813)
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	1.494.834.145	-	1.456.258.245	-
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	339.642.234	-	167.514.480	-
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	-	-	453.895.026	-
- Công ty CP Vinalines Đông Bắc	449.819.578	(449.819.578)	446.213.557	(446.213.557)
- Công ty CP Vận tải Container VIMC	13.357.440	-	170.167.500	-
- Công ty TNHH Cảng quốc tế TIL Cảng Hải Phòng	2.744.750.966	-	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>102.707.435.295</i>	<i>(23.089.370.105)</i>	<i>129.475.937.472</i>	<i>(23.062.877.852)</i>
- Ocean Network Express Pte, Ltd	7.611.003.218	-	15.303.393.420	-
- Maersk Line A/S	19.150.108.288	-	26.535.437.574	-
- Các khách hàng khác	75.946.323.789	(23.089.370.105)	87.637.106.478	(23.062.877.852)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	129.992.393.085	(27.252.701.579)	149.998.039.608	(27.117.418.222)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	344.494.295.166	-	307.286.575.417	-
- Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	1.886.400.000	-	1.572.000.000	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.786.019.110	-	4.058.253.897	-
- Tạm ứng	370.873.000	-	653.373.000	-
- Ký quỹ, ký cược (1)	44.220.575.000	-	43.405.000.000	-
- Phải thu tiền thuê đất trả hộ Hoàng Diệu	46.956.196.381	-	37.137.625.215	-
- Khấu hao và lãi vay đối với tài sản cầu số 4, số 5 bãi container Chùa Vẽ (2)	194.218.263.761	-	194.218.263.761	-
- Phải thu giá trị dịch vụ cung cấp chưa phát hành hóa đơn	8.823.780.947	-	8.410.979.907	-
- Phải thu người lao động nộp bổ sung thuế TNCN	35.331.460	-	111.647.925	-
- Phải thu về bồi thường tổn thất	7.540.318.852	-	3.123.729.174	-
- Phải thu vật tư cho mượn	4.153.090.909	-	4.153.090.909	-
- Phải thu ngắn hạn khác	33.503.445.746	-	10.442.611.629	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	344.494.295.166	-	307.286.575.417	-

(1) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 12 đến 13 tháng gửi tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất từ 5,5 đến 5,8%/năm, dùng để cầm cố, bảo lãnh cho các nghĩa vụ của Công ty tại các Ngân hàng này.

(2) Đây là khoản tiền đã nộp vào ngân sách Nhà nước đối với chi phí khấu hao và lãi vay trong giai đoạn từ năm 2014 đến 31/12/2018 của cầu cảng số 4, số 5 Bến cảng Chùa Vẽ. Số tiền này được nộp vào ngân sách theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại văn bản số 3910/BTC-TTr ngày 03/04/2020.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 36.1)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	73.746.428.032	-	87.126.612.659	-
Công cụ, dụng cụ	2.512.341.609	-	4.768.506.943	-
Hàng hóa	1.039.105.864	-	443.283.979	-
Cộng	77.297.875.505	-	92.338.403.581	-

11. NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán	31/12/2025						01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị	Dự phòng
	VND	có thể thu hồi VND	VND	VND	VND	VND	VND	có thể thu hồi VND	VND
- Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu	9.930.305.723	-	(9.930.305.723)	9.930.305.723	-	(9.930.305.723)	9.930.305.723	-	(9.930.305.723)
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	6.628.866.818	-	(6.628.866.818)	6.628.866.818	-	(6.628.866.818)	6.628.866.818	-	(6.628.866.818)
- Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô Cảng Hải Phòng	3.713.511.896	-	(3.713.511.896)	3.608.326.813	-	(3.608.326.813)	3.608.326.813	-	(3.608.326.813)
- Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hải Châu	965.762.010	-	(965.762.010)	965.762.010	-	(965.762.010)	965.762.010	-	(965.762.010)
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Vận tải Trọng Tín	915.035.424	-	(915.035.424)	915.035.424	-	(915.035.424)	915.035.424	-	(915.035.424)
- Các đối tượng khác	5.377.511.474	-	(5.377.511.474)	5.206.504.258	33.779.324	(5.172.724.934)	5.206.504.258	33.779.324	(5.172.724.934)
Cộng	27.530.993.345	-	(27.530.993.345)	27.254.801.046	33.779.324	(27.221.021.722)	27.254.801.046	33.779.324	(27.221.021.722)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

12. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Dự án đầu tư xây dựng bến container số 3 và số 4 cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại cảng Lạch Huyện, Hải Phòng) (*)	1.183.973.593.202	3.154.812.152.209
- Các công trình khác	15.750.789.358	4.413.388.998
Cộng	1.199.724.382.560	3.159.225.541.207

(*) Thông tin Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3, số 4 Cảng cửa ngõ Quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng;
- Mục đích xây dựng: Đáp ứng tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội của thành phố Hải Phòng;
- Địa điểm xây dựng: Khu bến Cảng Lạch Huyện thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Huyện Cát Hải, Thành phố Hải Phòng;
- Tổng mức đầu tư: 6.946 tỷ VND;
- Thời gian bắt đầu triển khai và thời gian dự kiến hoàn thành: từ năm 2020 đến năm 2025.
- Nguồn vốn đầu tư: Dự kiến vốn vay 55%, vốn chủ sở hữu 45%;
- Quy mô của dự án: Xây dựng 02 bến cho tàu đến 100.000DWT (gần 8.000 teus) với tổng chiều dài 750m, rộng 50m, Bến sà lan, dịch vụ với tổng chiều dài 250m (gồm cả 50m bề rộng của bến chính), rộng 15m cho cỡ tàu đến 3.000 DWT (gần 160 teus); Kè bảo vệ bờ; Hệ thống bãi chứa hàng, đường giao thông, các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật, thiết bị đồng bộ (đáp ứng sản lượng hàng hóa thông qua 1,0 - 1,1 triệu teus/năm) trên diện tích 47ha; Các thiết bị chính phục vụ khai thác: 06 cần trục STS trên bến chính; 24 RTG; 02 xe nâng RSD; 01 xe nâng rỗng; 50 đầu kéo + rơ-moóc; 01 cầu trục xưởng sửa chữa, 08 cần xe tại công cảng và phần mềm quản lý vận hành cảng TOS;

Đến thời điểm ngày 31/12/2025, dự án đã cơ bản hoàn thành các hạng mục chính, các hạng mục còn lại đang được hoàn thiện, đồng thời Công ty đang thực hiện các thủ tục phục vụ cho công tác nghiệm thu và bàn giao tài sản để đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2025	1.730.552.041.313	79.269.433.627	3.096.967.554.398	86.029.308.756	4.992.818.338.094
- Mua trong năm	2.817.820.532	-	1.862.440.042.721	62.819.106.730	1.928.076.969.983
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.487.349.519.935	855.870.000	58.333.333	31.111.111	2.488.294.834.379
- Tăng do thu hồi vốn đầu tư vào Công ty con	822.374.819	-	-	208.200.000	1.030.574.819
- Chuyển sang BĐS đầu tư	(2.777.074.580.908)	-	-	-	(2.777.074.580.908)
- Giảm khác	(6.836.209)	-	-	-	(6.836.209)
- Giảm tài sản do góp vốn	(288.644.041.831)	(35.733.903.044)	(1.022.554.445.434)	(34.450.914.495)	(1.381.383.304.804)
- Giảm do góp vốn đầu tư (trung ứng phần chuyển nợ) (*)	-	(1.188.000.000)	(1.097.846.814.491)	(31.525.717.398)	(1.130.560.531.889)
31/12/2025	1.155.816.297.651	43.203.400.583	2.839.064.670.527	83.111.094.704	4.121.195.463.465
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2025	(958.297.858.811)	(55.096.876.802)	(2.342.840.006.134)	(51.694.884.994)	(3.407.929.626.741)
- Khấu hao trong năm	(89.360.867.328)	(2.549.204.702)	(94.659.221.466)	(7.882.265.296)	(194.451.558.792)
- Tăng do thu hồi vốn đầu tư vào Công ty con	(822.374.819)	-	-	(14.875.998)	(837.250.817)
- Chuyển sang BĐS đầu tư	195.124.423.772	-	-	-	195.124.423.772
- Giảm do góp vốn đầu tư	235.763.877.296	24.615.450.177	240.143.808.394	6.493.197.458	507.016.333.325
31/12/2025	(617.592.799.890)	(33.030.631.327)	(2.197.355.419.206)	(53.098.828.830)	(2.901.077.679.253)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2025	772.254.182.502	24.172.556.825	754.127.548.264	34.334.423.762	1.584.888.711.353
31/12/2025	538.223.497.761	10.172.769.256	641.709.251.321	30.012.265.874	1.220.117.784.212

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 1.223.231.413.909 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 1.476.712.816.410 đồng)
- Năm 2014, Công ty đã tạm ghi nhận tăng tài sản cố định hữu hình (chi tiết khoản mục Nhà cửa, vật kiến trúc) đối với cầu cảng số 04, 05 và bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và gói thiết bị với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng (giá trị còn lại đến ngày 31/12/2025 là 137,98 tỷ đồng). Việc tạm tăng các tài sản cố định này được thực hiện theo văn bản số 1966/VPCP-KTN ngày 25/03/2014 của Văn phòng Chính phủ.
- Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng - Giai đoạn 2, do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam và vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản nên việc quản lý, khai thác các tài sản này đang còn một số vướng mắc.
- Từ năm 2024, Công ty tạm trích khấu hao đối với Cầu cảng số 04 và số 05 bến Cảng Chùa Vẽ theo Nghị quyết số 168/NQ-CHP ngày 27/12/2024 của Hội đồng quản trị Công ty, mức trích khấu hao/năm là 8.330.437.644 đồng/năm.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 36.1)

(*) Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 19 và Thuyết minh số 36.

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2025	37.799.350.954	37.799.350.954
- Mua trong năm	40.435.743.001	40.435.743.001
- Giảm tài sản do góp vốn	(20.096.613.823)	(20.096.613.823)
- Giảm do góp vốn đầu tư (trương ứng phần chuyển nợ) (*)	(16.602.342.266)	(16.602.342.266)
31/12/2025	41.536.137.866	41.536.137.866
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2025	(31.422.193.970)	(31.422.193.970)
- Khấu hao trong năm	(1.769.072.431)	(1.769.072.431)
- Giảm do góp vốn đầu tư	506.086.027	506.086.027
31/12/2025	(32.685.180.374)	(32.685.180.374)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2025	6.377.156.984	6.377.156.984
31/12/2025	8.850.957.492	8.850.957.492

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 26.635.572.627 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 25.496.996.738 đồng).

(*) Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 19 và Thuyết minh số 36.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2025	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Bất động sản đầu tư cho thuê				
NGUYÊN GIÁ	-	2.777.074.580.908	-	2.777.074.580.908
- Cơ sở hạ tầng	-	2.777.074.580.908	-	2.777.074.580.908
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	-	(195.124.423.772)	-	(195.124.423.772)
- Cơ sở hạ tầng	-	(195.124.423.772)	-	(195.124.423.772)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	-	2.581.950.157.136	-	2.581.950.157.136
- Cơ sở hạ tầng	-	2.581.950.157.136	-	2.581.950.157.136

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê tại ngày 31/12/2025 là 21.307.063.148 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 0 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Ngắn hạn	330.679.560.102	330.679.560.102	834.922.544.499	834.922.544.499
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i>	<i>21.604.412.349</i>	<i>21.604.412.349</i>	<i>7.986.449.532</i>	<i>7.986.449.532</i>
- Công ty CP Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	6.466.939.296	6.466.939.296	5.793.055.612	5.793.055.612
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	101.360.270	101.360.270	725.728.306	725.728.306
- Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	50.320.425	50.320.425	385.284.549	385.284.549
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng	14.682.119.852	14.682.119.852	535.000.000	535.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	303.672.506	303.672.506	62.404.041	62.404.041
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP - Công ty Kho Bãi VIMC Hải Phòng	-	-	484.977.024	484.977.024
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>309.075.147.753</i>	<i>309.075.147.753</i>	<i>826.936.094.967</i>	<i>826.936.094.967</i>
- Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	95.733.944.544	95.733.944.544	233.385.090.260	233.385.090.260
- MITSUI E&S CO., LTD	85.756.776.012	85.756.776.012	534.268.317.506	534.268.317.506
- Các nhà cung cấp khác	127.584.427.197	127.584.427.197	59.282.687.201	59.282.687.201
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	330.679.560.102	330.679.560.102	834.922.544.499	834.922.544.499

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
		VND		VND
a) Ngắn hạn	3.186.142.398	3.186.142.398	14.247.375.611	14.247.375.611
- Công ty TNHH Hội An - Đại lý hãng Samudera Shipping	-	-	8.827.647.694	8.827.647.694
- Ocean Network Express Pte, Ltd	-	-	4.181.165.640	4.181.165.640
- Các khách hàng khác	3.186.142.398	3.186.142.398	1.238.562.277	1.238.562.277
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	3.186.142.398	3.186.142.398	14.247.375.611	14.247.375.611

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng	-	136.850.006.559	136.850.006.559	-
- Thuế nhà thầu	-	14.719.277.463	14.719.277.463	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.450.324.431	194.405.089.939	51.450.342.431	159.405.071.939
- Thuế thu nhập cá nhân	2.125.656.689	24.288.829.422	26.414.486.111	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	40.405.052.636	27.454.838.442	19.095.390.700	48.764.500.378
- Các loại thuế và phí khác	-	55.000.000	55.000.000	-
Cộng	58.981.033.756	397.773.041.825	248.584.503.264	208.169.572.317
	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	1.655.405.980	1.655.405.980
Cộng	-	-	1.655.405.980	1.655.405.980

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2025		Trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	24.562.190.653	24.562.190.653	26.757.400.170	25.719.008.816	23.523.799.299	23.523.799.299
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	24.562.190.653	24.562.190.653	26.757.400.170	25.719.008.816	23.523.799.299	23.523.799.299
- <i>Vay dài hạn ODA giai đoạn II đến hạn trả (1)</i>	24.562.190.653	24.562.190.653	26.757.400.170	25.719.008.816	23.523.799.299	23.523.799.299
b) Vay dài hạn	1.717.073.452.220	1.717.073.452.220	2.412.134.132.805	1.176.376.154.528	481.315.473.943	481.315.473.943
- <i>Vay dài hạn ODA giai đoạn II (1)</i>	76.798.608.887	76.798.608.887	4.532.374.347	25.719.008.816	97.985.243.356	97.985.243.356
- <i>Vay dài hạn ODA cầu số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ (2)</i>	342.110.245.728	342.110.245.728	-	-	342.110.245.728	342.110.245.728
- <i>Vay dài hạn ODA giai đoạn II bổ sung (2)</i>	41.219.984.859	41.219.984.859	-	-	41.219.984.859	41.219.984.859
- <i>Vay phục vụ xây dựng bến 3,4 Cảng Lạch Huyện (3)(*)</i>	1.256.944.612.746	1.256.944.612.746	2.407.601.758.458	1.150.657.145.712	-	-
Cộng	1.741.635.642.873	1.741.635.642.873	2.438.891.532.975	1.202.095.163.344	504.839.273.242	504.839.273.242

(1) Số dư vay theo hợp đồng vay số 02/2004/TDNN ngày 21/12/2004 ký giữa Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Hải Phòng và Cảng Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng), mục đích vay đầu tư thiết bị đối với dự án “Cải tạo nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II”, không có tài sản đảm bảo, lãi suất 1,3%/năm, kỳ trả gốc và lãi cuối cùng vào ngày 20/08/2029.

Tại thời điểm 31/12/2025, số dư nợ vay gốc Yên Nhật là: 627.426.800,00 JPY (tương đương 101.360.799.540 VND); Nợ dài hạn đến hạn trả là: 156.856.700,00 JPY (tương đương 25.340.199.885 VND).

(2) Giá trị nhận nợ liên quan đến các tài sản là cầu cảng số 04, số 05 và bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và các khoản mục chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị được ghi nhận căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải (Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT và Biên bản về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần được ký giữa Tổ công tác Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và đại diện của Công ty vào ngày 10/10/2016, Công ty đã tạm thời điều chỉnh giá trị các tài sản, thiết bị nêu trên và ghi nhận giá trị khoản vay với tổng số tiền là 383,3 tỷ VNĐ (bao gồm 342,1 tỷ VNĐ là giá trị quyết toán của 02 cầu cảng, và 41,2 tỷ VNĐ là phần chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị thuộc dự án). Việc ghi nhận này đã được Công ty điều chỉnh hồi tố từ ngày 01/07/2014 (ngày Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần).

Đến thời điểm hiện tại, phương án vay và trả nợ vay (thời hạn vay, phương án trả nợ, lãi suất vay và các điều khoản đảm bảo), cũng như đồng tiền nhận nợ (Việt Nam Đồng hay Yên Nhật) chưa được các cơ quan quản lý Nhà nước phê duyệt tại thời điểm nhận nợ, vì thế, Công ty tạm ghi nhận các khoản vay này bằng Việt Nam Đồng và thực hiện trích trước chi phí lãi vay cho giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến thời điểm 31/12/2019 với lãi suất 9,5%/năm, cộng thêm chi phí cho vay lại là 0,2%/năm. Trong năm 2020, theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, Công ty đã tạm dừng trích chi phí lãi vay kể từ đầu năm 2020.

Tại văn bản số 8715/BTC-PLN ngày 23/07/2018 của Bộ Tài chính và Văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018 của Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng đã đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính về việc rà soát lại cơ sở ghi nhận giá trị đối với 02 cầu cảng và các nội dung khoản vay nêu trên và đồng ý chủ trương cho vay lại phần chi phí thiết bị tương tự cơ chế cho vay lại phần thiết bị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại văn bản số 1596/CP-QHQT ngày 25/10/2004. Cụ thể, lãi suất cho vay lại bằng Yên Nhật là 1,5%/năm. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Bộ Tài chính về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính (nếu cần thiết).

Ngày 11/11/2022, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 7642/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành yêu cầu Bộ GTVT chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng các phương án, thống nhất một phương án xử lý, quản lý khai thác cầu cảng số 4, số 5 thuộc bến cảng Chùa Vẽ, đảm bảo phù hợp với thực trạng tài sản, điều kiện quản lý khai thác cầu cảng và tuân thủ theo quy định của Pháp luật liên quan.

Bộ GTVT đã có văn bản số 10882/BGTVT-TC ngày 28/9/2023 gửi Bộ Tài chính tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (thay thế Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018), trong đó Bộ GTVT có đề xuất bổ sung nội dung trong điều khoản chuyển tiếp của Nghị định để trong trường hợp đề xuất được thông qua sẽ giải quyết được hình thức quản lý tài sản, tức là tài sản bến số 4,5 Cảng Chùa Vẽ được giao cho Cảng Hải Phòng quản lý, khai thác (không phải cho thuê). Ngày 24/12/2024, Văn phòng Chính phủ đã có thông báo số 569/TB-VPCP về việc kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại cuộc họp tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ về Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa. Theo đó, Phó Thủ tướng thống nhất về việc không quy định xử lý chuyển tiếp trong Nghị định đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hình thành từ nguồn vốn Nhà nước, đồng thời giao Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính khẩn trương báo cáo phương án xử lý.

- (3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2023/203183/HĐTD ngày 24/11/2023. Trong Thời Hạn Rút Vốn, tổng số dư Khoản Vay được rút và Bảo Lãnh/L/C được phát hành tối đa là: Ba nghìn tám trăm hai mươi tỷ ba trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm nghìn (3.820.347.800.000) đồng và không vượt quá năm mươi lăm (55) phần trăm tổng vốn đầu tư Dự Án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thời hạn của các Khoản Vay theo Hợp Đồng này là một trăm tám mươi (180) tháng kể từ ngày tiếp theo Ngày Giải Ngân Đầu Tiên, trong đó thời gian ân hạn (nợ gốc) đối với các Khoản Vay là ba mươi sáu (36) tháng kể từ Ngày Giải Ngân Đầu Tiên (“Thời Gian Ân Hạn”) và thời hạn rút vốn là ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày ký Hợp Đồng này (“Thời Hạn Rút Vốn”). Lãi suất là lãi suất thả nổi, điều chỉnh sau (6) tháng/lần. Lãi vay trả hàng quý. Các Khoản Vay/Bảo Lãnh/L/C sẽ được sử dụng để tài trợ các chi phí hợp lý (bao gồm lãi vay trong thời gian đầu tư được tính trong tổng mức đầu tư của Dự Án) đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng.

Khoản vay được đảm bảo bằng các hợp đồng đảm bảo sau:

- + Thửa đất có diện tích 436.460m² tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP Hải Phòng (nay là phường Hải An, TP Hải Phòng). Mục đích xây dựng Cảng Đình Vũ giai đoạn 2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB353850, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: CT00622 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 10/04/2012 cho Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng
 - + Thửa đất có diện tích 4.083,2m² tại số 8A Trần Phú phường Máy Tơ – Ngô Quyền – Hải Phòng (nay là Số 8A Trần Phú, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng). Mục đích xây dựng trụ sở làm việc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI201410, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: T00279 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 04/10/2007 cho Cảng Hải Phòng
- (*) Căn cứ hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ nợ số 01/2025/25372905/HĐ ngày 26/04/2025 giữa ba bên, bao gồm Công ty CP Cảng Hải Phòng, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) và Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Cảng Hải Phòng (HTIT), Cảng Hải Phòng chuyển giao một phần nghĩa vụ nợ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2023/203183/HĐTD ngày 24/11/2023 giữa Cảng Hải Phòng và BIDV để thực hiện Phương án Hợp tác liên doanh để vận hành, khai thác Dự án bến container số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng. Đến ngày 31/12/2025, nghĩa vụ nợ mà Cảng Hải Phòng đã chuyển giao cho HTIT là 1.150.657.145.712 đồng.

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	237.605.148.059	225.263.830.200
- Chi phí lãi vay (*)	233.709.422.793	225.176.796.200
- Các khoản khác	3.895.725.266	87.034.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	237.605.148.059	225.263.830.200

(*) Chi phí lãi vay của khoản vay ODA cho cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ và khoản vay gói thiết bị ODA giai đoạn 2 bổ sung. Tại ngày 31/12/2025, Công ty tạm dừng trích chi phí lãi vay ODA cho cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ, chi phí lãi vay phải trả tạm tính trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2019 là 182.515.816.097 VND.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 36.1).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	84.644.984.345	107.464.502.225
- Kinh phí công đoàn	706.052.294	2.028.052.395
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	244.305.000	203.170.000
- Tiền ăn ca và phụ cấp độc hại	2.583.540.000	9.809.643.450
- Chi phí đền bù di dời Cảng Hoàng Diệu (*)	73.656.708.400	94.020.613.821
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.454.378.651	1.403.022.559
b) Dài hạn	-	-
Cộng	84.644.984.345	107.464.502.225

(*) Căn cứ các Quyết định, số 3983/QĐ-UBND và 3984/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND Quận Ngô Quyền về việc thu hồi đất; Quyết định số 3982/QĐ-UBND ngày 22/12/2023, 4274/QĐ-UBND ngày 28/12/2023, 347/QĐ-UBND ngày 15/3/2024 của UBND Quận Ngô Quyền về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng. Đến 31/12/2025, UBND Quận Ngô Quyền thực hiện chi trả cho Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng số tiền 331.269.792.422 đồng để Công ty đảm bảo thực hiện việc di dời cảng Hoàng Diệu, trong đó số tiền đền bù di dời tài sản là 94.435.813.821 đồng. Tại ngày 31/12/2025, số dư khoản chi phí đền bù di dời Cảng Hoàng Diệu là 73.656.708.400 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế VND	Tổng cộng VND
01/01/2024	3.269.600.000.000	1.153.754.634.684	567.146.147.859	4.990.500.782.543
- Lãi trong năm trước	-	-	642.427.050.347	642.427.050.347
- Phân phối lợi nhuận	-	366.555.708.253	(553.678.708.253)	(187.123.000.000)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	366.555.708.253	(366.555.708.253)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(56.339.000.000)	(56.339.000.000)
+ Chia cổ tức	-	-	(130.784.000.000)	(130.784.000.000)
31/12/2024	3.269.600.000.000	1.520.310.342.937	655.894.489.953	5.445.804.832.890
01/01/2025	3.269.600.000.000	1.520.310.342.937	655.894.489.953	5.445.804.832.890
- Lãi trong năm nay	-	-	979.629.760.627	979.629.760.627
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	299.032.301.097	(566.735.301.097)	(267.703.000.000)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	299.032.301.097	(299.032.301.097)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(71.527.000.000)	(71.527.000.000)
+ Chia cổ tức	-	-	(196.176.000.000)	(196.176.000.000)
31/12/2025	3.269.600.000.000	1.819.342.644.034	1.068.788.949.483	6.157.731.593.517

(*) Phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/04/2025 của Công ty CP Cảng Hải Phòng.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/04/2025 của Công ty CP Cảng Hải Phòng về phương án chia cổ tức năm 2024, Công ty CP Cảng Hải Phòng chia cổ tức 6% trên vốn điều lệ với tổng giá trị là 196.176.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

22.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Tỷ lệ (%)	31/12/2025 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2025 VND
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	92,56	3.026.413.770.000	92,56	3.026.413.770.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	7,44	243.186.230.000	7,44	243.186.230.000
Cộng	100,00	3.269.600.000.000	100,00	3.269.600.000.000

22.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CÒ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	196.176.000.000	130.784.000.000

22.4 CÒ PHIẾU

	31/12/2025 CP	01/01/2025 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	326.960.000	326.960.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	326.960.000	326.960.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	326.960.000	326.960.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	326.960.000	326.960.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	326.960.000	326.960.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

22.5 CÁC QUỸ

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.819.342.644.034	1.520.310.342.937

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài:

- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 8A đường Trần Phú, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng (nay là số 8A đường Trần Phú, phường Ngô Quyền, TP. Hải Phòng) để sử dụng làm văn phòng Công ty từ năm 1993 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 4.083,2 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Công ty được UBND thành phố Hải Phòng giao đất theo quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 22/10/2007 tại số 23 đường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng (nay là số 23, đường Lương Khánh Thiện, phường Gia Viên, TP. Hải Phòng) để sử dụng với mục đích làm trụ sở Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng để phục vụ kiểm tra khám sức khỏe cho cán bộ nhân viên. Diện tích khu đất là 1.022 m². Thửa đất này không phải nộp tiền thuê đất hàng năm do phục vụ công ích.
- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 15 đường Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng (nay là 15 đường Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, TP. Hải Phòng) để sử dụng với mục đích làm kho bãi từ năm 1993 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 6.472,7 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Công ty được UBND thành phố Hải Phòng giao thửa đất tại lô 15, đường Lê Hồng Phong, phường Đằng Lâm, quận Hải An, TP. Hải Phòng (nay là lô 15, đường Lê Hồng Phong, phường Hải An, TP. Hải Phòng) theo Quyết định số 1226/QĐ-UBTP ngày 12/07/2010 để sử dụng với mục đích làm văn phòng. Diện tích khu đất là 777 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 5 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng (nay là số 5 Cù Chính Lan, phường Hồng Bàng, TP. Hải Phòng) để sử dụng trụ sở Công ty TNHH MTV Trường dạy nghề công nhân kỹ thuật Cảng Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng) từ năm 1993 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 1.225,4 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại KCN Đình Vũ giai đoạn II, phường Đông Hải II, quận Hải An, TP. Hải Phòng (nay là KCN Đình Vũ, phường Đông Hải, TP. Hải Phòng) để sử dụng làm Chi nhánh Cảng Tân Vũ theo Giấy chứng nhận số: BB 538580 cấp ngày 10/4/2012. Diện tích khu đất thuê là 436.460 m². Khu đất trên nằm trong khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải và được ưu đãi tiền thuê đất.
- Khu đất tại KCN Đình Vũ giai đoạn III, phường Đông Hải II, quận Hải An, TP. Hải Phòng (nay là KCN Đình Vũ, phường Đông Hải, TP. Hải Phòng) với diện tích là 74.244,3 m². Theo thông báo số 220/TB-UBND ngày 25/06/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cảng Đình Vũ giai đoạn III, hiện nay Công ty đang trình Sở Tài nguyên và Môi trường hồ sơ để báo cáo UBND Thành phố Hải Phòng ra quyết định giao đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)

b) Ngoại tệ các loại:

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
Dollar Mỹ (USD)	2.702.478,93	519.023,13
Yên Nhật (JPY)	1.593,00	1.593,00

c) Nợ khó đòi đã xử lý:

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
Xử lý nợ theo các quyết định và nghị quyết HDQT	2.478.245.025	2.478.245.025

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.732.726.458.836	1.373.821.942.986
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.732.726.458.836	1.373.821.942.986
Cộng	<u>1.732.726.458.836</u>	<u>1.373.821.942.986</u>

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	915.746.440.261	857.976.308.145
Cộng	<u>915.746.440.261</u>	<u>857.976.308.145</u>

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19.339.273.500	31.637.789.970
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	208.437.626.254	262.461.429.130
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	22.353.074.996
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	17.189.510.062	19.307.477.561
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	11.124.340.500
- Lãi bán hàng trả chậm (trả góp), chiết khấu thanh toán	137.716.200	-
Cộng	<u>245.104.126.016</u>	<u>346.884.112.157</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí lãi vay	23.031.999.143	7.105.158.670
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	14.727.768.804	12.355.908.033
- Dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn	(2.166.233.634)	2.491.057.841
- Lỗ chênh lệch tỷ giá cuối năm	4.093.640.698	-
Cộng	39.687.175.011	21.952.124.544

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	98.786.967.883	65.740.598.068
- Chi phí đồ dùng văn phòng	584.508.500	1.049.859.016
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	5.167.118.838	4.666.361.781
- Chi phí dự phòng	309.971.623	477.263.998
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.193.712.858	5.090.465.071
- Chi phí bằng tiền khác	48.143.896.871	33.368.447.920
Cộng	159.186.176.573	110.392.995.854

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chênh lệch do đánh giá giá trị tài sản góp vốn	307.237.361.573	-
- Thanh lý, nhượng bán CCDC	25.016.389.965	-
- Thu nhập từ bồi thường	247.042.538	7.494.191.093
- Tiền điện nước cho thuê ngoài	4.348.078.724	1.323.828.341
- Các khoản khác	655.144.656	338.817.771
Cộng	337.504.017.456	9.156.837.205

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí vật tư xuất bán	25.016.389.965	-
- Các khoản chi phí khác	2.463.237.639	1.463.756.734
Cộng	27.479.627.604	1.463.756.734

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	120.876.825.741	139.572.930.155
- Chi phí nhân công	438.708.948.790	437.897.601.323
- Khấu hao tài sản cố định	196.171.430.055	155.100.246.754
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	142.848.004.705	93.412.469.522
- Chi phí dự phòng	309.971.623	477.263.998
- Chi phí bằng tiền khác	176.017.435.920	141.908.792.247
Cộng	1.074.932.616.834	968.369.303.999

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.173.235.182.859	738.077.707.071
Các khoản chi phí không được khấu trừ	7.289.314.416	7.999.136.461
- Điều chỉnh tăng phần trích trước lãi vay vốn ODA	3.998.338.536	3.998.338.536
- Thù lao HĐQT, BKS không kiêm nhiệm	2.160.000.000	1.370.000.000
- Chi phí không hợp lý khác	1.130.975.880	2.630.797.925
Các khoản thu nhập không chịu thuế	208.499.047.582	263.825.221.376
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.363.792.246
- Cổ tức lợi nhuận được chia	208.499.047.582	262.461.429.130
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	972.025.449.693	482.251.622.156
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	194.405.089.939	96.450.324.431
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	194.405.089.939	96.450.324.431

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

33.1. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại	79.165.586.980	75.167.248.445
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng (Chi phí lãi vay ODA cầu số 4, số 5, bãi container và gói thiết bị)	15.833.117.396	15.033.449.689

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI (TIẾP)

33.2. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(799.667.707)	(799.667.707)

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu thì trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

35. CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Góp vốn bằng tài sản	1.198.187.841.359	-
Chuyển giao nợ các khoản vay bằng hình thức chuyển giao tài sản	1.150.657.145.712	-

36. THÔNG TIN KHÁC

36.1 NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC

Cầu cảng số 04 và số 05 bến cảng Chùa vẽ là các hạng mục thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp cảng Hải Phòng giai đoạn II do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quyết định số 29/QĐ-TTg ngày 09/01/1999:

Chủ đầu tư: Bộ Giao thông Vận tải

Nguồn vốn đầu tư: vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ

- Ngày 25/03/2014, Thủ tướng Chính phủ có văn bản số 1966/TTg-KTN giao cho Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo, hướng dẫn Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng) thực hiện việc hạch toán tăng tài sản đối với giá trị của các cầu cảng số 4 và số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ (các Cầu cảng) theo quy định của pháp luật.
- Ngày 25/11/2015, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Quyết định số 4196/QĐ - BGTVT về việc phê duyệt quyết toán hoàn thành đối với Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng - Giai đoạn II và yêu cầu Công ty hoàn thành thủ tục vay đối với giá trị quyết toán của hai công trình nêu trên là 342,1 tỷ VND.
- Bên cạnh đó, Bộ Giao thông vận tải cũng giao cho Công ty báo cáo Bộ Tài chính về việc vay lại giá trị phân chi phí khác được phân bổ cho gói thiết bị của dự án với số tiền là 55,3 tỷ VND.
- Tuy nhiên, Công ty đã có văn bản báo cáo Bộ Tài chính về giá trị 55,3 tỷ VND này đã bao gồm tiền lãi vay vốn cho gói thiết bị là 14,1 tỷ VND. Công ty đã trả số tiền lãi này và đã có xác nhận của Ngân hàng Phát triển - Chi nhánh Hải Phòng số 425/TB-NHPT.HPH.TD3 ngày 16/11/2010. Do đó, Công ty chỉ ghi nhận chi phí khác cho gói thiết bị là: 41,14 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.1 NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC (TIẾP)

- Theo đó, Công ty tạm ghi nhận giá trị của 02 cầu Cảng số 04, 05, bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ Cảng Hải Phòng và gói thiết bị với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt tại ngày 31/12/2025 là 279,7 tỷ VND và 133,81 tỷ VND căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ - BGTVT ngày 25/11/2015 của Bộ Giao thông Vận tải.
- Căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT ngày 25/11/2015 và Biên bản "Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần" được ký giữa Tổ công tác Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và đại diện của Công ty vào ngày 10/10/2016, Công ty đã tạm thời điều chỉnh giá trị các tài sản, thiết bị nêu trên và ghi nhận giá trị khoản vay với tổng số tiền là 383,3 tỷ VND (bao gồm 342,1 tỷ VND là giá trị quyết toán của 02 cầu cảng số 04, 05, bãi container cảng Chùa Vẽ và 41,2 tỷ VND là phần chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị thuộc dự án). Việc ghi nhận này đã được Công ty điều chỉnh hồi tố từ ngày 01/07/2014 (ngày Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần).

Các khoản phải thu, phải trả phát sinh từ dự án

- Theo các văn bản: Kết luận số 1134/KL-TTr ngày 06/12/2019 của Đoàn thanh tra Bộ Tài chính tại Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam; văn bản số 3910/BTC-TTr ngày 03/4/2020 của Bộ Tài chính về việc xử lý tạm nộp tiền khấu hao, trích trước lãi vay tài sản cầu cảng số 4, số 5 và bãi container Cảng Hải Phòng thì: Cảng Hải Phòng phải nộp đủ số tiền khấu hao và tạm trích trước chi phí lãi vay của tài sản cầu số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ từ thời điểm 01/7/2014 đến 31/12/2018 là 194.218.263.761 VND (trong đó tiền khấu hao là 44.887.141.500 VND và tạm trích trước chi phí lãi vay là 149.331.122.261 VND).
- Công ty đã tạm nộp các khoản trên vào ngân sách Nhà nước và hạch toán vào:
 - + Phải thu khác đối với giá trị khấu hao của các tài sản này trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 số tiền là: 44.887.141.500 VND.
 - + Giảm số trích trước chi phí phải trả đối với chi phí lãi vay tạm trích với tổng số tiền là: 149.331.122.261 VND.
 - + Theo thông báo số 1101/TB-KTNN ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Kiểm toán Nhà Nước cho báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty, theo đó Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định điều chỉnh hồi tố Báo cáo Tài chính năm 2021 theo đó tăng số trích trước chi phí phải trả đối với chi phí lãi vay tạm trích với tổng số tiền là: 149.331.122.261 VND và tăng Phải thu khác tương ứng.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 9 – Phải thu khác)

Cơ chế quản lý vận hành dự án và phương án trả nợ

- Thực hiện các ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty Hàng Hải, Công ty đã lập và trình phương án vay, trả nợ cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ với thời hạn 5 năm từ 2016 đến 2020. Phương án này đã được Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty Hàng hải chấp thuận, chuyển Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt.
- Sau nhiều lần làm việc giữa các bên, ngày 23/7/2018, Bộ Tài chính đã có văn bản số 8715/BTC-QLN trình Thủ tướng Chính phủ về việc hạch toán tăng tài sản và phương án vay, trả cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ. Trong đó có kiến nghị rà soát các quy định của pháp luật trong việc cho Cảng Hải Phòng vay, trả nợ (chuyển giao tài sản công sang tài sản doanh nghiệp).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

36 THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.1 NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC (TIẾP)

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018, Bộ Giao thông Vận tải đã có văn bản số 638/TB-BGTVT ngày 05/12/2018 chỉ đạo Cảng Hải Phòng xây dựng phương án thuê khai thác cầu cảng 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ.
- Theo đó, Công ty đã xây dựng phương án thuê khai thác các tài sản này như sau:
 - + Thời điểm trước ngày 1/7/2014 (trước thời điểm cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng): cầu cảng số 04,05 và bãi container được giao cho Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng (doanh nghiệp nhà nước) quản lý khai thác.
 - + Thời điểm từ ngày 1/7/2014 đến 31/12/2019: Cho phép chỉ định Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng thuê quản lý, khai thác cầu cảng số 04,05 và bãi container. Giá cho thuê theo quyết định của Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính phê duyệt.
 - + Thời điểm từ ngày 01/01/2020 trở đi: Thực hiện theo quy định của Nghị định số 43/2018/NĐ-CP, thực hiện đấu giá cho thuê khai thác tài sản, kết cấu hạ tầng tại cầu cảng số 04,05 và bãi container do Nhà nước đầu tư.
- Ngày 20/02/2020, Bộ Giao thông Vận tải đã có thông báo số 56/TB-BGTVT thông báo kết luận về phương án quản lý, khai thác cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ. Hiện nay, Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông - Bộ Giao thông vận tải đang thực hiện các thủ tục báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Do đó, Công ty đã dừng trích khấu hao đối với các tài sản cố định thuộc dự án này và dừng ghi nhận lãi vay tương ứng để chờ quyết định chính thức của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.
- Ngày 28/10/2020, Bộ Giao thông vận tải đã có văn bản số 10855/BGTVT-KCHT gửi Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về việc báo cáo về hạch toán tăng tài sản và xây dựng phương án trả nợ vay, lãi vay đối với giá trị các cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng.
- Sau khi nhận được văn bản số 765/CV-CHP ngày 18/03/2022 của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, ngày 29/03/2022, Bộ Giao thông vận tải đã có công văn số 2982/BGTVT-KCHT thông báo về việc Bộ Giao thông vận tải đã có các văn bản số 6114/BGTVT-KCHT ngày 28/06/2021, văn bản số 2426/BGTVT-KCHT ngày 15/03/2022 gửi Văn phòng Chính phủ đề nghị sớm tham mưu báo cáo Chính phủ Thủ tướng Chính phủ xem xét chỉ đạo về phương án trả nợ cầu cảng số 04, số 05 Cảng Chùa Vẽ theo các nội dung báo cáo tại văn bản số 10855/BGTVT-KCHT ngày 28/10/2020. Sau khi được Chính phủ cho ý kiến, Bộ Giao thông vận tải sẽ phối hợp với các cơ quan tổ chức liên quan để triển khai thực hiện theo quy định.
- Ngày 11/11/2022, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 7642/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Văn Thành yêu cầu Bộ Giao thông Vận tải chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng các phương án, thống nhất một phương án xử lý, quản lý khai thác cầu cảng số 4, số 5 thuộc bến cảng Chùa Vẽ, bảo đảm phù hợp thực trạng tài sản, điều kiện quản lý khai thác các cầu Cảng và tuân thủ theo quy định Pháp luật liên quan.
- Ngày 08/6/2023, Cảng Hải Phòng đã có văn bản số 1674/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải nội dung liên quan đến cầu cảng số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ, làm cơ sở để Bộ Giao thông vận tải làm việc, thống nhất phương án xử lý với Bộ Tài chính. Theo đó Cảng Hải Phòng đề xuất phương án tiếp tục giao Cảng Hải Phòng được quản lý, khai thác các cầu cảng số 4, số 5 bến cảng Chùa Vẽ theo nội dung tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

36 THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.1 NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC (TIẾP)

- Ngày 17/11/2023, Cảng Hải Phòng đã có văn bản số 3939/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải, nội dung chính cụ thể:
 - + Cảng Hải Phòng đã có những buổi làm việc, phân tích cơ sở, tính khả thi và báo cáo đề xuất các Vụ, Cục thuộc Bộ Giao thông Vận Tải, Bộ Tài chính xem xét thống nhất phương án tăng tài sản cầu số 4, 5 bến cảng Chùa Vẽ tại doanh nghiệp như đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013, đồng thời tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
 - + Phương án xử lý phần chi phí khác phân bổ cho gói thiết bị cũng chưa được Bộ Tài chính xem xét xử lý do phải thực hiện sau khi Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến chỉ đạo về phương án quản lý, khai thác cầu cảng số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ.
- Ngày 4/4/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 84/2025/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải. Theo đó, Bộ Xây dựng đã ban hành Văn bản số 12000/BXD-KHTC ngày 21/10/2025 đề nghị Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP (VIMC) nghiên cứu, rà soát các phương thức khai thác, xử lý tài sản cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ bảo đảm phù hợp với thực trạng tài sản, điều kiện quản lý, khai thác các cầu cảng và tuân thủ quy định pháp luật. Đồng thời, Bộ Xây dựng yêu cầu Ban Quản lý dự án cảng Hải Phòng nghiên cứu ý kiến của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại Văn bản số 3878/CHP-TCKT ngày 19/9/2025 về phân bổ chi phí cho gói thiết bị.
- Theo đó, VIMC đã chỉ đạo Người đại diện phần vốn của VIMC tại Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng nghiên cứu, rà soát xây dựng phương án khai thác, xử lý tài sản cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ. Trên cơ sở ý kiến của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, đánh giá ưu, nhược điểm của từng phương án, VIMC đã có Văn bản số 1753/HHVN-TCKT ngày 06/11/2025 báo cáo Bộ Xây dựng và Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam về các phương án quản lý khai thác tài sản bến số 4, số 5 Cảng Chùa Vẽ.
- Căn cứ nội dung buổi làm việc ngày 29/12/2025 giữa Bộ Xây dựng, VIMC và Cảng Hải Phòng, trên cơ sở đề xuất của Cảng Hải Phòng tại Văn bản số 5222/CHP-TCKT ngày 31/12/2025 về phương án xử lý tài sản bến số 4, bến số 5 Cảng Chùa Vẽ, VIMC đã có Văn bản số 16/HHVN-TCKT ngày 08/01/2026 cập nhật nội dung liên quan đến phương án xử lý tài sản bến số 4, bến số 5 Cảng Chùa Vẽ.
- Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, chưa có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bên Cảng Chùa Vẽ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng. Căn cứ theo Điều 55 Luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 về việc văn bản pháp luật không được quy định hiệu lực trở về trước, việc ghi nhận chính thức tài sản và chi phí của cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ sẽ được thực hiện vào thời điểm cơ quan quản lý nhà nước quyết định hình thức quản lý đối với các tài sản này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan

- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ
- Công ty CP Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng
- Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng
- Công ty Vận tải biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam
- Công ty CP HPH Logistics
- Công ty CP Vận tải Container Đông Đô Cảng Hải Phòng
- Ban quản lý dự án chuyên ngành hàng hải VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP
- Công ty TNHH KM Cargo Services Hải Phòng

Mối quan hệ

- Công ty con
- Công ty con
- Công ty con
- Công ty con
- Công ty con
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Công ty liên kết
- Công ty liên kết
- Cùng Công ty mẹ
- Công ty liên doanh, liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thù lao Hội đồng quản trị, tiền lương Ban Giám đốc và các thành viên chủ chốt khác

		Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thù lao Hội đồng quản trị		2.160.000.000	1.370.000.000
- Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT	-	-
- Ông Nguyễn Tường Anh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	360.000.000	240.000.000
- Ông Lương Đình Minh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 15/04/2024)	-	70.000.000
- Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 15/04/2024)	-	70.000.000
- Ông Đinh Văn Thạch	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 15/04/2024)	-	70.000.000
- Ông Nguyễn Cảnh Bình	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 15/04/2024)	-	70.000.000
- Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên HĐQT	360.000.000	170.000.000
- Bà Trịnh Thị Ngọc Biển	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/04/2025)	120.000.000	170.000.000
- Ông Lê Đông	Thành viên HĐQT	360.000.000	170.000.000
- Ông Vũ Đức Biên	Thành viên HĐQT	360.000.000	170.000.000
- Ông Đỗ Vũ Linh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/04/2025)	120.000.000	170.000.000
- Ông Lý Quang Thái	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ 29/04/2025)	240.000.000	-
- Bà Lê Thị Ngọc Dung	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ 29/04/2025)	240.000.000	-
Thù lao Ban Kiểm soát		360.000.000	240.000.000
- Bà Trần Thị Thanh Hải	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-
- Ông Đồng Xuân Khanh	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 29/04/2025)	60.000.000	120.000.000
- Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên BKS (Bổ nhiệm từ 29/04/2025)	120.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên BKS	180.000.000	120.000.000
Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác		11.870.201.308	11.311.871.404
- Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT	2.550.239.492	2.038.895.011
- Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 15/04/2024)	-	382.760.000
- Ông Nguyễn Tường Anh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	2.464.409.255	1.998.532.751
- Ông Chu Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	1.848.140.275	1.450.459.390
- Ông Hà Vũ Hào	Phó Tổng Giám đốc	1.864.447.162	1.449.049.289
- Ông Ngô Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10/01/2025)	27.650.561	1.453.679.482
- Bà Trần Thị Thanh Hải	Trưởng Ban Kiểm soát	1.424.157.608	1.235.333.393
- Bà Đào Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	1.691.156.955	1.303.162.088

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

36 THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch bên liên quan

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	314.392.173.867	112.740.627.797
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	12.963.344.267	47.199.626.893
- Công ty CP Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	5.775.349.314	4.545.616.809
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	43.414.350.882	2.122.521.940
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng	1.717.550.597	577.709.751
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	21.547.618.266	33.736.173.638
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	19.810.000	1.227.051.940
- Công ty CP VIMC Logistics	2.318.777.940	1.502.495.000
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	142.710.000	8.150.000
- Công ty CP HPH Logistics	8.984.032.229	9.790.701.865
- Công ty Vận tải biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	-	120.296.188
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật - Việt	201.605.000	153.925.000
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	7.281.675.386	2.868.839.158
- CN Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam - Dịch vụ hàng hải Phương Đông	12.707.479.753	3.781.304.711
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	20.040.000	-
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC Đình Vũ	3.305.501.175	1.857.852.400
- Công ty CP Vận tải Container VIMC	3.227.328.615	267.532.517
- CN Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Hải Phòng	11.279.735.159	1.547.606.987
- CN Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Quảng Ninh	113.730.000	1.431.133.000
- CN Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Đà Nẵng	-	2.090.000
- Công ty TNHH Cảng quốc tế TIL Cảng Hải Phòng	179.371.535.284	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch bên liên quan (tiếp)

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Mua dịch vụ	131.731.261.687	63.548.371.467
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	2.898.386.171	4.231.080.469
- Công ty CP Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	41.075.618.793	39.151.679.465
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	8.434.863.048	3.458.693.054
- Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	1.242.611.390	2.005.228.820
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng	68.983.426.854	975.504.000
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	-	2.982.451.000
- Công ty CP HPH Logistics	1.037.492.466	655.927.964
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	31.866.000	346.765.645
- CN Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP - Công ty Kho bãi VIMC Hải Phòng	2.546.208.733	3.093.569.760
- Công ty CP Đầu tư Cảng Cái Lân	-	728.220.000
- Ban QLDA chuyên ngành hàng hải VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	5.480.788.232	5.919.251.290
Cổ tức, lợi nhuận được chia	208.437.626.254	262.461.429.130
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	163.200.000.000	91.800.000.000
- Công ty CP Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	972.000.000	972.000.000
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	35.343.929.689	160.384.829.940
- Công ty TNHH KM Cargo Services Hải Phòng	5.011.200.000	4.384.800.000
- Công ty CP VIMC Logistics - Việt Nam	160.000.000	-
- Công ty CP HPH Logistics	1.855.360.000	1.623.440.000
- Công ty CP Logistics Cảng Sài Gòn	-	153.050.870
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	1.886.400.000	3.143.308.320
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng	8.736.565	-

36.3 NỢ TIỀM TÀNG

Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đang ghi nhận tại chi tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán riêng đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 133,81 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chi tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.3 NỢ TIỀM TÀNG (TIẾP)

Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước một số khoản có liên quan đến dự án nêu trên, bao gồm: khấu hao của các tài sản thuộc cầu cảng 04, 05 và bãi container cảng Chùa Vẽ trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 là 44,8 tỷ đồng, chi phí lãi vay ODA Nhật Bản tạm trích trước là 149,3 tỷ đồng.

Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã dừng trích khấu hao, dừng ghi nhận chi phí lãi vay kể từ ngày 01/01/2020 đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ để chờ được phê duyệt phương án quản lý chính thức đối với các tài sản này. Ngày 8/6/2023, Công ty đã có văn bản số 1674/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải đề xuất phương án tiếp tục giao Cảng Hải Phòng được quản lý, khai thác các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ theo nội dung tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Sau đó, Bộ GTVT và Bộ Tài chính đã nghiên cứu phương án trình Chính phủ thông qua việc sửa đổi Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải để có thể giải quyết dứt điểm vướng mắc này.

Ngày 27/12/2024, Cảng Hải Phòng ra Nghị quyết số 168/NQ-CHP về việc tiếp tục trích khấu hao đối với các tài sản bến số 4, số 5 Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ. Theo đó, Cảng Hải Phòng tiến hành tính toán, điều chỉnh lại mức khấu hao/năm, thực hiện tiếp tục trích khấu hao từ thời điểm 01/01/2024 và thời điểm kết thúc khấu hao là tháng 4 năm 2043. Chi phí khấu hao hàng năm, tính từ năm 2024 là 8,3 tỷ đồng (so với chi phí khấu hao trích trong giai đoạn trước năm 2020 là 6,74 tỷ đồng/năm).

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, chưa có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ của Công ty. Khi cơ quan quản lý Nhà nước có quyết định chính thức về hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, Công ty sẽ ghi nhận chi phí kể từ thời điểm cơ quan quản lý Nhà nước ra quyết định.

36.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng đã được kiểm toán.

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyền

Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Hà

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG HẢI PHÒNG**

Số: 440 /CHP-TCKT

“V/v giải trình biến động kết quả
kinh doanh năm 2025”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày 05 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến Báo cáo tài chính theo Điều 14 Khoản 4 Chương III Thông tư 96/2020/TT-BTC về công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn, Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng - Mã chứng khoán PHP) giải trình biến động kết quả kinh doanh trong Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán với năm 2024 như sau:

	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Biến động	
				Giá trị	Tỷ lệ
1	Lợi nhuận sau thuế BCTC riêng	979.629.760.627	642.427.050.347	337.202.710.280	52,49%
2	Lợi nhuận sau thuế BCTC hợp nhất	984.474.495.619	975.117.194.652	9.357.300.967	0,96%

Biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng

Lợi nhuận sau thuế Báo cáo tài chính riêng năm 2025 tăng 52,49% so với năm 2024 chủ yếu là do các nguyên nhân:

- Doanh thu bốc xếp tăng so với cùng kỳ năm 2024.
- Cảng Hải Phòng ghi nhận thu nhập khác từ chênh lệch do đánh giá giá trị tài sản góp vốn đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh.

Trân trọng./.

Nơi nhận: 

- Như kính gửi;
- HDQT Cty (để b/cáo);
- Lưu VT, P.TCKT.



Nguyễn Tường Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025

CÔNG TY T.

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 58

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Tường Anh	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên HĐQT
Bà Trịnh Thị Ngọc Biển	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Lê Đông	Thành viên HĐQT
Ông Đỗ Vũ Linh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Lý Quang Thái	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Vũ Đức Biên	Thành viên HĐQT độc lập
Bà Lê Thị Ngọc Dung	Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm ngày 29/4/2025)

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thanh Hải	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên
Ông Đồng Xuân Khanh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/4/2025)

Ban Kiểm toán nội bộ

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Trưởng Ban phụ trách
Ông Phan Anh Tuấn	Phó Trưởng Ban
Ông Vũ Văn Hợi	Thành viên
Ông Lương Anh Hoàng	Thành viên (Thôi từ ngày 01/10/2025)
Bà Vũ Thị Lan Anh	Thành viên
Bà Hoàng Thị Hà	Thành viên (Từ ngày 01/07/2025)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Tường Anh	Tổng Giám đốc
Ông Hà Vũ Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là bà Đào Thị Thu Hà.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024, Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025. Công ty tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Số: 105/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 24 tháng 02 năm 2026, từ trang 06 đến trang 58 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

1. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 37.1 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đang ghi nhận tại chi tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 133,81 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chi tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ.

Ngày 4/4/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 84/2025/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải. Theo đó, Bộ Xây dựng đã ban hành Văn bản số 12000/BXD-KHTC ngày 21/10/2025 đề nghị Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP (VIMC) nghiên cứu, rà soát các phương thức khai thác, xử lý tài sản cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ bảo đảm phù hợp với thực trạng tài sản, điều kiện quản lý, khai thác các cầu cảng và tuân thủ quy định pháp luật. Đồng thời, Bộ Xây dựng yêu cầu Ban Quản lý dự án cảng Hải Phòng nghiên cứu ý kiến của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại Văn bản số 3878/CHP-TCKT ngày 19/09/2025 về phân bổ chi phí cho gói thiết bị.

Theo đó, VIMC đã chỉ đạo Người đại diện phần vốn của VIMC tại Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng nghiên cứu, rà soát xây dựng phương án khai thác, xử lý tài sản cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ. Trên cơ sở ý kiến của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, đánh giá ưu, nhược điểm của từng phương án, VIMC đã có Văn bản số 1753/HHVN-TCKT ngày 06/11/2025 báo cáo Bộ Xây dựng và Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam về các phương án quản lý khai thác tài sản bến số 4, số 5 Cảng Chùa Vẽ.

Căn cứ nội dung buổi làm việc ngày 29/12/2025 giữa Bộ Xây dựng, VIMC và Cảng Hải Phòng, trên cơ sở đề xuất của Cảng Hải Phòng tại Văn bản số 5222/CHP-TCKT ngày 31/12/2025 về phương án xử lý tài sản bến số 4, bến số 5 Cảng Chùa Vẽ, VIMC đã có văn bản số 16/HHVN-TCKT ngày 08/01/2026 trình Bộ Xây dựng và Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam cập nhật nội dung liên quan đến phương án xử lý các tài sản nêu trên.

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chưa có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng. Căn cứ theo Điều 55 Luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 về việc văn bản pháp luật không được quy định hiệu lực trở về trước, việc ghi nhận chính thức tài sản và chi phí của cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ sẽ được thực hiện vào thời điểm cơ quan quản lý nhà nước quyết định hình thức quản lý đối với các tài sản này.

2. Bên cạnh đó, như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Cơ quan Quản lý về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Bùi Minh Đức
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5586-2026-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.069.783.422.453	3.094.005.768.117
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	390.290.204.796	493.962.154.581
Tiền	111		188.190.204.796	109.962.154.581
Các khoản tương đương tiền	112		202.100.000.000	384.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	1.551.332.737.502	1.345.188.737.502
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.551.332.737.502	1.345.188.737.502
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		653.455.461.273	973.070.421.967
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	260.234.096.808	295.747.062.611
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	81.010.186.734	391.899.673.934
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	351.351.157.443	322.791.576.255
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(39.139.979.712)	(37.367.890.833)
Hàng tồn kho	140	10	127.433.056.745	115.825.333.653
Hàng tồn kho	141		127.433.056.745	115.825.333.653
Tài sản ngắn hạn khác	150		347.271.962.137	165.959.120.414
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	29.299.441.994	25.766.249.347
Thuế GTGT được khấu trừ	152		313.421.280.121	140.190.384.439
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	4.551.240.022	2.486.628
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.844.008.559.952	5.399.633.701.205
Các khoản phải thu dài hạn	210		51.986.000	92.986.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	51.986.000	92.986.000
Tài sản cố định	220		1.517.726.002.056	1.826.395.212.994
Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.507.523.132.370	1.819.211.644.715
- Nguyên giá	222		6.491.986.052.064	6.796.553.866.808
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.984.462.919.694)	(4.977.342.222.093)
Tài sản cố định vô hình	227	15	10.202.869.686	7.183.568.279
- Nguyên giá	228		50.553.800.051	45.334.455.654
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40.350.930.365)	(38.150.887.375)
Bất động sản đầu tư	230	14	2.581.950.157.136	-
- Nguyên giá	231		2.777.074.580.908	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(195.124.423.772)	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.292.106.498.642	3.161.207.713.345
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	1.292.106.498.642	3.161.207.713.345
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	1.362.557.417.618	315.131.724.800
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.360.877.417.618	313.091.724.800
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		2.181.131.012	2.181.131.012
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(501.131.012)	(141.131.012)
Tài sản dài hạn khác	260		89.616.498.500	96.806.064.066
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	75.467.302.834	81.772.614.377
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		14.149.195.666	15.033.449.689
TỔNG TÀI SẢN	270		9.913.791.982.405	8.493.639.469.322

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		3.096.910.334.460	2.132.846.126.218
Nợ ngắn hạn	310		1.251.334.656.191	1.638.304.670.115
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	355.409.941.830	852.622.637.505
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	8.601.618.474	19.395.117.699
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	245.661.996.946	99.559.447.235
Phải trả người lao động	314		223.040.036.504	225.795.893.120
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	245.681.607.927	226.889.277.936
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	2.730.857.220	5.353.167.082
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	101.660.159.743	126.260.245.580
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	24.562.190.653	23.523.799.299
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	18.100.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		43.986.246.894	40.805.084.659
Nợ dài hạn	330		1.845.575.678.269	494.541.456.103
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	22	95.307.634.428	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	1.747.193.557.470	484.949.450.424
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		3.074.486.371	9.592.005.679
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	23	6.816.881.647.945	6.360.793.343.104
Vốn chủ sở hữu	410		6.816.881.647.945	6.360.793.343.104
Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(166.066.396)	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		52.543.979.727	52.543.979.727
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(613.301.691.109)	(613.301.691.109)
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.104.600.026.656	1.803.205.604.913
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.212.061.506.690	1.043.583.234.828
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		391.368.736.042	236.177.300.266
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		820.692.770.648	807.405.934.562
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		791.543.892.377	805.162.214.745
TỔNG NGUỒN VỐN	440		9.913.791.982.405	8.493.639.469.322

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu



Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng



Đào Thị Thu Hà



Nguyễn Tường Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	2.730.324.694.363	2.595.479.044.228
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.730.324.694.363	2.595.479.044.228
Giá vốn hàng bán	11	26	1.453.617.740.198	1.605.445.106.833
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.276.706.954.165	990.033.937.395
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	102.588.579.165	150.762.844.242
Chi phí tài chính	22	28	42.762.995.259	18.528.090.537
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		23.031.999.143	7.105.158.670
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		108.002.312.297	80.885.841.099
Chi phí bán hàng	25	29	461.552.000	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	293.733.072.351	253.198.425.586
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.150.340.226.017	949.956.106.613
Thu nhập khác	31	30	110.016.491.098	251.739.121.632
Chi phí khác	32	31	3.182.130.350	1.849.656.513
Lợi nhuận khác	40		106.834.360.748	249.889.465.119
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.257.174.586.765	1.199.845.571.732
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	278.341.283.848	225.185.200.635
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(5.641.192.702)	(456.823.555)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		984.474.495.619	975.117.194.652
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		823.192.770.648	807.405.934.562
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		161.281.724.971	167.711.260.090
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	2.518	2.469
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	35	2.518	2.469

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Hà

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.257.174.586.765	1.199.845.571.732
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		255.221.271.543	224.211.152.960
Các khoản dự phòng	03		(15.967.911.121)	2.779.460.790
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		4.319.625.665	(11.767.864.016)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(196.389.532.620)	(206.107.237.161)
Chi phí lãi vay	06		23.031.999.143	7.105.158.670
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.327.390.039.375	1.216.066.242.975
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		128.076.572.304	(234.787.822.043)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(11.607.723.092)	(12.167.458.814)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(532.277.815.311)	844.627.906.470
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.772.118.896	(17.322.988.020)
Tiền lãi vay đã trả	14		(14.499.372.550)	(3.282.703.684)
Thuế thụ nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(139.481.234.642)	(213.685.729.183)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		113.940.000	39.220.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(164.046.850.189)	(123.723.654.562)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		596.439.674.791	1.455.763.013.139
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.607.092.685.457)	(1.625.263.413.442)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		7.329.574.041	24.728.810.111
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.446.850.000.000)	(2.692.833.737.502)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.240.706.000.000	3.311.643.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(52.456.129.805)	(35.534.800.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	62.611.206.146
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		89.396.610.098	82.539.329.386
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.768.966.631.123)	(872.109.605.301)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		13.775.290.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		2.434.087.887.227	3.633.976.481
Tiền trả nợ gốc vay	34		(25.531.565.060)	(24.388.079.717)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(353.504.894.700)	(268.600.803.170)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.068.826.717.467	(289.354.906.406)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(103.700.238.865)	294.298.501.432
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	493.962.154.581	198.481.615.722
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		28.289.080	1.182.037.427
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	390.290.204.796	493.962.154.581

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Hà

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty được cổ phần hóa và hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Luật doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200236845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng (nay là Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng) cấp ngày 01 tháng 7 năm 2014, thay đổi lần thứ 13 ngày 28 tháng 7 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại số 8A Trần Phú, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2025 là 3.269.600.000.000 VND (bằng chữ: Ba nghìn hai trăm sáu mươi chín tỷ sáu trăm triệu đồng), tương đương 326.960.000 cổ phần mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại sàn giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) từ ngày 14 tháng 09 năm 2022 với mã chứng khoán PHP.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh khai thác cảng, dịch vụ kho bãi, logistics và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bốc xếp, giao nhận, bảo quản hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi, văn phòng;
- Môi giới thuê tàu biển, dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, dịch vụ giao nhận, nâng hạ hàng hóa, dịch vụ khai thuế hải quan;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Sửa chữa container và dịch vụ vệ sinh container;
- Lai dắt và hỗ trợ tàu biển.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 NHÂN VIÊN

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 2.239 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 2.762 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, phường Ngô Quyền,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MẪU SỐ B09-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP***Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp:*

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	51,00%	51,00%	Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; Kinh doanh kho bãi; Vận tải; Dịch vụ hàng hải và kinh doanh kho vận.
Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	Lô 15, đường Lê Hồng Phong, phường Hải An, Thành phố Hải Phòng	60,28%	60,28%	Hỗ trợ tàu biển, bốc xếp, bảo quản giao nhận vận tải hàng hóa; Hoạt động lai dất, trực vớt, cứu hộ và đại lý vận tải hàng hóa.
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	Số 03 đường Lê Thánh Tông, phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	100,00%	100,00%	Dịch vụ xếp dỡ giao nhận hàng hóa; Kinh doanh kho bãi; Trung chuyển và lưu trữ hàng hóa; Dịch vụ vận tải và các hoạt động hỗ trợ liên quan đến vận tải.
Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	Số 23, đường Lương Khánh Thiện, phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng	100,00%	100,00%	Khám chữa bệnh, khám sức khỏe và cấp giấy chứng nhận sức khỏe; cung cấp dịch vụ vệ sinh, y tế dự phòng.
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng	Số 05 Cù Chính Lan, phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng	90,00%	90,00%	Giáo dục nghề nghiệp các nghề giao nhận, vận hành các thiết bị xếp dỡ phục vụ khai thác cảng.

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	Số 03 đường Lê Thánh Tông, phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	30,52%	30,52%	Hoạt động kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	13 đường Nguyễn Trãi, phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	27,61%	27,61%	Xây dựng công trình và vận tải đường bộ
Công ty Cổ Phần HPH Logistics	Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	38,81%	38,81%	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
Công ty CP Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng (1)	Số 4 đường Hoàng Diệu, phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng	32,24%	32,24%	Vận tải hàng hóa đường bộ, đường biển, kho bãi, bốc xếp hàng hóa, đại lý tàu biển, vận tải biển

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết (Tiếp):

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Vinalines Đông Bắc (2)	Số 1 đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh	25,00%	25,00%	Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	Số 79 Đoàn Như Hải, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh	20,00%	20,00%	Kho bãi, lưu giữ và vận tải hàng hóa
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ (3)	Khu Công nghiệp Đình Vũ, phường Hải An, Thành phố Hải Phòng	24,99%	50,00%	Hoạt động lai dắt, dịch vụ kho bãi, bốc xếp hàng hóa
Công ty TNHH KM Cargo Services Hải Phòng	Lô đất KB2.3 và KB 3.3, Khu Công nghiệp MP Đình Vũ, phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	36,00%	36,00%	Logistics và vận tải hàng hóa, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
Công ty TNHH Smart Logistics Service (Hải Phòng)	Lô CN2A Khu công nghiệp Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, Đặc khu Cát Hải, Thành phố Hải Phòng	28,75%	37,5%	Kho bãi, lưu giữ và vận tải hàng hóa
Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Hải Phòng	Khu phố Đôn Lương, Đặc khu Cát Hải, Thành phố Hải Phòng	51,00%	50,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy

(1) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2018.

(2) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2014 nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

(3) Công ty nắm giữ gián tiếp các khoản đầu tư này qua Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ - Công ty con.

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Chi nhánh Cảng Tân Vũ - KCN Đình Vũ, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng.	Bốc xếp, giao nhận, vận chuyển, sửa chữa container

(*) Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ - Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng đã chấm dứt hoạt động từ 15/07/2025 theo Nghị quyết số 116/NQ-CHP của Hội đồng quản trị ngày 01/07/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.1 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Công ty phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng có thể xác định được, phần chênh lệch được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần nói trên, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh giao dịch.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Khi phần lỗ của Công ty liên kết mà Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày BCTC này.

3.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.4 NGOẠI TỆ

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong năm bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi công ty thường xuyên có giao dịch.
- Tỷ giá khi đánh giá lại tiền gửi ngoại tệ là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

3.5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.7 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.8 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được).

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
- Máy móc, thiết bị	05 - 20
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 13

3.10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính,

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 - 08 năm.

3.11 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn. mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Bất động sản đầu tư của Công ty được sử dụng để cho thuê và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 10 đến 40 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒI DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty bao gồm dự án Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3, số 4 Cảng cửa ngõ Quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch huyện), thành phố Hải Phòng và các công trình khác là các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

3.13 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 - 3 năm.

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Chi phí trả trước khác bao gồm Phí bảo hiểm được phân bổ theo hợp đồng bảo hiểm và chi phí sửa chữa tài sản, chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

3.14 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

3.15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.16 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay. Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

3.17 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trọng đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

3.18 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước: Số tiền khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cung cấp dịch vụ. Công ty ghi nhận theo nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều trong năm theo thời hạn quy định.

3.19 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: Khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.20 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ bốc xếp, lưu kho bãi, lai dắt, hỗ trợ, kiểm đếm, giao nhận, cân hàng và dịch vụ khác.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

3.21 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

3.22 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC*Thuế giá trị gia tăng (VAT)*

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.22 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)**

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.23 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả các giao dịch và số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	493.778.025	332.943.223
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	187.696.426.771	109.629.211.358
- Các khoản tương đương tiền (*)	202.100.000.000	384.000.000.000
Cộng	390.290.204.796	493.962.154.581

(*) Tại ngày 31/12/2025, tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ không quá 03 tháng được gửi tại các Ngân Hàng TMCP với lãi suất từ 4,0%/năm đến 4,75%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

5.1 ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	1.551.332.737.502	1.551.332.737.502	1.345.188.737.502	1.345.188.737.502
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.551.332.737.502	1.551.332.737.502	1.345.188.737.502	1.345.188.737.502
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.551.332.737.502	1.551.332.737.502	1.345.188.737.502	1.345.188.737.502

(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng gửi tại các Ngân Hàng TMCP với lãi suất từ 4,8%/năm đến 7,6%/năm.

5.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
+ Công ty CP VIMC Logistics	2.181.131.012	(501.131.012)	(*)	2.181.131.012	(141.131.012)	(*)
Cộng	2.181.131.012	(501.131.012)		2.181.131.012	(141.131.012)	

(*) Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.3 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Phần chia	Giá trị theo	Giá gốc	Phần chia	Giá trị theo
	VND	lãi/lỗ trong công ty liên kết VND	phương pháp vốn chủ sở hữu VND	VND	lãi/lỗ trong công ty liên kết VND	phương pháp vốn chủ sở hữu VND
+ Công ty CP Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng (1)	6.300.000.000	(6.300.000.000)	-	6.300.000.000	(6.300.000.000)	-
+ Công ty CP Vinalines Đông Bắc (2)	5.518.034.429	(5.518.034.429)	-	5.518.034.429	(5.518.034.429)	-
+ Công ty CP Logistics Cảng Sài Gòn	3.000.000.000	(2.458.354.779)	541.645.221	3.000.000.000	(372.484.959)	2.627.515.041
+ Công ty CP Đầu tư và thương mại hàng hải Hải Phòng	25.289.203.035	333.296.347	25.622.499.382	25.289.203.035	(3.606.134.941)	21.683.068.094
+ Công ty CP Đầu tư phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng	31.440.000.000	3.138.028.522	34.578.028.522	31.440.000.000	(1.682.969.438)	29.757.030.562
+ Công ty CP HPH Logistics	11.596.000.000	3.750.710.801	15.346.710.801	11.596.000.000	3.304.653.069	14.900.653.069
+ Công ty TNHH KM Cargo Services Hải Phòng	12.528.000.000	12.333.836.361	24.861.836.361	12.528.000.000	11.251.148.807	23.779.148.807
+ Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	103.027.411.229	67.633.687.645	170.661.098.874	103.027.411.229	81.821.735.074	184.849.146.303
+ Công ty TNHH Smart Logistics Service (Hải Phòng) (3)	86.676.000.000	(2.242.558.539)	84.433.441.461	35.534.800.000	(39.637.076)	35.495.162.924
+ Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Hải Phòng (4)	990.093.997.089	14.738.159.907	1.004.832.156.996	-	-	-
Cộng	1.275.468.645.782	85.408.771.836	1.360.877.417.618	234.233.448.693	78.858.276.107	313.091.724.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.3 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (TIẾP)

- (1) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2018.
- (2) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2014 nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.
- (3) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác liên doanh số 01/HĐHTKD với SITC (HK) Limited và Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Smart Logistics Service (Hải Phòng) chuyên kinh doanh kho bãi và các dịch vụ hậu cần tại huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng (nay là đặc khu Cát Hải, thành phố Hải Phòng) với tổng mức đầu tư 20.000.000 USD (Hai mươi triệu đô la Mỹ), trong đó Công ty góp 4.000.000 USD (Bốn triệu đô la Mỹ), tương ứng 20% vốn Điều lệ. Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đã thực hiện 03 lần góp vốn với tổng số tiền 3.400.000 USD (Ba triệu bốn trăm nghìn đô la Mỹ).
- (4) Khoản đầu tư theo Thỏa thuận thành viên ngày 02/05/2024 giữa Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng và Công ty Global Terminal Limited S.À.R.L về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Hải Phòng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty là 51%, hai bên có quyền tương đương nhau trong việc quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Hải Phòng. Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đã thực hiện góp là 990.093.997.089 đồng, trong đó góp bằng tiền là 1.314.929.805 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	260.234.096.808	(38.461.443.585)	295.747.062.611	(36.900.196.733)
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>14.255.848.290</i>	<i>(4.163.331.474)</i>	<i>16.258.110.388</i>	<i>(4.054.540.370)</i>
- Công ty TNHH Tiếp Vận SITC - Đình Vũ	544.599.234	-	276.573.960	-
- Công ty CP HPH Logistic	52.734.332	-	4.543.659.314	-
- Công ty CP Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng	3.713.511.896	(3.713.511.896)	3.608.326.813	(3.608.326.813)
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	-	-	5.303.015.973	-
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	1.494.834.145	-	1.456.258.245	-
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	-	-	453.895.026	-
- Công ty CP Vinalines Đông Bắc	449.819.578	(449.819.578)	446.213.557	(446.213.557)
- Công ty CP Vận tải container VIMC	13.357.440	-	170.167.500	-
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Cảng Hải Phòng	7.986.991.665	-	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>245.978.248.518</i>	<i>(34.298.112.111)</i>	<i>279.488.952.223</i>	<i>(32.845.656.363)</i>
- Ocean Network Express Pte., Ltd	7.611.003.218	-	15.303.393.420	-
- Maersk Lines A/S	19.150.108.288	-	26.535.437.574	-
- Công ty TNHH Đại lý và Môi giới Vận tải biển Quốc tế	7.911.691.223	-	22.791.479.274	-
- SITC Container Lines Co., Ltd	31.175.891.730	-	38.657.905.546	-
- Các khách hàng khác	180.129.554.059	(34.298.112.111)	176.200.736.409	(32.845.656.363)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	260.234.096.808	(38.461.443.585)	295.747.062.611	(36.900.196.733)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	81.010.186.734	(278.291.766)	391.899.673.934	(74.002.500)
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>362.367.680</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
- Chi nhánh Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình hàng hải tại Hải Phòng	362.367.680	-	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>80.647.819.054</i>	<i>(278.291.766)</i>	<i>391.899.673.934</i>	<i>(74.002.500)</i>
- Mitsui E&S Co., Ltd	-	-	108.086.362.479	-
- Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	11.703.000.000	-	99.860.088.449	-
- Tổng Công ty Sông Thu	-	-	41.631.415.631	-
- Công ty CP MIFU	-	-	32.187.500.000	-
- Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây lắp Bình Minh	47.121.457.607	-	7.215.000.000	-
- Các nhà cung cấp khác	21.823.361.447	(278.291.766)	102.919.307.375	(74.002.500)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	81.010.186.734	(278.291.766)	391.899.673.934	(74.002.500)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	351.351.157.443	(400.244.361)	322.791.576.255	(364.090.600)
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	30.511.419.254	-	36.035.651.480	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.927.778.338	-	21.697.851.746	-
- Tạm ứng	432.954.687	-	667.773.000	-
- Ký cược, ký quỹ (1)	44.245.575.000	-	43.420.000.000	-
- Phải thu giá trị dịch vụ cung cấp chưa phát hành hóa đơn	19.006.973.807	-	9.501.484.047	-
- Khấu hao và lãi vay đối với tài sản cầu số 4, số 5 bãi container Chùa Vẽ (2)	194.218.263.761	-	194.218.263.761	-
- Phải thu khác	44.008.192.596	(400.244.361)	17.250.552.221	(364.090.600)
b) Dài hạn	51.986.000	-	92.986.000	-
- Phải thu người lao động về bồi thường tổn thất	51.986.000	-	92.986.000	-
Cộng	351.403.143.443	(400.244.361)	322.884.562.255	(364.090.600)

(1) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 12 đến 13 tháng gửi tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất từ 5,5 đến 5,8%/năm, dùng để cầm cố, bảo lãnh cho các nghĩa vụ của Công ty tại các Ngân hàng này.

(2) Đây là khoản tiền đã nộp vào ngân sách Nhà nước đối với chi phí khấu hao và lãi vay trong giai đoạn từ năm 2014 đến 31/12/2018 của cầu cảng số 4, số 5 Bến cảng Chùa Vẽ. Số tiền này được nộp vào ngân sách theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại văn bản số 3910/BTC-TTr ngày 03/04/2020.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 37.1)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. NỢ XẤU

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán						
- Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu	9.930.305.723	-	9.930.305.723	9.930.305.723	-	9.930.305.723
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	6.628.866.818	-	6.628.866.818	6.628.866.818	-	6.628.866.818
- Công ty CP Đầu tư Thương mại và Vận tải Thành Trang	5.050.795.970	-	5.050.795.970	5.032.987.190	-	5.032.987.190
- Công ty CP Vận tải Container Đông Đô Cảng Hải Phòng	3.713.511.896	-	3.713.511.896	3.608.326.813	-	3.608.326.813
- Các đối tượng khác	16.173.998.628	2.357.499.323	13.816.499.305	13.906.921.081	1.739.516.792	12.167.404.289
Cộng	41.497.479.035	2.357.499.323	39.139.979.712	39.107.407.625	1.739.516.792	37.367.890.833

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	103.126.039.002	-	96.362.005.991	-
- Công cụ, dụng cụ	17.228.482.716	-	18.781.627.667	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	252.630.000	-	-	-
- Hàng hóa	6.825.905.027	-	681.699.995	-
Cộng	127.433.056.745	-	115.825.333.653	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. TÀI SẢN DỮ DANG DÀI HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	1.292.106.498.642	3.161.207.713.345
- Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3, số 4 Cảng cửa ngõ Quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch huyện), thành phố Hải Phòng (*)	1.183.973.593.202	3.154.812.152.209
- Dự án đóng mới tàu lai AZIMUTH	91.192.271.637	840.417.508
- Các công trình khác	16.940.633.803	5.555.143.628
Cộng	1.292.106.498.642	3.161.207.713.345

(*) Thông tin Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3, số 4 Cảng cửa ngõ Quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng;
- Mục đích xây dựng: Đáp ứng tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội của thành phố Hải Phòng;
- Địa điểm xây dựng: Khu bến Cảng Lạch Huyện thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Huyện Cát Hải, Thành phố Hải Phòng;
- Tổng mức đầu tư: 6.946 tỷ VND;
- Thời gian bắt đầu triển khai và thời gian dự kiến hoàn thành: từ năm 2020 đến năm 2025.
- Nguồn vốn đầu tư: Dự kiến vốn vay 55%, vốn chủ sở hữu 45%;
- Quy mô của dự án: Xây dựng 02 bến cho tàu đến 100.000DWT (gần 8.000 teus) với tổng chiều dài 750m, rộng 50m, Bến sà lan, dịch vụ với tổng chiều dài 250m (gồm cả 50m bề rộng của bến chính), rộng 15m cho cỡ tàu đến 3.000 DWT (gần 160 teus); Kè bảo vệ bờ; Hệ thống bãi chứa hàng, đường giao thông, các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật, thiết bị đồng bộ (đáp ứng sản lượng hàng hóa thông qua 1,0 - 1,1 triệu teus/năm) trên diện tích 47ha; Các thiết bị chính phục vụ khai thác: 06 cần trục STS trên bến chính; 24 RTG; 02 xe nâng RSD; 01 xe nâng rỗng; 50 đầu kéo + rơ-moóc; 01 cầu trục xưởng sửa chữa, 08 cần xe tại cổng cảng và phần mềm quản lý vận hành cảng TOS;

Đến thời điểm ngày 31/12/2025, dự án đã cơ bản hoàn thành các hạng mục chính, các hạng mục còn lại đang được hoàn thiện, đồng thời Công ty đang thực hiện các thủ tục phục vụ cho công tác nghiệm thu và bàn giao tài sản để đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	29.299.441.994	25.766.249.347
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	11.030.398.430	9.897.927.394
- Chi phí bảo hiểm	5.293.461.741	2.093.344.290
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định, nạo vét	8.505.586.583	7.226.874.776
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.469.995.240	6.548.102.887
b) Dài hạn	75.467.302.834	81.772.614.377
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	15.886.778.935	13.367.832.450
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	34.477.012.567	42.530.825.308
- Chi phí thuê đất Khu Công nghiệp Minh Phương (*)	24.126.890.908	24.890.803.024
- Các khoản khác	976.620.424	983.153.595
Cộng	104.766.744.828	107.538.863.724

(*) Theo hợp đồng thuê đất số 27/2015/HĐTD - MP ký ngày 12 tháng 06 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ được thuê 44.417 m² tại Khu Công nghiệp Minh Phương với thời hạn thuê là 43 năm tính từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2057. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ đã trả hết tiền thuê cho toàn bộ thời gian thuê và phân bổ dần vào chi phí theo thời hạn thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải, truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	TSCĐ HH khác <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2025	2.226.668.597.551	828.604.350.825	3.630.194.737.509	111.086.180.923	-	6.796.553.866.808
- Mua trong năm	2.872.320.532	206.181.818	1.862.440.042.721	73.586.848.693	-	1.939.105.393.764
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.490.921.788.759	4.097.964.089	58.333.333	31.111.111	-	2.495.109.197.292
- Giảm do góp vốn đầu tư	-	-	(758.676.246.680)	(21.467.736.008)	-	(780.143.982.688)
- Phân loại lại	(353.888.182)	18.909.395.361	(18.838.707.179)	269.518.404	-	(13.681.596)
- Chuyển sang BĐS đầu tư	(2.777.074.580.908)	-	-	-	-	(2.777.074.580.908)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(51.109.192.510)	-	-	(51.109.192.510)
- Tăng/Giảm khác	(6.836.209)	-	-	-	126.400.000	119.563.791
- Giảm do góp vốn đầu tư (trương ứng phần chuyển nợ)	-	-	(1.099.034.814.491)	(31.525.717.398)	-	(1.130.560.531.889)
31/12/2025	<u>1.943.027.401.543</u>	<u>851.817.892.093</u>	<u>3.565.034.152.703</u>	<u>131.980.205.725</u>	<u>126.400.000</u>	<u>6.491.986.052.064</u>
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2025	(1.411.377.450.644)	(648.953.879.923)	(2.841.411.706.371)	(75.599.185.155)	-	(4.977.342.222.093)
- Khấu hao trong năm	(97.964.860.509)	(40.413.769.946)	(105.126.861.128)	(9.804.164.118)	-	(253.309.655.701)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	51.064.534.328	-	-	51.064.534.328
- Phân loại lại	-	6.546.946	-	(6.546.946)	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	195.124.423.772	-	-	-	-	195.124.423.772
31/12/2025	<u>(1.314.217.887.381)</u>	<u>(689.361.102.923)</u>	<u>(2.895.474.033.171)</u>	<u>(85.409.896.219)</u>	<u>-</u>	<u>(4.984.462.919.694)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2025	815.291.146.907	179.650.470.902	788.783.031.138	35.486.995.768	-	1.819.211.644.715
31/12/2025	<u>628.809.514.162</u>	<u>162.456.789.170</u>	<u>669.560.119.532</u>	<u>46.570.309.506</u>	<u>126.400.000</u>	<u>1.507.523.132.370</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 2.661.958.598.663 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 2.830.498.185.466 đồng).

Năm 2014, Công ty đã tạm ghi nhận tăng tài sản cố định hữu hình (chi tiết khoản mục Nhà cửa, vật kiến trúc) đối với cầu cảng số 04, 05 và bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và gói thiết bị với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng (giá trị còn lại đến ngày 31/12/2025 là 133,81 tỷ đồng). Việc tạm tăng các tài sản cố định này được thực hiện theo văn bản số 1966/VPCP-KTN ngày 25/03/2014 của Văn phòng Chính phủ.

Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng - Giai đoạn 2, do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam và vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản nên việc quản lý, khai thác các tài sản này đang còn một số vướng mắc.

Từ năm 2024, Công ty thực hiện tạm trích khấu hao đối với Cầu cảng số 04 và số 05 bến Cảng Chùa Vẽ theo Nghị quyết số 168/NQ-CHP ngày 27/12/2024 của Hội đồng quản trị Công ty, mức trích khấu hao/năm là 8.330.437.644 đồng/năm.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 37.1)

(*) Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 18 và Thuyết minh số 36.

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2025 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2025 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê				
NGUYÊN GIÁ	-	2.777.074.580.908	-	2.777.074.580.908
- Cơ sở hạ tầng	-	2.777.074.580.908	-	2.777.074.580.908
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	-	(195.124.423.772)	-	(195.124.423.772)
- Cơ sở hạ tầng	-	(195.124.423.772)	-	(195.124.423.772)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	-	2.581.950.157.136	-	2.581.950.157.136
- Cơ sở hạ tầng	-	2.581.950.157.136	-	2.581.950.157.136

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê tại ngày 31/12/2025 là 21.307.063.148 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 0 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2025	45.334.455.654	45.334.455.654
- Mua trong năm	41.261.743.001	41.261.743.001
- Phân loại lại	13.681.596	13.681.596
- Giảm do góp vốn đầu tư	(15.959.466.377)	(15.959.466.377)
- Giảm do góp vốn đầu tư (trương ứng phần chuyển nợ)	(20.096.613.823)	(20.096.613.823)
31/12/2025	50.553.800.051	50.553.800.051
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2025	(38.150.887.375)	(38.150.887.375)
- Khấu hao trong năm	(2.200.042.990)	(2.200.042.990)
31/12/2025	(40.350.930.365)	(40.350.930.365)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2025	7.183.568.279	7.183.568.279
31/12/2025	10.202.869.686	10.202.869.686

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 32.870.677.327 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 31.812.101.438 đồng).

(*) Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 18 và Thuyết minh số 36.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Ngắn hạn	355.409.941.830	355.409.941.830	852.622.637.505	852.622.637.505
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>16.200.000</i>	<i>16.200.000</i>	<i>521.563.104</i>	<i>521.563.104</i>
- Dịch vụ hàng hải Phương Đông - Chi nhánh Công ty CP đại lý Hàng hải Việt Nam	16.200.000	16.200.000	36.586.080	36.586.080
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP - Công ty kho bãi VIMC Hải Phòng	-	-	484.977.024	484.977.024
<i>Phải trả người bán khác</i>	<i>355.393.741.830</i>	<i>355.393.741.830</i>	<i>852.101.074.401</i>	<i>852.101.074.401</i>
- Mitsui E&S Co., Ltd	31.604.729.170	31.604.729.170	534.268.317.506	534.268.317.506
- Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	95.733.944.544	95.733.944.544	233.385.090.260	233.385.090.260
- Phải trả các nhà cung cấp khác	228.055.068.116	228.055.068.116	84.447.666.635	84.447.666.635
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	355.409.941.830	355.409.941.830	852.622.637.505	852.622.637.505

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	3.387.098.444	172.373.167.825	168.333.626.896	7.426.639.373
- Thuế nhà thầu	-	14.719.277.463	14.719.277.463	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	50.023.614.373	278.341.283.848	139.481.234.642	188.883.663.579
- Thuế thu nhập cá nhân	5.743.680.782	45.741.183.658	50.897.670.824	587.193.616
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	40.405.053.636	32.565.276.642	24.205.829.900	48.764.500.378
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	253.044.277	253.044.277	-
Cộng	99.559.447.235	543.993.233.713	397.890.684.002	245.661.996.946

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.486.628	-	-	2.486.628
- Thuế thu nhập cá nhân	-	7.813.943.331	10.170.516.025	2.356.572.694
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	2.190.180.700	2.190.180.700
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	2.000.000	2.000.000
Cộng	2.486.628	7.813.943.331	12.362.696.725	4.551.240.022

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2025		Trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Vay ngắn hạn	24.562.190.653	24.562.190.653	26.757.400.170	25.719.008.816	23.523.799.299	23.523.799.299
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>24.562.190.653</i>	<i>24.562.190.653</i>	<i>26.757.400.170</i>	<i>25.719.008.816</i>	<i>23.523.799.299</i>	<i>23.523.799.299</i>
Vay dài hạn ODA giai đoạn II đến hạn trả (1)	24.562.190.653	24.562.190.653	26.757.400.170	25.719.008.816	23.523.799.299	23.523.799.299
Vay dài hạn	1.747.193.557.470	1.747.193.557.470	2.438.620.261.574	1.176.376.154.528	484.949.450.424	484.949.450.424
Vay dài hạn ODA giai đoạn II (1)	76.798.608.887	76.798.608.887	4.532.374.347	25.719.008.816	97.985.243.356	97.985.243.356
Vay dài hạn ODA cầu số 04, 05 bãi container, bến Cảng Chùa Vẽ	342.110.245.728	342.110.245.728	-	-	342.110.245.728	342.110.245.728
Vay dài hạn ODA giai đoạn II bổ sung (2)	41.219.984.859	41.219.984.859	-	-	41.219.984.859	41.219.984.859
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hải Phòng (3)	30.120.105.250	30.120.105.250	26.486.128.769	-	3.633.976.481	3.633.976.481
Vay phục vụ xây dựng bến 3,4 Cảng Lạch Huyện (4)	1.256.944.612.746	1.256.944.612.746	2.407.601.758.458	1.150.657.145.712	-	-
Cộng	1.771.755.748.123	1.771.755.748.123	2.465.377.661.744	1.202.095.163.344	508.473.249.723	508.473.249.723

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

- (1) Số dư vay theo hợp đồng vay số 02/2004/TDNN ngày 21/12/2004 ký giữa Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Hải Phòng và Cảng Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng), mục đích vay đầu tư thiết bị đối với dự án “Cải tạo nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II”, không có tài sản đảm bảo, lãi suất 1,3%/năm, kỳ trả gốc và lãi cuối cùng vào ngày 20/08/2029.

Tại thời điểm 31/12/2025, số dư nợ vay gốc Yên Nhật là: 627.426.800,00 JPY (tương đương 101.360.799.540 VND); Nợ dài hạn đến hạn trả là: 156.856.700,00 JPY (tương đương 25.340.199.885 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay (Tiếp):

- (2) Giá trị nhận nợ liên quan đến các tài sản là cầu cảng số 04, số 05 và bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và các khoản mục chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị được ghi nhận căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải (Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT).

Căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT và Biên bản về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần được ký giữa Tổ công tác Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và đại diện của Công ty vào ngày 10/10/2016, Công ty đã tạm thời điều chỉnh giá trị các tài sản, thiết bị nêu trên và ghi nhận giá trị khoản vay với tổng số tiền là 383,3 tỷ VNĐ (bao gồm 342,1 tỷ VNĐ là giá trị quyết toán của 02 cầu cảng, và 41,2 tỷ VNĐ là phần chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị thuộc dự án). Việc ghi nhận này đã được Công ty điều chỉnh hồi tố từ ngày 01/07/2014 (ngày Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần).

Đến thời điểm hiện tại, phương án vay và trả nợ vay (thời hạn vay, phương án trả nợ, lãi suất vay và các điều khoản đảm bảo), cũng như đồng tiền nhận nợ (Việt Nam Đồng hay Yên Nhật) chưa được các cơ quan quản lý Nhà nước phê duyệt tại thời điểm nhận nợ, vì thế, Công ty tạm ghi nhận các khoản vay này bằng Việt Nam Đồng và thực hiện trích trước chi phí lãi vay cho giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến thời điểm 31/12/2019 với lãi suất 9,5%/năm, cộng thêm chi phí cho vay lại là 0,2%/năm. Trong năm 2020, theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, Công ty đã tạm dừng trích chi phí lãi vay kể từ đầu năm 2020.

Tại văn bản số 8715/BTC-PLN ngày 23/07/2018 của Bộ Tài chính và Văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018 của Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng đã đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính về việc rà soát lại cơ sở ghi nhận giá trị đối với 02 cầu cảng và các nội dung khoản vay nêu trên và đồng ý chủ trương cho vay lại phần chi phí thiết bị tương tự cơ chế cho vay lại phần thiết bị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại văn bản số 1596/CP-QHQT ngày 25/10/2004. Cụ thể, lãi suất cho vay lại bằng Yên Nhật là 1,5%/năm. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Bộ Tài chính về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính (nếu cần thiết).

Ngày 11/11/2022, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 7642/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành yêu cầu Bộ GTVT chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng các phương án, thống nhất một phương án xử lý, quản lý khai thác cầu cảng số 4, số 5 thuộc bến cảng Chùa Vẽ, đảm bảo phù hợp với thực trạng tài sản, điều kiện quản lý khai thác cầu cảng và tuân thủ theo quy định của Pháp luật liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay (Tiếp):

Bộ GTVT đã có văn bản số 10882/BGTVT-TC ngày 28/9/2023 gửi Bộ Tài chính tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (thay thế Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018), trong đó Bộ GTVT có đề xuất bổ sung nội dung trong điều khoản chuyển tiếp của Nghị định đề trong trường hợp đề xuất được thông qua sẽ giải quyết được hình thức quản lý tài sản, tức là tài sản bên số 4,5 Cảng Chùa Vẽ được giao cho Cảng Hải Phòng quản lý, khai thác (không phải cho thuê). Ngày 24/12/2024, Văn phòng Chính phủ đã có thông báo số 569/TB-VPCP về việc kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại cuộc họp tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ về Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa. Theo đó, Phó Thủ tướng thống nhất về việc không quy định xử lý chuyển tiếp trong Nghị định đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hình thành từ nguồn vốn Nhà nước, đồng thời giao Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính khẩn trương báo cáo phương án xử lý.

- (3) Khoản vay theo hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 25772786/2024/HDCVDADT ký ngày 02/8/2024 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hải Phòng và Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng.

Thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên.

Mục đích vay: Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư dự án đóng mới tàu lai AZIMUTH được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Pháp luật, không bao gồm lãi vay phát sinh trong thời gian thực hiện dự án.

Lãi suất vay: Lãi suất được quy định theo hợp đồng và giấy nhận nợ.

Tài sản bảo đảm khoản vay: Tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có của khách hàng thuộc dự án đóng mới tàu AZIMUTH.

- (4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2023/203183/HĐTD ngày 24/11/2023. Trong Thời Hạn Rút Vốn, tổng số dư Khoản Vay được rút và Bảo Lãnh/L/C được phát hành tối đa là: Ba nghìn tám trăm hai mươi tỷ ba trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm nghìn (3.820.347.800.000) đồng và không vượt quá năm mươi lăm (55) phần trăm tổng vốn đầu tư Dự Án.

Thời hạn của các Khoản Vay theo Hợp Đồng này là một trăm tám mươi (180) tháng kể từ ngày tiếp theo Ngày Giải Ngân Đầu Tiên, trong đó thời gian ân hạn (nợ gốc) đối với các Khoản Vay là ba mươi sáu (36) tháng kể từ Ngày Giải Ngân Đầu Tiên ("Thời Gian Ân Hạn") và thời hạn rút vốn là ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày ký Hợp Đồng này ("Thời Hạn Rút Vốn"). Lãi suất là lãi suất thả nổi, điều chỉnh sau (6) tháng/lần. Lãi vay trả hàng quý. Các Khoản Vay/Bảo Lãnh/L/C sẽ được sử dụng để tài trợ các chi phí hợp lý (bao gồm lãi vay trong thời gian đầu tư được tính trong tổng mức đầu tư của Dự Án) đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay (Tiếp):

Khoản vay được đảm bảo bằng các hợp đồng đảm bảo sau:

- + Thửa đất có diện tích 436.460m² tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP Hải Phòng (nay là phường Hải An, TP Hải Phòng). Mục đích xây dựng Cảng Đình Vũ giai đoạn 2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB353850, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: CT00622 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 10/04/2012 cho Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng.
- + Thửa đất có diện tích 4.083,2m² tại số 8A Trần Phú phường Máy Tơ – Ngô Quyền – Hải Phòng (nay là Số 8A Trần Phú, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng). Mục đích xây dựng trụ sở làm việc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI201410, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: T00279 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 04/10/2007 cho Cảng Hải Phòng.

Căn cứ hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ nợ số 01/2025/25372905/HĐ ngày 26/04/2025 giữa ba bên, bao gồm Công ty CP Cảng Hải Phòng, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) và Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Cảng Hải Phòng (HTIT), Cảng Hải Phòng chuyển giao một phần nghĩa vụ nợ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2023/203183/HĐTD ngày 24/11/2023 giữa Cảng Hải Phòng và BIDV để thực hiện Phương án Hợp tác liên doanh để vận hành, khai thác Dự án bến container số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng. Đến ngày 31/12/2025, nghĩa vụ nợ mà Cảng Hải Phòng đã chuyển giao cho HTIT là 1.150.657.145.712 đồng.

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Ngắn hạn	8.601.618.474	8.601.618.474	19.395.117.699	19.395.117.699
- Công ty TNHH Hội An - Đại lý hãng Samudera Shipping	-	-	8.827.647.694	8.827.647.694
- Ocean Network Express Pte, Ltd	-	-	4.181.165.640	4.181.165.640
- Các khách hàng khác	8.601.618.474	8.601.618.474	6.386.304.365	6.386.304.365
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	8.601.618.474	8.601.618.474	19.395.117.699	19.395.117.699

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	245.681.607.927	226.889.277.936
- Chi phí lãi vay phải trả (*)	233.709.422.793	225.176.796.200
- Chi phí phải trả khác	11.972.185.134	1.712.481.736
b) Dài hạn	-	-
Cộng	245.681.607.927	226.889.277.936

(*) Chi phí lãi vay của khoản vay cho cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ và khoản vay gói thiết bị giai đoạn 2 bổ sung. Từ ngày 01/01/2020, Công ty đang tạm dừng trích chi phí lãi vay cho cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ, chi phí lãi vay phải trả tạm tính trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2019 là 182.515.816.097 VND.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 37.1).

21. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	101.660.159.743	126.260.245.580
- Kinh phí công đoàn	1.942.488.032	2.465.923.483
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	17.402.408	17.402.408
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.441.084.980	2.321.979.680
- Phải trả tiền ăn ca và phụ cấp độc hại	14.385.490.000	23.683.955.450
- Chi phí đền bù di dời Cảng Hoàng Diệu (*)	73.656.708.400	94.020.613.821
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.216.985.923	3.750.370.738
b) Dài hạn	-	-
Cộng	101.660.159.743	126.260.245.580

(*) Căn cứ các Quyết định, số 3983/QĐ-UBND và 3984/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND Quận Ngô Quyền về việc thu hồi đất; Quyết định số 3982/QĐ-UBND ngày 22/12/2023, 4274/QĐ-UBND ngày 28/12/2023, 347/QĐ-UBND ngày 15/3/2024 của UBND Quận Ngô Quyền về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng. Đến 31/12/2025, UBND Quận Ngô Quyền thực hiện chi trả cho Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng số tiền 331.269.792.422 đồng để Công ty đảm bảo thực hiện việc di dời cảng Hoàng Diệu, trong đó số tiền đền bù di dời tài sản là 94.435.813.821 đồng. Tại ngày 31/12/2025, số dư khoản chi phí đền bù di dời Cảng Hoàng Diệu là 73.656.708.400 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.730.857.220	5.353.167.082
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện	2.730.857.220	5.353.167.082
b) Dài hạn	95.307.634.428	-
- Doanh thu chưa thực hiện phát sinh từ giao dịch góp vốn bằng TSCĐ	95.307.634.428	-
Cộng	98.038.491.648	5.353.167.082

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***23. VỐN CHỦ SỞ HỮU****23.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	3.269.600.000.000	63.049.858.714	(613.301.691.109)	1.423.444.017.672	-	844.224.801.999	748.572.108.776	5.735.589.096.052
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	807.405.934.562	167.711.260.090	975.117.194.652
- Giảm vốn trong năm trước	-	(10.505.878.988)	-	-	-	-	-	(10.505.878.988)
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	369.255.708.253	-	(604.465.013.151)	(111.121.154.118)	(346.330.459.016)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	369.255.708.253	-	(369.255.708.253)	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(104.425.304.898)	(22.273.154.118)	(126.698.459.016)
+ Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(130.784.000.000)	(88.848.000.000)	(219.632.000.000)
- Tăng/giảm khác	-	1	-	10.505.878.988	-	(3.582.488.582)	(3)	6.923.390.404
31/12/2024	3.269.600.000.000	52.543.979.727	(613.301.691.109)	1.803.205.604.913	-	1.043.583.234.828	805.162.214.745	6.360.793.343.104
01/01/2025	3.269.600.000.000	52.543.979.727	(613.301.691.109)	1.803.205.604.913	-	1.043.583.234.828	805.162.214.745	6.360.793.343.104
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	823.192.770.648	161.281.724.971	984.474.495.619
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	(166.066.396)	-	(109.433.604)	(275.500.000)
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	301.394.421.743	-	(643.664.146.671)	(178.747.520.000)	(521.017.244.928)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	301.394.421.743	-	(301.394.421.743)	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(146.093.724.928)	(21.299.520.000)	(167.393.244.928)
+ Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(196.176.000.000)	(157.448.000.000)	(353.624.000.000)
- Tăng/giảm khác	-	-	-	-	-	(11.050.352.115)	3.956.906.265	(7.093.445.850)
31/12/2025	3.269.600.000.000	52.543.979.727	(613.301.691.109)	2.104.600.026.656	(166.066.396)	1.212.061.506.690	791.543.892.377	6.816.881.647.945

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, phường Ngô Quyền,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MÃ SỐ B09-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****23.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	Tỷ lệ %	31/12/2025 VND	Tỷ lệ %	01/01/2025 VND
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	92,56%	3.026.413.770.000	92,56%	3.026.413.770.000
- Vốn góp của các nhà đầu tư khác	7,44%	243.186.230.000	7,44%	243.186.230.000
Cộng	100%	3.269.600.000.000	100%	3.269.600.000.000

23.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
+ Vốn góp cuối năm	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	353.624.000.000	219.632.000.000

23.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2025 CP	01/01/2025 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	326.960.000	326.960.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	326.960.000	326.960.000
+ Cổ phiếu phổ thông	326.960.000	326.960.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	326.960.000	326.960.000
+ Cổ phiếu phổ thông	326.960.000	326.960.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****a) Tài sản thuê ngoài:**

- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 8A đường Trần Phú, phường Máy Tơ, TP. Hải Phòng (nay là số 8A đường Trần Phú, phường Ngô Quyền, TP. Hải Phòng) để sử dụng làm văn phòng Công ty từ năm 1993 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 4.083,2 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Công ty được UBND thành phố Hải Phòng giao đất theo quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 22/10/2007 tại số 23 đường Lương Khánh Thiện, TP. Hải Phòng (nay là số 23, đường Lương Khánh Thiện, phường Ngô Quyền, TP. Hải Phòng) để sử dụng với mục đích làm trụ sở Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng để phục vụ kiểm tra khám sức khỏe cho cán bộ nhân viên. Diện tích khu đất là 1.022 m². Thửa đất này không phải nộp tiền thuê đất hàng năm do phục vụ công ích.
- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 15 đường Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, TP. Hải Phòng (nay là đường Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, TP. Hải Phòng) để sử dụng với mục đích làm kho bãi từ năm 1993 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 6.472,7 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Công ty được UBND thành phố Hải Phòng giao thửa đất tại lô 15, đường Lê Hồng Phong, phường Đằng Lâm, quận Hải An, TP. Hải Phòng (nay là lô 15, đường Lê Hồng Phong, phường Hải An, TP. Hải Phòng) theo Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 12/07/2010 để sử dụng với mục đích làm văn phòng. Diện tích khu đất là 777 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Khu đất số 5 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải I, quận Hải An (nay là số 05 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải), là địa chỉ Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ, diện tích sử dụng là: 236.820,2 m². Khu đất này Công ty đang đầu tư xây dựng để khai thác hàng Container, hiện nay đã xây tường bao xung quanh, không có sự tranh chấp, sử dụng đúng mục đích chấp hành tốt quy định về luật đất đai.
- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 5 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng (nay là số 5 Cù Chính Lan, phường Hồng Bàng, TP. Hải Phòng) để sử dụng trụ sở Công ty TNHH MTV Đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng) từ năm 1993 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 1.225,4 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại KCN Đình Vũ giai đoạn II, phường Đông Hải II, quận Hải An, TP. Hải Phòng (nay là KCN Đình Vũ, phường Đông Hải, TP. Hải Phòng) để sử dụng làm Chi nhánh Cảng Tân Vũ theo Giấy chứng nhận số: BB 538580 cấp ngày 10/4/2012. Diện tích khu đất thuê là 436.460 m². Khu đất trên nằm trong khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải và được ưu đãi tiền thuê đất.
- Khu đất tại KCN Đình Vũ giai đoạn III, phường Đông Hải II, quận Hải An, TP. Hải Phòng (nay là KCN Đình Vũ, phường Đông Hải, TP. Hải Phòng) với diện tích là 74.244,3 m². Theo thông báo số 220/TB-UBND ngày 25/06/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cảng Đình Vũ giai đoạn III, hiện nay Công ty đang trình Sở Tài nguyên và Môi trường hồ sơ đề báo cáo UBND Thành phố Hải Phòng ra quyết định giao đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

b) Ngoại tệ các loại:

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
- Dollar Mỹ (USD)	2.797.271,28	1.074.276,81
- Euro (EUR)	5,14	5,14
- Yên Nhật (JPY)	1.593,00	1.593,00

c) Nợ khó đòi đã xử lý:

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Xử lý nợ theo các quyết định và nghị quyết của HĐQT	4.264.424.959	4.264.424.959

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Doanh thu	2.730.324.694.363	2.595.479.044.228
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.730.324.694.363	2.595.479.044.228
Cộng	<u>2.730.324.694.363</u>	<u>2.595.479.044.228</u>

b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 37.3

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.453.617.740.198	1.605.445.106.833
Cộng	<u>1.453.617.740.198</u>	<u>1.605.445.106.833</u>

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	80.942.304.464	87.430.995.180
- Lãi bán khoản đầu tư	-	22.353.074.996
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	160.000.000	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	21.264.293.001	29.207.754.066
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	11.767.864.016
- Doanh thu tài chính khác	221.981.700	3.155.984
Cộng	<u>102.588.579.165</u>	<u>150.762.844.242</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí lãi vay	23.031.999.143	7.105.158.670
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	14.966.085.040	12.742.931.867
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	4.404.911.076	-
- Hoàn nhập/Dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn	360.000.000	(1.320.000.000)
Cộng	42.762.995.259	18.528.090.537

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	293.733.072.351	253.198.425.586
- Chi phí nhân viên quản lý	178.411.181.394	159.990.185.888
- Chi phí vật liệu quản lý	1.329.538.435	1.964.882.762
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	9.201.686.566	7.358.339.508
- Chi phí dự phòng	1.772.088.879	1.527.000.234
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.175.373.657	11.212.723.560
- Chi phí bằng tiền khác	85.843.203.420	71.145.293.634
b) Các khoản chi phí bán hàng	461.552.000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	461.552.000	-
Cộng	294.194.624.351	253.198.425.586

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chênh lệch do đánh giá giá trị tài sản góp vốn	97.553.032.333	-
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ, CCDC	7.329.574.041	24.770.787.889
- Thu nhập từ bồi thường, tiền phạt đền bù thiệt hại tài sản	340.361.803	223.593.058.426
- Tiền điện cho thuê ngoài	4.348.078.724	1.323.828.341
- Các khoản khác	445.444.197	2.051.446.976
Cộng	110.016.491.098	251.739.121.632

31. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Các khoản bị phạt	17.184.651	11.972.112
- Giá trị còn lại, chi phí thanh lý TSCĐ	146.296.296	41.977.778
- Các khoản chi phí khác	3.018.649.403	1.795.706.623
Cộng	3.182.130.350	1.849.656.513

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	208.096.140.906	241.539.147.389
- Chi phí nhân công	841.295.727.938	953.257.145.243
- Khấu hao tài sản cố định	255.221.271.543	224.211.152.960
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	166.603.550.671	149.654.388.743
- Chi phí bằng tiền khác	274.823.584.612	223.378.276.966
- Chi phí dự phòng	1.772.088.879	66.603.421.118
Cộng	1.747.812.364.549	1.858.643.532.419

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	194.405.089.939	96.450.324.431
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	67.196.225.861	66.809.528.201
- Công ty Cổ phần Lai dắt và vận tải Cảng Hải Phòng	2.336.178.383	2.203.955.744
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	12.478.578.840	59.609.984.436
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Đào tạo và Kỹ thuật Cảng Hải Phòng	1.925.210.825	111.407.823
Cộng	278.341.283.848	225.185.200.635

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	823.192.770.648	807.405.934.562
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	326.960.000	326.960.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	2.518	2.469

35. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

36. CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Góp vốn bằng tài sản cố định	988.779.067.284	-
Chuyển giao nợ các khoản vay bằng hình thức chuyển giao tài sản	1.150.657.145.712	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***37. THÔNG TIN KHÁC****37.1 NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC**

Cầu cảng số 04 và số 05 bến cảng Chùa Vẽ là các hạng mục thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp cảng Hải Phòng giai đoạn II do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quyết định số 29/QĐ-TTg ngày 09/01/1999:

Chủ đầu tư: Bộ Giao thông Vận tải

Nguồn vốn đầu tư: vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ

- Ngày 25/03/2014, Thủ tướng Chính phủ có văn bản số 1966/TTg-KTN giao cho Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo, hướng dẫn Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng) thực hiện việc hạch toán tăng tài sản đối với giá trị của các cầu cảng số 4 và số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ (các Cầu cảng) theo quy định của pháp luật.
- Ngày 25/11/2015, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Quyết định số 4196/QĐ - BGTVT về việc phê duyệt quyết toán hoàn thành đối với Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng - Giai đoạn II và yêu cầu Công ty hoàn thành thủ tục vay đối với giá trị quyết toán của hai công trình nêu trên là 342,1 tỷ VND.
- Bên cạnh đó, Bộ Giao thông vận tải cũng giao cho Công ty báo cáo Bộ Tài chính về việc vay lại giá trị phần chi phí khác được phân bổ cho gói thiết bị của dự án với số tiền là 55,3 tỷ VND.
- Tuy nhiên, Công ty đã có văn bản báo cáo Bộ Tài chính về giá trị 55,3 tỷ VND này đã bao gồm tiền lãi vay vốn cho gói thiết bị là 14,1 tỷ VND. Công ty đã trả số tiền lãi này và đã có xác nhận của Ngân hàng Phát triển - Chi nhánh Hải Phòng số 425/TB-NHPT.HPH.TD3 ngày 16/11/2010. Do đó, Công ty chỉ ghi nhận chi phí khác cho gói thiết bị là: 41,14 tỷ VND.
- Theo đó, Công ty tạm ghi nhận giá trị của 02 cầu Cảng số 04, 05, bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ Cảng Hải Phòng và gói thiết bị với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt tại ngày 31/12/2015 là 279,7 tỷ VND và 133,81 tỷ VND căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ - BGTVT ngày 25/11/2015 của Bộ Giao thông Vận tải.
- Căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT ngày 25/11/2015 và Biên bản "Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần" được ký giữa Tổ công tác Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và đại diện của Công ty vào ngày 10/10/2016, Công ty đã tạm thời điều chỉnh giá trị các tài sản, thiết bị nêu trên và ghi nhận giá trị khoản vay với tổng số tiền là 383,3 tỷ VND (bao gồm 342,1 tỷ VND là giá trị quyết toán của 02 cầu cảng số 04, 05, bãi container cảng Chùa Vẽ và 41,2 tỷ VND là phần chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị thuộc dự án). Việc ghi nhận này đã được Công ty điều chỉnh hồi tố từ ngày 01/07/2014 (ngày Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần).

Các khoản phải thu, phải trả phát sinh từ dự án

- Theo các văn bản: Kết luận số 1134/KL-TTr ngày 06/12/2019 của Đoàn thanh tra Bộ Tài chính tại Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam; văn bản số 3910/BTC-TTr ngày 03/4/2020 của Bộ Tài chính về việc xử lý tạm nộp tiền khấu hao, trích trước lãi vay tài sản cầu cảng số 4, số 5 và bãi container Cảng Hải Phòng thì: Cảng Hải Phòng phải nộp đủ số tiền khấu hao và tạm trích trước chi phí lãi vay của tài sản cầu số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ từ thời điểm 01/7/2014 đến 31/12/2018 là 194.218.263.761 VND (trong đó tiền khấu hao là 44.887.141.500 VND và tạm trích trước chi phí lãi vay là 149.331.122.261 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

37.1 NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC (TIẾP)

- Công ty đã tạm nộp các khoản trên vào ngân sách Nhà nước và hạch toán vào:
 - + Phải thu khác đối với giá trị khấu hao của các tài sản này trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 số tiền là: 44.887.141.500 VND.
 - + Giảm số trích trước chi phí phải trả đối với chi phí lãi vay tạm trích với tổng số tiền là: 149.331.122.261 VND.
 - + Theo thông báo số 1101/TB-KTNN ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Kiểm toán Nhà Nước cho báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty, theo đó Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định điều chỉnh hồi tố Báo cáo Tài chính năm 2021 theo đó tăng số trích trước chi phí phải trả đối với chi phí lãi vay tạm trích với tổng số tiền là: 149.331.122.261 VND và tăng số Phải thu khác tương ứng.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 9 – Phải thu khác)

Cơ chế quản lý vận hành dự án và phương án trả nợ

- Thực hiện các ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty Hàng Hải, Công ty đã lập và trình phương án vay, trả nợ cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ với thời hạn 5 năm từ 2016 đến 2020. Phương án này đã được Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty Hàng hải chấp thuận, chuyển Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt. Sau nhiều lần làm việc giữa các bên, ngày 23/7/2018, Bộ Tài chính đã có văn bản số 8715/BTC-QLN trình Thủ tướng Chính phủ về việc hạch toán tăng tài sản và phương án vay, trả nợ cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ. Trong đó có kiến nghị rà soát các quy định của pháp luật trong việc cho Cảng Hải Phòng vay, trả nợ (chuyển giao tài sản công sang tài sản doanh nghiệp).
- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018, Bộ Giao thông Vận tải đã có văn bản số 638/TB-BGTVT ngày 05/12/2018 chỉ đạo Cảng Hải Phòng xây dựng phương án thuê khai thác cầu cảng 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ.
- Theo đó, Công ty đã xây dựng phương án thuê khai thác các tài sản này như sau:
 - + Thời điểm trước ngày 1/7/2014 (trước thời điểm cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng): cầu cảng số 04,05 và bãi container được giao cho Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng (doanh nghiệp nhà nước) quản lý khai thác.
 - + Thời điểm từ ngày 1/7/2014 đến 31/12/2019: Cho phép chỉ định Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng thuê quản lý, khai thác cầu cảng số 04,05 và bãi container. Giá cho thuê theo quyết định của Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính phê duyệt.
 - + Thời điểm từ ngày 01/01/2020 trở đi: Thực hiện theo quy định của Nghị định số 43/2018/NĐ-CP, thực hiện đấu giá cho thuê khai thác tài sản, kết cấu hạ tầng tại cầu cảng số 04,05 và bãi container do Nhà nước đầu tư.
- Ngày 20/02/2020, Bộ Giao thông Vận tải đã có thông báo số 56/TB-BGTVT thông báo kết luận về phương án quản lý, khai thác cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ. Hiện nay, Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông - Bộ Giao thông vận tải đang thực hiện các thủ tục báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Do đó, Công ty đã dừng trích khấu hao đối với các tài sản cố định thuộc dự án này và dừng ghi nhận lãi vay tương ứng để chờ quyết định chính thức của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.
- Ngày 28/10/2020, Bộ Giao thông vận tải đã có văn bản số 10855/BGTVT-KCHT gửi Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về việc báo cáo về hạch toán tăng tài sản và xây dựng phương án trả nợ vay, lãi vay đối với giá trị các cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

37.1 NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC (TIẾP)

- Sau khi nhận được văn bản số 765/CV-CHP ngày 18/03/2022 của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, ngày 29/03/2022, Bộ Giao thông vận tải đã có công văn số 2982/BGTVT-KCHT thông báo về việc Bộ Giao thông vận tải đã có các văn bản số 6114/BGTVT-KCHT ngày 28/06/2021, văn bản số 2426/BGTVT-KCHT ngày 15/03/2022 gửi Văn phòng Chính phủ đề nghị sớm tham mưu báo cáo Chính phủ Thủ tướng Chính phủ xem xét chỉ đạo về phương án trả nợ cầu cảng số 04, số 05 Cảng Chùa Vẽ theo các nội dung báo cáo tại văn bản số 10855/BGTVT-KCHT ngày 28/10/2020. Sau khi được Chính phủ cho ý kiến, Bộ Giao thông vận tải sẽ phối hợp với các cơ quan tổ chức liên quan để triển khai thực hiện theo quy định.
- Ngày 11/11/2022, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 7642/VPCP-CN yêu cầu Bộ Giao thông Vận tải chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng các phương án, thống nhất một phương án xử lý, quản lý khai thác cầu cảng số 4, số 5 thuộc bến cảng Chùa Vẽ, bảo đảm phù hợp thực trạng tài sản, điều kiện quản lý khai thác các cầu Cảng và tuân thủ theo quy định Pháp luật liên quan
- Ngày 08/6/2023, Cảng Hải Phòng đã có văn bản số 1674/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải nội dung liên quan đến cầu cảng số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ, làm cơ sở để Bộ Giao thông vận tải làm việc, thống nhất phương án xử lý với Bộ Tài chính. Theo đó Cảng Hải Phòng đề xuất phương án tiếp tục giao Cảng Hải Phòng được quản lý, khai thác các cầu cảng số 4, số 5 bến cảng Chùa Vẽ theo nội dung tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ.
- Ngày 17/11/2023, Cảng Hải Phòng đã có văn bản số 3939/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải, nội dung chính cụ thể:
 - + Cảng Hải Phòng đã có những buổi làm việc, phân tích cơ sở, tính khả thi và báo cáo đề xuất các Vụ, Cục thuộc Bộ Giao thông Vận Tải, Bộ Tài chính xem xét thống nhất phương án tăng tài sản cầu số 4, 5 bến cảng Chùa Vẽ tại doanh nghiệp như đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013, đồng thời tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
 - + Phương án xử lý phần chi phí khác phân bổ cho gói thiết bị cũng chưa được Bộ Tài chính xem xét xử lý do phải thực hiện sau khi Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến chỉ đạo về phương án quản lý, khai thác cầu cảng số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ.
- Ngày 4/4/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 84/2025/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải. Theo đó, Bộ Xây dựng đã ban hành Văn bản số 12000/BXD-KHTC ngày 21/10/2025 đề nghị Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP (VIMC) nghiên cứu, rà soát các phương thức khai thác, xử lý tài sản cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ bảo đảm phù hợp với thực trạng tài sản, điều kiện quản lý, khai thác các cầu cảng và tuân thủ quy định pháp luật. Đồng thời, Bộ Xây dựng yêu cầu Ban Quản lý dự án cảng Hải Phòng nghiên cứu ý kiến của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại Văn bản số 3878/CHP-TCKT về phân bổ chi phí cho gói thiết bị.
- Theo đó, VIMC đã chỉ đạo Người đại diện phần vốn của VIMC tại Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng nghiên cứu, rà soát xây dựng phương án khai thác, xử lý tài sản cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ. Trên cơ sở ý kiến của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, đánh giá ưu, nhược điểm của từng phương án, VIMC đã có Văn bản số 1753/HHVN-TCKT ngày 06/11/2025 báo cáo Bộ Xây dựng và Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam về các phương án quản lý khai thác tài sản bến số 4, số 5 Cảng Chùa Vẽ.
- Căn cứ nội dung buổi làm việc ngày 29/12/2025 giữa Bộ Xây dựng, VIMC và Cảng Hải Phòng, trên cơ sở đề xuất của Cảng Hải Phòng tại Văn bản số 5222/CHP-TCKT ngày 31/12/2025 về phương án xử lý tài sản bến số 4, bến số 5 Cảng Chùa Vẽ, VIMC đã có Văn bản số 16/HHVN-TCKT ngày 08/01/2026 cập nhật nội dung liên quan đến phương án xử lý tài sản bến số 4, bến số 5 Cảng Chùa Vẽ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

37.1 NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC (TIẾP)

- Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, chưa có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng. Căn cứ theo Điều 55 Luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 về việc văn bản pháp luật không được quy định hiệu lực trở về trước, việc ghi nhận chính thức tài sản và chi phí của cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ sẽ được thực hiện vào thời điểm cơ quan quản lý nhà nước quyết định hình thức quản lý đối với các tài sản này.

37.2 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

37.3. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan

- Công ty Vận tải biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam
- CN Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP - Công ty Kho bãi VIMC Hải Phòng
- Ban quản lý dự án chuyên ngành hàng hải VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP
- Công ty CP VIMC Logistics
- Công ty CP Vận tải container VIMC
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật - Việt

- Công ty TNHH Tiếp vận SITC Đình Vũ
- Công ty CP HPH Logistics
- Công ty CP Phát triển Hàng hải

- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ

Mối quan hệ

- Cùng Công ty mẹ

- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ

- Cùng Công ty mẹ

- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Công ty liên kết với Công ty mẹ
- Công ty liên kết
- Công ty liên kết
- Công ty con của Công ty CP Vận tải container VIMC
- Công ty con của Công ty CP Vận tải container VIMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

37.3. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thù lao Hội đồng quản trị, tiền lương Ban Giám đốc và các thành viên chủ chốt khác:

		Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thù lao Hội đồng quản trị		2.160.000.000	1.370.000.000
- Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT	-	-
- Ông Nguyễn Tường Anh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	360.000.000	240.000.000
- Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 15/4/2024)	-	-
- Ông Lương Đình Minh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 15/04/2024)	-	70.000.000
- Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 15/04/2024)	-	70.000.000
- Ông Đinh Văn Thạch	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 15/04/2024)	-	70.000.000
- Ông Nguyễn Cảnh Bình	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 15/04/2024)	-	70.000.000
- Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên HĐQT	360.000.000	170.000.000
- Bà Trịnh Thị Ngọc Biển	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/04/2025)	120.000.000	170.000.000
- Ông Lê Đông	Thành viên HĐQT	360.000.000	170.000.000
- Ông Vũ Đức Biên	Thành viên HĐQT	360.000.000	170.000.000
- Ông Đỗ Vũ Linh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/04/2025)	120.000.000	170.000.000
- Ông Lý Quang Thái	Thành viên HĐQT (Bỏ nhiệm từ 29/04/2025)	240.000.000	-
- Bà Lê Thị Ngọc Dung	Thành viên HĐQT (Bỏ nhiệm từ 29/04/2025)	240.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNGSố 8A Trần Phú, phường Ngô Quyền,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam**MẪU SỐ B09-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****37.3. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)***Thù lao Hội đồng quản trị, tiền lương Ban Giám đốc và các thành viên chủ chốt khác (Tiếp):*

		Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thù lao Ban Kiểm soát		360.000.000	240.000.000
- Bà Đào Thị Thu Hà	Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm từ 15/04/2024)	-	-
- Bà Trần Thị Thanh Hải	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-
- Ông Đồng Xuân Khanh	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 29/04/2025)	60.000.000	120.000.000
- Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên BKS (Bổ nhiệm từ 29/04/2025)	120.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên BKS	180.000.000	120.000.000
Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác		11.870.201.308	11.311.871.404
- Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT	2.550.239.492	2.038.895.011
- Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 15/04/2024)	-	382.760.000
- Ông Nguyễn Tường Anh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	2.464.409.255	1.998.532.751
- Ông Chu Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	1.848.140.275	1.450.459.390
- Ông Hà Vũ Hào	Phó Tổng Giám đốc	1.864.447.162	1.449.049.289
- Ông Ngô Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10/01/2025)	27.650.561	1.453.679.482
- Ông Phạm Tuấn Hải	Phó Tổng Giám đốc	-	-
- Bà Trần Thị Thanh Hải	Trưởng Ban Kiểm soát	1.424.157.608	1.235.333.393
- Bà Đào Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	1.691.156.955	1.303.162.088

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

37.3. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	250.501.768.807	58.295.152.404
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	21.547.618.266	33.736.173.638
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	24.100.944.912	7.989.186.638
- Công ty CP VIMC Logistics	2.318.777.940	1.502.495.000
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	142.710.000	8.150.000
- Công ty CP HPH Logistics	8.984.032.229	9.790.701.865
- Công ty Vận tải biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	-	120.296.188
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật - Việt	201.605.000	153.925.000
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	7.281.675.386	2.868.839.158
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	20.040.000	-
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC Đình Vũ	3.305.501.175	1.857.852.400
- Công ty CP Vận tải Container VIMC	3.227.328.615	267.532.517
- Công ty TNHH Cảng quốc tế TIL Cảng Hải Phòng	179.371.535.284	-
Mua dịch vụ	9.096.355.431	13.726.185.659
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	-	2.982.451.000
- Công ty CP HPH Logistics	1.037.492.466	655.927.964
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	31.866.000	346.765.645
- CN Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	2.546.208.733	3.093.569.760
- Công ty Kho bãi VIMC Hải Phòng	-	-
- Công ty CP Đầu tư Cảng Cái Lân	-	728.220.000
- Ban QLDA chuyên ngành hàng hải VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	5.480.788.232	5.919.251.290

37.4. NỢ TIỀM TANG

Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đang ghi nhận tại chi tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 133,81 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chi tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ.

Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước một số khoản có liên quan đến dự án nêu trên, bao gồm: khấu hao của các tài sản thuộc cầu cảng 04, 05 và bãi container cảng Chùa Vẽ trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 là 44,8 tỷ đồng, chi phí lãi vay tạm trích trước là 149,3 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

37.4 NỢ TIỀM TÀNG (TIẾP)

Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã dừng trích khấu hao, dừng ghi nhận chi phí lãi vay kể từ ngày 01/01/2020 đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ để chờ được phê duyệt phương án quản lý chính thức đối với các tài sản này. Ngày 8/6/2023, Công ty đã có văn bản số 1674/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải đề xuất phương án tiếp tục giao Cảng Hải Phòng được quản lý, khai thác các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ theo nội dung tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Sau đó, Bộ GTVT và Bộ Tài chính đã nghiên cứu phương án trình Chính phủ thông qua việc sửa đổi Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/03/2018 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải để có thể giải quyết dứt điểm vướng mắc này.

Ngày 27/12/2024, Cảng Hải Phòng ra Nghị quyết số 168/NQ-CHP về việc tiếp tục trích khấu hao đối với các tài sản bến số 4, số 5 Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ. Theo đó, Cảng Hải Phòng tiến hành tính toán, điều chỉnh lại mức khấu hao/năm, thực hiện tiếp tục trích khấu hao từ thời điểm 01/01/2024 và thời điểm kết thúc khấu hao là tháng 4 năm 2043. Chi phí khấu hao hàng năm, tính từ năm 2024 là 8,3 tỷ đồng (so với chi phí khấu hao trích trong giai đoạn trước năm 2020 là 6,74 tỷ đồng/năm).

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, chưa có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ của Công ty. Khi cơ quan quản lý Nhà nước có quyết định chính thức về hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, Công ty sẽ ghi nhận chi phí kể từ thời điểm cơ quan quản lý Nhà nước ra quyết định.

37.5 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng đã được kiểm toán.

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Hà

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG HẢI PHÒNG**

Số: 440 /CHP-TCKT

“V/v giải trình biến động kết quả
kinh doanh năm 2025”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày 05 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến Báo cáo tài chính theo Điều 14 Khoản 4 Chương III Thông tư 96/2020/TT-BTC về công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn, Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng - Mã chứng khoán PHP) giải trình biến động kết quả kinh doanh trong Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán với năm 2024 như sau:

	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Biến động	
				Giá trị	Tỷ lệ
1	Lợi nhuận sau thuế BCTC riêng	979.629.760.627	642.427.050.347	337.202.710.280	52,49%
2	Lợi nhuận sau thuế BCTC hợp nhất	984.474.495.619	975.117.194.652	9.357.300.967	0,96%

Biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng

Lợi nhuận sau thuế Báo cáo tài chính riêng năm 2025 tăng 52,49% so với năm 2024 chủ yếu là do các nguyên nhân:

- Doanh thu bốc xếp tăng so với cùng kỳ năm 2024.
- Cảng Hải Phòng ghi nhận thu nhập khác từ chênh lệch do đánh giá giá trị tài sản góp vốn đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh.

Trân trọng./.

Nơi nhận: 

- Như kính gửi;
- HDQT Cty (để b/cáo);
- Lưu VT, P.TCKT.



Nguyễn Tường Anh



TỜ TRÌNH
Phân phối lợi nhuận sau thuế và chi trả cổ tức năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 17/6/2025;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự của Quốc hội, số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Công ty) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025 của Công ty như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

STT	Nội dung	Dự kiến PPLN năm 2025 (VNĐ)	Tỷ lệ % các quỹ được chia/LNST được phân phối
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2025	1.173.235.182.859	
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	979.629.760.627	

2.1	<i>Trong đó: Lợi nhuận sau thuế từ đánh giá tài sản góp vốn (chưa phát sinh dòng tiền nhận được)</i>	245.789.889.258	
3	Lợi nhuận của năm trước chưa phân phối	89.159.188.856	
4	Thuế TNDN hoãn lại	799.677.707	
5	Tổng lợi nhuận được phân phối (5=2+3-4)	1.067.989.271.776	
6	Vốn điều lệ	3.269.600.000.000	
7	Chia cổ tức (7 = 6 x 9%)	294.264.000.000	27,55%
8	Trích quỹ đầu tư phát triển (8=(2-2.1)*30%+2.1)	465.941.850.669	43,63%
9	Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	64.392.000.000	6,03%
10	Trích quỹ Thưởng người quản lý	1.799.000.000	0,17%
11	Trích Nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động nghỉ hưu trước tuổi và chấm dứt hợp đồng lao động	12.000.000.000	1,12%
12	LNST để lại chưa phân phối (12=5-7-8-9-10-11+4)	230.392.098.814	

2. Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025

- Hình thức chi trả: *Bằng tiền*

- Tỷ lệ chi trả cổ tức là 9% vốn điều lệ, vượt so với kế hoạch chi trả cổ tức 4% mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua ngày 29/4/2025.

- Giao cho Hội đồng quản trị căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty chỉ đạo hoàn thành việc chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: TKCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Phạm Hồng Minh



TỜ TRÌNH

Quy trình lương, thù lao thực hiện năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự của Quốc hội, số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022;

Luật sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2024 số 56/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Căn cứ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng,

Căn cứ Quy chế quản trị nhân sự và các văn bản sửa đổi của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng, hệ thống lương 3P và mức lương thực hiện năm 2025 của Người lao động Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy trình lương, thù lao thực hiện năm 2025 và kế hoạch

năm 2026 của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) Cảng Hải Phòng như sau:

1. Thực hiện năm 2025:

a. Mức tiền lương thực hiện

- Lợi nhuận thực hiện năm 2024: 738.078 triệu đồng
- Lợi nhuận thực hiện năm 2025: 1.173.235 triệu đồng, tăng 21,26% so với kế hoạch (967.500 triệu đồng), trong đó lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính là 657.953 triệu đồng, tăng 62,27% tương ứng tăng 252.501 triệu đồng so với năm 2024 (405.452 triệu đồng).

Theo báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại người đại diện phần vốn của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam tại Cảng Hải Phòng về thực hiện các chỉ tiêu KPI của Cảng Hải Phòng năm 2025 là hoàn thành tốt các nhiệm vụ VIMC giao.

Theo Khoản 1, Khoản 2, Điều 3, Chương 2, Phụ lục 05 Quy chế quản trị nhân sự của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng ban hành kèm theo quyết định số 3354/QĐ-CHP ngày 30/7/2025 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng, mức lương thực hiện của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được xác định như sau:

- Mức tiền lương của Chủ tịch HĐQT: $140 \text{ triệu} \times 1,15 \times 1,20 \times 1,10 = 212,520$ triệu đồng
- Mức tiền lương của Trưởng ban Kiểm soát: $86 \text{ triệu} \times 1,15 \times 1,20 = 118,680$ triệu đồng

b. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách

Quỹ thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách: 2.520 triệu đồng (bằng quỹ thù lao kế hoạch), trong đó:

- Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách: 30.000.000 đ/người/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách: 15.000.000 đ/người/tháng

2. Kế hoạch năm 2026

Kế hoạch Doanh thu KDCB năm 2026: 2.212.130 triệu đồng, tăng 27,7% so với thực hiện năm 2025 (1.732.726 triệu đồng). Trên cơ sở tỷ lệ tăng Doanh thu KDCB năm 2026 so với năm 2025, hệ số trả lương 3P theo công việc và mức tiền lương tương đồng giữa các chức danh quản lý của các Cảng trong khu vực, chỉ số CPI năm 2026, Cảng Hải Phòng xác định quỹ tiền lương của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban kiểm soát như sau:

a. Mức tiền lương kế hoạch của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Tổng Doanh thu: 2.425.000 triệu đồng

Doanh thu KDCB: 2.212.130 triệu đồng

Lợi nhuận trước thuế: 1300.000 triệu đồng

- Mức lương thực hiện năm 2025 của Chủ tịch HĐQT: 212,520 triệu đồng
- Mức lương kế hoạch của Chủ tịch HĐQT: 250 triệu đồng/người-tháng.
- Mức lương kế hoạch của Phó Chủ tịch HĐQT: 210 triệu đồng/người-tháng.
- Mức lương kế hoạch của Trưởng ban Kiểm soát: 150 triệu đồng/người/tháng

b. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không chuyên trách

- Thành viên HĐQT không chuyên trách: 35.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên BKS không chuyên trách: 20.000.000 đồng/người/tháng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: TCTL, TKCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Phạm Hồng Minh



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020; Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty;

Căn cứ các Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán;

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (BKS) trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) tình hình hoạt động, kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng/Công ty), Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban điều hành (BDH) năm 2025, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của BKS năm 2026 như sau:

PHẦN I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

1. Nhân sự Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Thời điểm được bầu giữ chức danh gần nhất
1	Trần Thị Thanh Hải	Trưởng BKS	15/4/2024
2	Nguyễn Thị Hằng	Thành viên BKS	15/4/2024
3	Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên BKS	29/4/2025

2. Các hoạt động chủ yếu của Ban kiểm soát năm 2025

BKS thực hiện giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng giám đốc (TGD) và kiểm tra các hoạt động SXKD, đầu tư của Cảng Hải Phòng. Các hoạt động trọng tâm đã thực hiện như sau:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2025 của ĐHĐCĐ Cảng Hải Phòng;

- Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết ĐHĐCĐ, việc chấp hành Điều lệ Công ty, pháp luật của Nhà nước và các quy phạm nội bộ của Cảng Hải Phòng đối với hoạt động của HĐQT, công tác quản lý điều hành của TGD.

- Thẩm định báo cáo tài chính riêng, hợp nhất bán niên và báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính; đánh giá tính phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các chính sách quy định pháp luật có liên quan.

- Tham gia ý kiến với HĐQT, TGD về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty và các đơn vị trực thuộc, góp phần tăng cường hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, kiểm soát chi phí hợp lý.

3. Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên Ban kiểm soát

- Với tinh thần trách nhiệm và thể hiện tính độc lập khách quan, BKS đã đóng góp ý kiến thẳng thắn với HĐQT, BĐH khi phát hiện ra sai sót cũng như các hoạt động có tiềm ẩn rủi ro.

- Các thành viên BKS đã hoạt động tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế BKS Công ty.

- Từng thành viên đã hoàn thành nhiệm vụ giám sát, kiểm tra, đánh giá các nội dung công việc theo phân công một cách nghiêm túc, trung thực. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các thành viên BKS thường xuyên trao đổi, phối hợp, hỗ trợ các thành viên còn lại để thực hiện công việc đạt kết quả khách quan, hiệu quả.

- Trong năm 2025, BKS không nhận được yêu cầu kiểm tra của cổ đông.

- BKS xem xét đầy đủ, kỹ lưỡng và thận trọng các nội dung xin ý kiến của HĐQT, BĐH để có kiến nghị cần thiết, kịp thời, đáp ứng được tiến độ công việc chung của Công ty, trong đó tập trung chính vào các lĩnh vực hoạt động SXKD, đầu tư, quản trị điều hành v.v... Điều này thể hiện tinh thần trách nhiệm cao của các thành viên BKS vì lợi ích của cổ đông, người lao động và Nhà nước.

4. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025

- Trưởng BKS hoạt động theo chế độ chuyên trách: hưởng lương theo chế độ của Cảng Hải Phòng.

- Các thành viên BKS không chuyên trách: hưởng thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

- Chi phí hoạt động của BKS: Tuân thủ theo quy định và quy chế chi tiêu nội bộ của Cảng Hải Phòng.

PHẦN II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2025

1. Kết quả giám sát các hoạt động của HĐQT

Ngày 14/5/2025, HĐQT Cảng Hải Phòng ban hành Nghị quyết số 85/NQ-CHP về việc phê duyệt chỉ tiêu BSC-KPI năm 2025 của Cảng Hải Phòng. Nghị quyết đưa ra những nhiệm vụ trọng tâm về công tác thị trường, khách hàng, tài chính, quy trình nội bộ

và chuyển đổi số,..... Trong năm, HĐQT đã chỉ đạo triển khai Nghị quyết nhằm hoàn thành chương trình đã xây dựng, cụ thể:

- HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp và nhiều cuộc họp trực tuyến, ban hành 273 văn bản lấy ý kiến để thực hiện kế hoạch ĐHCĐ giao và chỉ đạo Tổng Giám đốc triển khai thực hiện các Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Các cuộc họp HĐQT đảm bảo đủ điều kiện theo quy định, các thành viên HĐQT tham gia các cuộc họp đảm bảo theo quy định. Tại các cuộc họp cũng như trao đổi qua thư tín, các thành viên HĐQT đã góp ý xây dựng hoặc phản biện về các vấn đề thuộc phạm vi thẩm quyền, trách nhiệm của HĐQT nhằm đưa ra những định hướng, chủ trương phù hợp với tình hình phát triển chung của Công ty và sự biến động của các yếu tố khách quan. Đối với nội dung họp (hoặc xin ý kiến) mà thành viên HĐQT có liên quan thì không thực hiện biểu quyết (hoặc cho ý kiến) để đảm bảo tính độc lập, không xung đột về lợi ích.

- Trên cơ sở nội dung các cuộc họp và thông qua việc xin ý kiến bằng văn bản, Hội đồng quản trị đã ban hành 198 Nghị quyết liên quan đến các vấn đề SXKD, công tác đầu tư, công tác tổ chức nhân sự và công tác đổi mới doanh nghiệp nhằm triển khai thực hiện kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao. Các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT được ban hành đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.

- HĐQT thường xuyên chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các nghị quyết và các công việc HĐQT ủy quyền cho Tổng Giám đốc, yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo định kỳ và đợt xuất các kết quả đạt được cũng như các khó khăn đang gặp phải; Giám sát chặt chẽ việc triển khai các dự án đầu tư; Chỉ đạo Tổng giám đốc đưa ra các giải pháp để tăng cường năng lực cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu của khách hàng một cách tốt nhất để duy trì và mở rộng thị phần, khắc phục khó khăn nhằm đạt các mục tiêu đề ra. Hoạt động giám sát, quản trị rủi ro của HĐQT được tăng cường hiệu quả hơn thông qua các hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ.

2. Kết quả giám sát các hoạt động của Ban điều hành

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT trong năm 2025, BDH đã triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của HĐQT để đạt mục tiêu do ĐHCĐ giao, cụ thể:

- Đẩy mạnh triển khai các giải pháp trong công tác thị trường mở rộng các dịch vụ để nâng cao năng lực cạnh tranh, tổ chức điều hành sản xuất cơ bản đảm bảo năng suất, an toàn lao động và tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ, quản lý tốt các mặt công tác. Đẩy nhanh tiến độ ứng dụng công nghệ số trong khai thác và chăm sóc khách hàng. Tuy sản lượng không đạt chỉ tiêu kế hoạch nhưng do tổ chức thực hiện quản lý các hạng mục chi phí hiệu quả Công ty mẹ đã hoàn thành vượt chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận so với kế hoạch đề ra. Với kết quả hợp nhất Công ty chưa hoàn thành chỉ tiêu do ĐHCĐ giao.

- Công tác đầu tư được triển khai theo lộ trình, các gói thầu của Dự án đầu tư bến 3, 4 Cảng Lạch Huyện được thi công khẩn trương và đến tháng 4/2025 đưa dự án vào khai thác

giai đoạn 1, do dự án thực hiện chậm hơn so với kế hoạch nên dự kiến năm 2026 sẽ bàn giao toàn bộ.

Các thủ tục triển khai mua sắm 04 chiếc cần trục giàn xếp dỡ container (bao gồm 02 chiếc thuộc Dự án mua sắm 02 cần trục giàn xếp dỡ container (QC) tại Cảng Tân Vũ và 02 chiếc thuộc Dự án cải tạo cầu tàu số 1 và đầu tư 02 cần trục giàn xếp dỡ container (STS) của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ thực hiện chậm so với kế hoạch đề ra.

Các dự án đầu tư trong tương lai được nghiên cứu, thảo luận và tham vấn ý kiến chuyên môn để đảm bảo đầu tư hiệu quả trên cơ sở cơ cấu lại nguồn vốn.

- Tình hình trật tự, an ninh trong Cảng được giữ vững. Thu nhập, đời sống của CBCNV toàn Cảng được đảm bảo và ổn định.

- Thực hiện các hợp đồng, giao dịch với người có liên quan đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật. Cảng Hải Phòng đã công bố thông tin các giao dịch này tại báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025 theo quy định về quản trị công ty đại chúng. Báo cáo này được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Cảng Hải Phòng và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định.

- Việc thực hiện công bố thông tin được thực hiện tuân thủ quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Năm 2025, Cảng Hải Phòng hoàn thành tương đối các chỉ tiêu nhiệm vụ BSC-KPI năm 2025 của Cảng Hải Phòng theo Nghị quyết số 85/NQ-CHP ngày 14/5/2025.

Riêng chỉ tiêu sản lượng container công ty mẹ chỉ đạt 85,8% kế hoạch năm, chỉ tiêu sản lượng container hợp nhất chỉ đạt 86,62% kế hoạch năm, chỉ tiêu doanh thu hợp nhất chỉ đạt 80,63% kế hoạch năm, chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế hợp nhất chỉ đạt 92,92% kế hoạch năm.

3. Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành với Ban kiểm soát

- BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, BDH trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. BKS được cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty, được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp khác.

- Các ý kiến đóng góp kịp thời của BKS đối với hoạt động của HĐQT, BDH được ghi nhận.

- Sự phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT, BDH và BKS góp phần tăng cường hiệu quả kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro trong Công ty.

PHẦN III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2025

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh

BKS thống nhất với Báo cáo của HĐQT, BDH về tình hình SXKD năm 2025 của Cảng Hải Phòng với các chỉ tiêu như sau:

**Các chỉ tiêu kinh doanh Công ty mẹ:*

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện năm 2025	Thực hiện năm 2024	So sánh TH/KH (%)	So sánh 2025/2024 (%)
1	Sản lượng, trong đó	Tấn	27.920.000	23.290.000	23.566.000	83,42%	98,83%
	- Container	TEUS	1.446.000	1.240.700	1.273.214	85,80%	97,45%
2	Doanh thu, trong đó	Tr.đồng	2.269.000	2.315.334	1.729.863	102,04%	133,84%
	- DT khai thác	- nt -	1.856.720	1.732.726	1.373.822	93,32%	126,12%
3	Lợi nhuận trước thuế. Trong đó:	Tr.đồng	967.500	1.173.235	738.078	121,26%	158,96%
	- Lợi nhuận khai thác Cảng	- nt -	614.920	657.964	405.453	107,00%	162,28%

**Các chỉ tiêu kinh doanh hợp nhất:*

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện năm 2025	Thực hiện năm 2024	So sánh TH/KH (%)	So sánh 2025/2024 (%)
1	Sản lượng, trong đó	Tấn	49.500.000	42.672.000	39.902.000	86,21%	106,94%
	-Container	TEUS	2.393.000	2.072.723	1.846.338	86,62%	112,26%
2	Doanh thu	Tr.đồng	3.650.000	2.942.930	2.997.981	80,63%	98,16%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	1.353.000	1.257.174	1.199.846	92,92%	104,78%

**Đánh giá thực hiện:*

Năm 2025, hoạt động SXKD của Cảng Hải Phòng phải đối mặt với nhiều thách thức từ tình hình chính trị trên thế giới, ảnh hưởng của chính sách thương mại và thuế quan của Tổng thống Mỹ, đặc biệt tình hình cạnh tranh gay gắt giữa các cảng trong khu vực Hải Phòng khi Cảng Nam Đình Vũ với việc hoàn thành độ sâu luồng xuống (-8,5m) và có thể đón được các tàu có tải trọng lớn đến trên 40.000DWT vào khai thác. Trong năm 2025 Cảng Hải Phòng đã tiến hành dự án nâng cấp sâu luồng xuống (-8,5m) khu vực thượng lưu cảng Nam Đình Vũ đến thượng lưu cảng Đình Vũ và mở rộng vùng quay tàu hiện hữu, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại vẫn chưa hoàn thành do tuyến luồng của Viconship thực hiện chậm đã làm ảnh hưởng đến việc hoàn thành tuyến luồng của Cảng Hải Phòng.

Bên cạnh đó, việc Thành phố Hải Phòng tiến hành thu hồi đất tại khu vực Hoàng Diệu đã tác động không nhỏ đến hiệu quả SXKD chung của Cảng Hải Phòng. Trong khi

đó các cảng cạnh tranh trong khu vực đẩy mạnh việc tái cơ cấu và chuyển đổi công năng nhằm để thu hút hàng của Cảng khi khu vực Hoàng Diệu bị di dời.

Năm 2025, chỉ tiêu sản lượng Công ty mẹ thực hiện không đạt kế hoạch và thấp hơn cùng kỳ năm 2024, chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận tại Công ty mẹ thực hiện vượt kế hoạch và cao hơn so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân là do trong năm 2025 Cảng Hải Phòng có doanh thu lớn, ngoài ra Công ty còn ghi nhận khoản từ tiền chênh lệch do đánh giá lại giá trị tài sản góp vốn 307,2 tỷ đồng (*Trong đó chênh lệch do đánh giá lại giá trị tài sản góp vốn Công ty TNHH MTV cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ 115,04 tỷ đồng, chênh lệch do đánh giá lại giá trị tài sản góp vốn vào liên doanh Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Cảng Hải Phòng 192,2 tỷ đồng*), thực hiện thanh lý nhượng bán công cụ dụng cụ (25,01 tỷ đồng).

Năm 2025, chỉ tiêu sản lượng hợp nhất cao hơn so với cùng kỳ năm 2024, nhưng chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch. Mặt khác, Công ty có các biện pháp tổ chức khai thác ngày càng hợp lý từ ứng dụng công nghệ thông tin và kiểm soát chi phí hiệu quả.

- Thu nhập, đời sống của CBCNV toàn Cảng được đảm bảo và ổn định.
- Công ty thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế theo đúng các quy định pháp luật.

2. Về công tác đầu tư, mua sắm, xây dựng cơ bản

Năm 2025, Công ty tiếp tục việc hoàn thành các dự án chuyển tiếp từ năm 2024 và triển khai một số công việc trọng điểm trong công tác đầu tư nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu phục vụ sản xuất. Kết quả thực hiện công tác đầu tư năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Dự án đầu tư	Đơn vị	Kế hoạch năm 2025	Giải ngân năm 2025	Thực hiện năm 2025	So sánh TH/KH (%)
- Đầu tư cơ sở hạ tầng	Tr.đồng	110.401	19.055	43.619	39,51%
- Đầu tư mua sắm thiết bị	Tr.đồng	128.990	23.789	27.062	20,98%
- Công nghệ thông tin	Tr.đồng	8.017	4.670	4.808	59,97%
- DA đầu tư mở rộng cảng	Tr.đồng	3.045.451	2.904.715	2.256.219	74,08%
Tổng cộng		3.292.859	2.952.229	2.331.708	70,81%

Các dự án cụ thể như Báo cáo của HĐQT tại Đại hội.

** Đánh giá thực hiện:*

- Quá trình thực hiện các dự án, công trình đầu tư tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Một số dự án chiều sâu nâng cao năng lực khai thác tại Công ty chưa đảm bảo kế hoạch. Thủ tục triển khai mua sắm 04 chiếc cần trục giàn xếp dỡ container (bao gồm 02 chiếc thuộc Dự án mua sắm 02 cần trục giàn xếp dỡ container (QC) tại Cảng Tân Vũ và 02 chiếc thuộc Dự án cải tạo cầu tàu số 1 và đầu tư 02 cần trục giàn xếp dỡ container (STS) của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ thực hiện chậm so với kế hoạch đề ra vì vậy cần phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận để thực thi đúng quy định pháp luật và đảm bảo tính kịp thời cho SXKD.

Dự án mở rộng Cảng, đầu tư xây dựng bến số 3, số 4 Cảng Lạch Huyện thực hiện chậm hơn so với kế hoạch đặt ra đầu năm nguyên nhân do năng lực của các nhà thầu yếu đã không đảm bảo đúng tiến độ triển khai đề ra và 1 phần chủ quan trong việc giám sát, quản lý thực hiện dự án, tuy nhiên HĐQT đã đặt ra các mục tiêu và đưa dự án vào khai thác trong tháng 4/2025, dự kiến dự án được bàn giao toàn bộ trong năm 2026.

Khối lượng thực hiện các dự án đầu tư của Công ty mẹ trong năm 2025 là 2.331,708 tỷ đồng, đạt 70,81% kế hoạch năm 2025 (3.292,859 tỷ đồng) và tổng số giải ngân là 2.952,229 tỷ đồng.

3. Về đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp

- Trong năm 2025, Công ty đã triển khai dự án góp vốn thành lập Công ty TNHH SITC logistics Service (Hải Phòng) có vốn điều lệ là 20.000.000 USD (*trong đó: Cảng Hải Phòng góp 4.000.000 USD tương đương 20% VDL, Công ty TNHH SITC Logistics (HK) góp 12.800.000 USD tương ứng 64% VDL và Công ty TNHH SITC Đình Vũ góp 3.200.000 USD tương ứng 16% VDL*)

Trong năm 2025, Cảng Hải Phòng đã tiếp tục góp vốn vào đơn vị với tổng giá trị là 3.400.000 USD (Ba triệu bốn trăm nghìn đô la Mỹ) tương đương 51.141.200.000 đồng.

- Theo thỏa thuận thành viên ngày 02/05/2024 giữa Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng và Công ty Global Terminal limited Sàrl về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Cảng Hải Phòng trong đó tỷ lệ vốn góp của Cảng Hải Phòng là 51%, hai bên có quyền tương đương nhau trong việc quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Cảng Hải Phòng. Tại thời điểm 31/12/2025 Cảng Hải Phòng đã thực hiện góp vốn là 990.093.997.089 đồng, trong đó góp vốn bằng tiền là 1.314.929.805 đồng.

- Đối với công tác góp vốn tăng vốn điều lệ vào Công ty CP Lai dất và vận tải Cảng Hải Phòng đã thực hiện góp 16,2 tỷ đồng vào tháng 05 năm 2025.

- Đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng số tiền là 31,5 tỷ đồng.

- Thành lập Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ với vốn điều lệ là 306 tỷ đồng.

4. Về công tác thoái vốn

- Việc thoái vốn tại SPL, VIMC Logistics chưa được thực hiện trong năm 2025 do chưa đạt được kỳ vọng.

- Việc thực hiện giải thể Công ty cổ phần Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng: Ngày 05/10/2023 Công ty đã có đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản gửi Tòa án nhân dân Quận Ngô Quyền - Thành phố Hải Phòng và đã được Tòa án nhận đơn thụ lý.

Đến nay do việc sáp nhập các Tòa án và địa danh hành chính, Công ty đang tiếp tục liên hệ để làm việc với Tòa án nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thành phố Hải Phòng về việc xem xét thủ tục phá sản của Công ty.

- Đối với Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng nằm trong vị trí di dời của Thành phố Hải Phòng, công ty đã nhận tiền đền bù với tổng số tiền là 113,86 tỷ đồng và đang tiến hành các thủ tục liên quan đến giải thể công ty.

5. Về công tác phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024

Cảng Hải Phòng đã hoàn thành việc phân phối và hạch toán các quỹ theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã thông qua.

6. Về quỹ tiền lương, thù lao năm 2025

Quỹ tiền lương kế hoạch của Chủ tịch HĐQT chuyên trách là 2.318,4 triệu đồng, thực hiện là 2.550,2 triệu đồng bằng 110% so với kế hoạch. Quỹ tiền lương thực hiện tăng so với kế hoạch do lợi nhuận thực hiện tăng so với kế hoạch.

Quỹ tiền lương kế hoạch của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách là 1.424,1 triệu đồng, thực hiện là 1.424,1 triệu đồng bằng 100% so với kế hoạch.

Tổng thù lao của HĐQT, BKS không chuyên trách kế hoạch là 2.520 triệu đồng, thực hiện là 2.520 triệu đồng, bằng 100% so với kế hoạch.

Công ty không xây dựng Quỹ tiền lương kế hoạch của Ban Điều hành mà trên cơ sở tương quan mức lương 3P của Chủ tịch HĐQT để xác định tiền lương cho các thành viên Ban điều hành. Tổng mức tiền lương thực hiện của Tổng Giám đốc là 2.464,4 triệu đồng, Phó Tổng giám đốc là 1.779 triệu đồng, Kế toán trưởng là 1.645,1 triệu đồng.

7. Về lựa chọn đơn vị kiểm toán, kiểm toán Báo cáo tài chính

HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 113/NQ-CHP ngày 30/06/2025 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY là đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Cảng Hải Phòng. Việc lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp với các tiêu chí đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cảng Hải Phòng đã thực hiện công bố thông tin đúng quy định.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đã thực hiện hoạt động soát xét Báo cáo tài chính bán niên và hoạt động kiểm toán Báo cáo tài chính năm của Cảng Hải Phòng phù hợp với điều khoản mà hai bên đã ký kết.

PHẦN IV. KẾT QUẢ CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Nhận xét chung về Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đã được lựa chọn thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

- Các Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 đã được lập trên cơ sở lựa chọn chính sách kế toán thích hợp, phản ánh đầy đủ, trung thực, phù hợp với tình hình SXKD của Công ty và tuân thủ các quy định, các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam.

- Ý kiến của kiểm toán viên:

Kiểm toán viên nêu vấn đề cần nhấn mạnh về nội dung liên quan đến việc ghi nhận chỉ tiêu “Tài sản cố định hữu hình” và “Vay và nợ thuê tài chính dài hạn” trên bảng cân đối kế toán liên quan đến các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ và hồ sơ phê duyệt quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa đang chờ các quyết định phê duyệt chính thức của các cơ quan có thẩm quyền nêu tại trang 05 Báo cáo kiểm toán. Phần thuyết minh liên quan đến các tài sản nêu trên được trình bày ở mục 36.1 - Những thông tin tài chính khác, từ trang 47 đến trang 50 trên Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã kiểm toán.

Ngoại trừ ảnh hưởng vấn đề nêu tại đoạn “Vấn đề cần nhấn mạnh”, các Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng và hợp nhất của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất.

- **Ý kiến của BKS:** Ý kiến của kiểm toán viên phù hợp với Luật kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.

Tuy nhiên việc trích khấu hao tài sản cố định bến số 4, số 5 và bãi container Cảng Chùa Vẽ khi chưa có quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền sẽ tiềm ẩn rủi ro vì hiện những tài sản này chưa thuộc sở hữu của Cảng Hải Phòng. Cần phải có một khoản chi phí tương ứng khi sử dụng các tài sản này phục vụ hoạt động SXKD vì có mang lại 1 phần doanh thu, nhưng cũng cần lưu ý đến khoản tiền do Thanh tra Bộ Tài chính tạm thu năm 2019 khi có quyết định phê duyệt chính thức của cơ quan có thẩm quyền.

Bên cạnh đó, HĐQT, BĐH Cảng Hải Phòng cần có giải pháp tích cực hơn nữa để phương án Quản lý, khai thác bến số 4, số 5 và bãi container Cảng Chùa Vẽ được phê duyệt.

2. Một số chỉ tiêu về tài sản, nguồn vốn và chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2025.

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán, Ban kiểm soát lập bảng tóm tắt tài sản, nguồn vốn như sau :

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
		Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
A	Tài sản	8.916.642.386.605	7.316.051.724.951	9.913.791.982.405	8.493.639.469.322
I	Tài sản ngắn hạn	1.490.836.367.850	1.439.190.419.743	3.069.783.422.453	3.094.005.768.117
II	Tài sản dài hạn	7.425.806.018.755	5.876.861.305.208	6.844.008.559.952	5.399.633.701.205
B	Nguồn vốn	8.916.642.386.605	7.316.051.724.951	9.913.791.982.405	8.493.639.469.322
I	Nợ phải trả	2.758.910.793.088	1.870.246.892.061	3.096.910.334.460	2.132.846.126.218
1	Nợ ngắn hạn	1.041.837.340.868	1.388.931.418.118	1.251.334.656.191	1.638.304.670.115
2	Nợ dài hạn	1.717.073.452.220	481.315.473.943	1.845.575.678.269	494.541.456.103
I	Vốn chủ sở hữu	6.157.731.593.517	5.445.804.832.890	6.816.881.647.945	6.360.793.343.104
1	Vốn góp của CSH	3.296.600.000.000	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
2	Thặng dư cổ phần			(166.066.396)	
3	Vốn khác của CSH			52.543.979.727	52.543.979.727
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản			(613.301.691.109)	(613.301.691.109)
5	Quỹ đầu tư phát triển	1.819.342.644.034	1.520.310.342.937	2.104.600.026.656	1.803.205.604.913
6	LNST chưa phân phối	1.068.788.949.483	655.894.489.953	1.212.061.506.690	1.043.583.234.828
7	Lợi ích cổ đông không kiểm soát			791.543.892.377	805.162.214.745

*** Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2025**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Công ty mẹ		Hợp nhất	
		Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
Các chỉ tiêu tài trợ vốn					
Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	69,06	74,44	68,76	74,89
Vốn chủ sở hữu / Tài sản dài hạn	%	82,92	92,67	99,60	117,80
Vốn chủ sở hữu / Tài sản cố định	%	501,05	342,23	449,15	348,27
Các chỉ tiêu thanh khoản					
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,43	1,04	2,45	1,89
Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	3,23	3,91	3,20	3,98
Các chỉ tiêu lợi tức					
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu khai thác	%	56,29	46,76	36,06	37,57
Lợi nhuận sau thuế / Tổng doanh thu	%	42,15	37,14	33,45	32,53
Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	%	12,02	9,59	10,70	12,52
Lợi nhuận sau thuế / Vốn CSH (ROE)	%	16,81	12,31	14,94	16,12
Lợi nhuận sau thuế / Vốn CSH (tính theo VDL)	%	29,83	19,65	30,11	29,82

Nhìn chung, tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, vốn chủ sở hữu tiếp tục được bảo toàn và phát triển, tính thanh khoản cao đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, thanh toán công nợ cho các nhà cung cấp, bên cho vay. Tài sản cố định của Công ty hầu hết được hình thành từ nguồn vốn chủ sở hữu. Công tác quản lý, thu hồi công nợ tốt, góp phần đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Việc phân chia lợi nhuận, chi trả cổ tức trong năm 2025 thực hiện đúng theo nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định của Công ty.

Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất, lợi nhuận sau thuế năm 2025 đều tăng so với năm 2024, đồng thời cả Công ty mẹ và các Công ty con đều có các biện pháp quản lý chi phí hiệu quả hơn.

3. Về dòng tiền của Cảng Hải Phòng

- Tiền và tương đương tiền tại ngày 31/12/2025 là dương 338,8 tỷ đồng, cùng kỳ năm trước là dương 80,8 tỷ đồng. Dòng tiền thuần trong năm 2025 âm 84,5 tỷ đồng, (năm 2024 dương 257 tỷ đồng). Trong đó:

+ Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh dương 327,7 tỷ đồng (năm 2024 dương 934,2 tỷ đồng)
+ Dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư năm 2025 âm 2.598,2 tỷ đồng (năm 2024 âm 522 tỷ đồng) do trong năm dòng tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác

+ Dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính năm 2025 dương 2.185,9 tỷ đồng (năm 2024 âm 155 tỷ đồng) do trong năm công ty thực hiện vay vốn để giải ngân cho đầu tư bến 3,4 Lạch Huyện.

- Tại 31/12/2025, Cảng Hải Phòng có các khoản tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng đến dưới 12 tháng là 163,6 tỷ đồng, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là 300,03 tỷ đồng, cùng kỳ năm trước là 290 tỷ đồng và 70,4 tỷ đồng.

PHẦN V. MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC

1. Về giao dịch giữa Cảng Hải Phòng, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó

Trong năm 2025, đối với giao dịch với các Công ty con, công ty khác (các bên liên quan) được trình bày ở mục 36.2 - Giao dịch với các bên liên quan tại trang 51 trên Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã kiểm toán.

Các giao dịch giữa Công ty với các thành viên HĐQT, BĐH, BKS và người có liên quan chủ yếu là các phát sinh về chi trả tiền lương, thù lao. Chi tiết về tổng thu nhập của thành viên HĐQT, thành viên Ban TGD, BKS được trình bày ở mục 36.2 - Thông tin về các bên liên quan, trang 52 trên Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã kiểm toán.

2. Về giao dịch giữa Cảng Hải Phòng với công ty trong đó thành viên HĐQT trị là người sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời hạn 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

Trong năm 2025, Cảng Hải Phòng có phát sinh giao dịch với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 3 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch và được công bố tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025 của Cảng Hải Phòng. Báo cáo này được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Cảng Hải Phòng vào ngày 29/01/2026 và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định.

PHẦN VI. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Đề nghị HĐQT tiếp tục chỉ đạo BĐH triển khai thực hiện các công việc:

- Tiếp tục thoái vốn tại các doanh nghiệp ngoài ngành, doanh nghiệp góp vốn không hiệu quả kéo dài để tập trung nguồn vốn đầu tư mở rộng và đầu tư chiều sâu.

- Bám sát chiến lược phát triển của Công ty và kế hoạch SXKD hằng năm, tiếp tục rà soát, đánh giá để đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Cơ cấu tổ chức phải hướng tới mô hình quản trị hiện đại, đáp ứng mục tiêu lấy khách hàng làm trung tâm, khuyến khích sự sáng tạo, tăng cường tính linh hoạt, ra quyết định nhanh để kịp thời ứng biến với sự biến động của thị trường.

- Rà soát, đánh giá chất lượng lao động theo yêu cầu tiêu chuẩn điều kiện của vị trí chức danh, theo tiêu chí về năng lực, hiệu quả công việc và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc trong thời kỳ mới. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, tay nghề và trẻ hóa lực lượng lao động.

- Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo chủ trương đã được phê duyệt. Làm tốt công tác tư tưởng cho cán bộ, người lao động trong quá trình sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy. Xây dựng các quy định, văn bản về chế độ chính sách đối với người lao động khi thực hiện sắp xếp.

- Tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong mọi hoạt động quản trị điều hành, vận hành khai thác, kinh doanh để nâng cao năng suất lao động, quản lý kiểm soát chi phí hiệu quả và tối ưu hóa nguồn lực.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung và ban hành các quy chế quy định nội bộ phù hợp với pháp luật hiện hành và đặc thù của Công ty để việc thực thi đảm bảo tính tuân thủ, thống nhất và hiệu quả.

- Công tác đầu tư cần phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận để thực thi đúng quy định pháp luật và đảm bảo tính kịp thời cho SXKD.

- Phối hợp với các doanh nghiệp trong hệ thống Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, các cơ quan chức năng liên quan để gia tăng sức mạnh tổng hợp và cung cấp chuỗi dịch vụ hoàn thiện cho khách hàng.

- Tiếp tục làm việc với các cơ quan quản lý giải quyết dứt điểm phương án khai thác cầu 4, 5 Cảng Chùa Vẽ.

- Thực hiện nâng cấp các bến container số 3,4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng tiếp nhận tàu trọng tải tới 165.000 DWT đã được cơ quan chức năng cấp phép tháng 8/2025 và tiến hành kiểm định, nâng cấp khả năng tiếp nhận tàu trọng tải lớn tại Khu vực Tân Vũ, Hoàng Diệu Chùa Vẽ đồng thời bám sát việc thực hiện các điều khoản chuyên tiếp của Nghị định 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực Hàng hải (có hiệu lực từ ngày 10/4/2025) để tháo gỡ khó khăn và đảm bảo áp dụng thống nhất các quy định của Pháp luật.

- Rà soát các điều kiện Công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán để có các giải pháp cụ thể đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

PHẦN VII. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

- Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

- Giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động, tình hình thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT Công ty.

- Thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện kiểm tra theo chuyên đề/đợt xuất: Kiểm tra việc chi trả thù lao/lương, thưởng, kiểm tra công tác quản lý và thu hồi nợ phải thu, kiểm tra giám sát dự án đầu tư, cải tạo/nâng cấp cơ sở hạ tầng (nếu có), kiểm tra công tác quản lý và sử dụng tài sản.

- Thực hiện các hoạt động phối hợp với HĐQT, BDH theo thực tế phát sinh.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2025 và phương hướng hoạt động của BKS năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Kính chúc quý vị Đại biểu và Quý cổ đông sức khỏe và bình an.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: TKCT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

(Đã ký)

Trần Thị Thanh Hải